

PHẬT HỌC

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Năm thứ 16 - Số 6-2006 (86)

Ra ngày 15/11/2006

Giá: 8.000 ĐỒNG

SỐ ĐẶC BIỆT

● **KỶ NIỆM 25 NĂM
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO
VIỆT NAM**

● Triết học và
nghệ thuật Việt Nam
trong quá trình tiếp thu
tư tưởng Phật giáo

● *Thực tập
sống hạnh phúc*



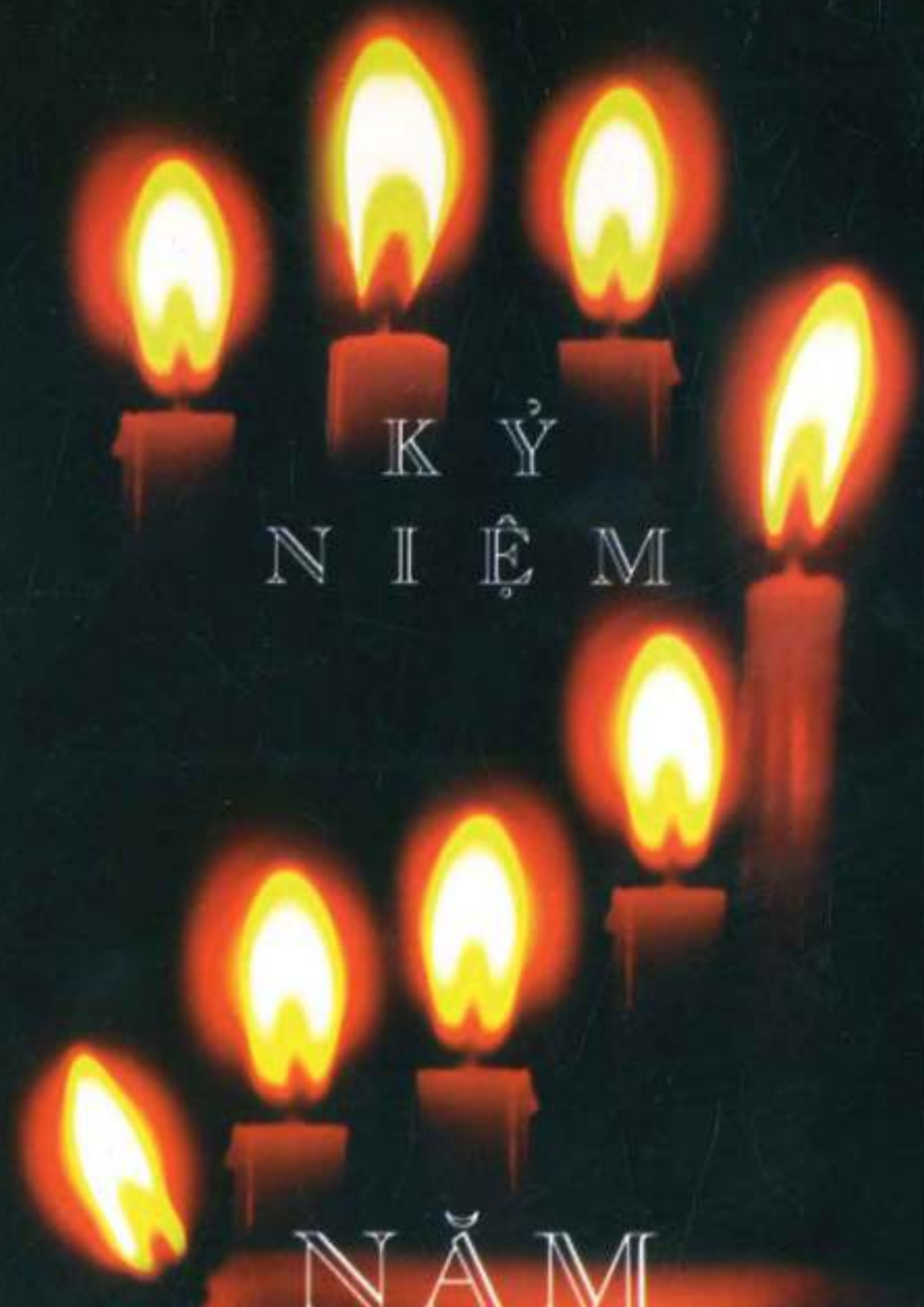
ĐẠO PHÁP - DÂN TỘC

BỘ MỞ

MUA SẴM • ĂM THỰC & VUI CHƠI GIẢI TRÍ UY TÍN CHẤT LƯỢNG

TỔ HỢP MUA SẴM • ĂM THỰC & VUI CHƠI GIẢI TRÍ UY TÍN CHẤT LƯỢNG • TỔ HỢP

LUÔNG • TỔ HỢP MUA SẴM • ĂM THỰC & VUI CHƠI GIẢI TRÍ UY TÍN CHẤT LƯỢNG



KỶ
NIỆM

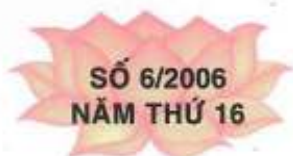
NĂM

SINH NHẬT
VINCOM
CITY TOWERS

191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội • Tel: (84-4) 974 9999 • Fax: (84-4) 974 8888
www.vincomjsc.com



VINCOM CITY TOWERS
Kết hợp từ những thương hiệu hàng đầu



SỐ 6/2006
NĂM THỨ 16

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

TỔNG BIÊN TẬP

Hoà thượng Thích Phổ Tuệ

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Thượng tọa Thích Gia Quang
Thượng tọa Thích Thanh Nhiễu
Giáo sư Hà Văn Tấn

BAN BIÊN TẬP

Đại đức Thích Minh Hiền
Đại đức Thích Đức Thiện
Trần Khánh Dư

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

Phạm Nhật Vũ

BAN THƯ KÝ

Nguyễn Xuân Hùng
Trần Thuý Nga
Thanh Hà

TRÌNH BÀY

Thanh Nga

TOÀ SOẠN VÀ TRỊ SỰ:

Chùa Quán Sứ -
73 Phố Quán Sứ- Hà Nội
Điện thoại: 04 9423887

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN:

Số 01/GP-BVHTT ngày 02/01/2002

Chế bản và in tại:

Công ty In & Văn hoá phẩm - Bộ VH TT

MỤC LỤC

I. Kỷ niệm 25 năm Giáo hội Phật giáo Việt Nam - Đạo pháp và Dân tộc

Bức thông điệp của Ban Thường trực Hội đồng chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Diễn văn chào mừng của Hoà thượng Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN

Hoà thượng Thích Thanh Tú: Đạo pháp và Dân tộc

Thượng tọa Thích Gia Quang: 25 năm quan hệ quốc tế của GHPGVN

Minh Nga: Nhớ lại cuộc vận động thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

25 năm trưởng thành và phát triển của Phật giáo Thủ đô

II. Phật học

Giáo sư Vũ Khiêu: Triết học và nghệ thuật Việt Nam trong quá trình tiếp thu tư tưởng Phật giáo

Giáo sư Hà Văn Tấn: Các cột kinh ở Hoa Lư

Thích Giác Hiệp: Đại cương Mật tông...

Bùi Đăng Khoa: Hé bức màn Mật tông Tây Tạng thần bí

III. Lịch sử tư tưởng

Lê Tâm Đắc: Một số cải cách về nơi thờ tự của Hội Phật giáo Bắc kỳ

Nguyễn Văn Chiến: Tư tưởng thiên của Nguyễn Trung Ngạn trong Giới Hiền thi tập

Nguyễn Đại Đồng: Đại sư Thái Hư với Phật giáo Việt Nam

Tiến sĩ Nguyễn Phạm Hùng: Mấy nét về văn học Phật giáo Việt Nam thời Bắc thuộc.

IV. Trao đổi ý kiến

Tiến sĩ Lê Hữu Tuấn: Thực tập sống hạnh phúc...

Mãn Đường Hồng: Quan Âm Thị Kính trên tem bưu chính...

V. Tin tức - Phật sự

KỶ NIỆM 25 NĂM THÀNH LẬP GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Thông điệp của Ban thường trực Hội đồng chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam gửi Tăng Ni, Phật tử Việt Nam ở trong nước và nước ngoài

Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2006

Nam mô Bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính gửi: **Chư Tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức, Tăng Ni, Quý vị Cư sĩ, Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài.**

Cách đây 25 năm tại chùa Quán Sứ, thủ đô Hà Nội đã diễn ra Hội nghị thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam, với sự hiện diện của 165 đại biểu Tăng Ni, Cư sĩ, Phật tử đại diện của 9 tổ chức, hệ phái Phật giáo trong cả nước. Đây là Hội nghị đánh dấu bước ngoặt quan trọng đối với lịch sử 2000 năm tồn tại và phát triển của Phật giáo Việt Nam trong sứ mệnh phụng sự đạo pháp và dân tộc. Nhân kỷ niệm 25 năm thành lập và phát triển, thay mặt Ban thường trực Hội đồng Chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam và nhân danh cá nhân, tôi có lời cầu chúc đến



Chư Tôn Giáo phẩm cùng toàn thể quý vị Đại đức Tăng Ni, Cư sĩ, Phật tử ở trong nước và nước ngoài thân tâm thường an lạc, Phật sự viên thành.

Trải qua hơn 25 năm thành lập và phát triển, với tinh thần đoàn kết, hòa hợp, tuân thủ các nguyên tắc tổ chức và hoạt động, Tăng Ni, Cư sĩ, Phật tử Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã đạt được nhiều Phật sự quan trọng, tạo nền móng vững chắc cho sự nghiệp xây dựng và phát triển của Phật giáo nước nhà trong lòng dân tộc. Hệ thống tổ chức được củng cố và hoàn thiện đáp ứng yêu cầu phát triển chung của xã hội; Tăng Ni, Cư sĩ, Phật tử không ngừng lớn mạnh cả về số và chất lượng, làm nòng cốt cho việc triển khai công tác Phật sự; Giáo dục đào tạo Tăng Ni, Phật tử được phát triển ở tất cả các cấp học, cơ sở vật chất trường lớp được mở rộng và đầu tư khang trang, nội dung và phương pháp giáo dục không ngừng được đổi mới; Hoàng dương chính pháp phát triển rộng khắp, làm sáng tỏ giáo lý trong cuộc sống nhân gian; Từ thiện xã hội thiết thực và kịp thời, góp phần tích cực cùng với toàn dân giải quyết những vấn đề xã hội, khắc phục những hậu quả của thiên tai; Quan hệ bang giao quốc tế được chú trọng, nâng cao vị thế của đất nước và Phật giáo Việt Nam trong cộng đồng thế giới; Nghiên cứu và xuất bản ấn phẩm Tạp chí, Kinh sách Phật giáo, đáp ứng nhu cầu trong các tầng lớp xã hội. Những thành tựu Phật sự đó là minh chứng để khẳng định tính tất yếu của sự thống nhất Phật giáo Việt Nam và sự trưởng thành của Giáo hội Phật giáo Việt

Nam trong suốt 25 năm qua. Thay mặt Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh, tôi có lời tán thán công đức đến Chư Tăng Ni, Cư sĩ, Phật tử trong và ngoài nước và bày tỏ tri ân công đức các cấp lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc cùng toàn thể đồng bào đã hộ trì thành tựu Phật sự của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Kính bạch Chư Tăng Ni, Cư sĩ, Phật tử,

Trong không khí trang nghiêm và hoan hỷ, tôi kêu gọi Chư Tăng Ni, Cư sĩ, Phật tử cả nước hãy không ngừng phát huy truyền thống lịch sử 2.000 năm Phật giáo Việt Nam trong lòng dân tộc và tinh tiến để thành tựu nhiều Phật sự ích đạo lợi đời.

Nhân kỷ niệm 25 năm thành lập và Phát triển Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi đề nghị Chư Tăng Ni, Cư sĩ, Phật tử đứng dậy, dành một phút tưởng niệm Chư tôn Giáo phẩm, Chư Tăng Ni, Cư sĩ, Phật tử đã viên tịch qua các thời kỳ và cầu nguyện Tam Bảo gia hộ cho sự xướng minh của Đạo Pháp và thành tựu Phật sự của mỗi chúng ta.

Nam mô Bốn sư Thích Ca Mẫu Ni Phật tác đại chứng minh.

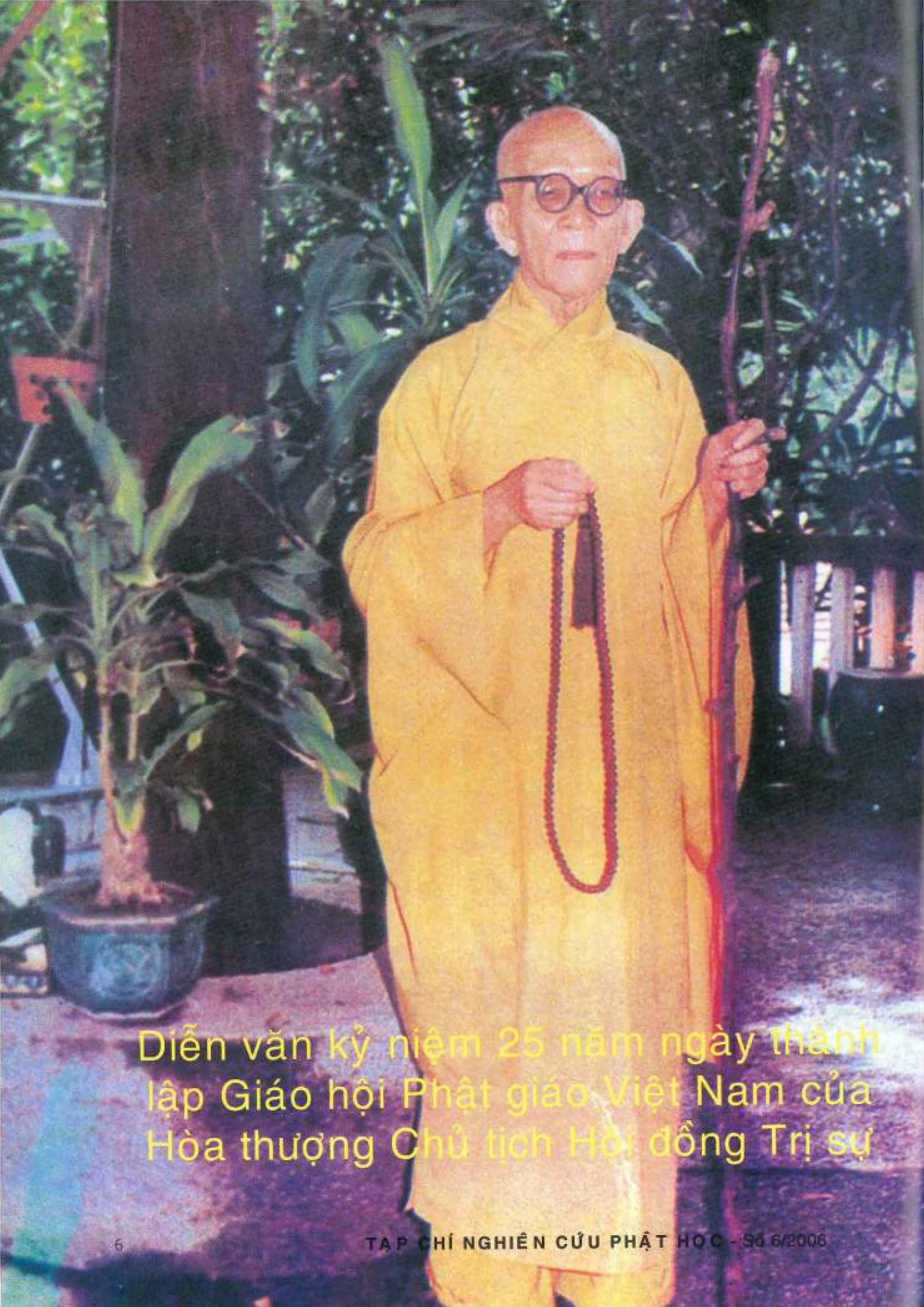
T.M Ban thường trực Hội đồng chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Đệ nhất Phó Pháp chủ



Hòa thượng THÍCH TRÍ TỊNH





Diễn văn kỷ niệm 25 năm ngày thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam của Hòa thượng Chủ tịch Hội đồng Trị sự

Kính bạch Chư tôn Giáo phẩm,

Kính thưa chư Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni và Quý vị Phật tử,

Kính thưa chư liệt vị,

Hôm nay, ngày 7.11.2006, Tăng Ni và Phật tử Việt Nam hân hoan đón mừng lễ Kỷ niệm một sự kiện trọng đại cách đây đúng 25 năm, đó là việc thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong bối cảnh đất nước được hoàn toàn giải phóng, thống nhất Tổ quốc. Giáo hội Phật giáo Việt Nam ra đời là một kết quả đương nhiên của ý chí thống nhất của nhân dân và đặc biệt là nguyện vọng chính đáng của Tăng Ni, Phật tử Việt Nam.

Trước những khó khăn của đất nước sau cuộc đấu tranh lâu dài bền bỉ của dân tộc chống lại thực dân, đế quốc, Giáo hội đã dẫn ổn định để rồi phát triển không ngừng cùng với sự phát triển của đất nước. Nhìn lại 25 năm xây dựng và phát triển của Giáo hội, chúng ta thấy có 4 đặc điểm nổi bật: Một là Giáo hội đã nỗ lực phấn đấu để thực hiện tinh

thần đại đoàn kết dân tộc, hòa hiệp Tăng Già, tập hợp được khối Tăng Ni Phật tử một lòng vì hạnh phúc của số đông. Hai là Giáo hội luôn theo đúng phương châm Đạo pháp, Dân tộc và Chủ nghĩa xã hội, tích cực tham gia mọi hoạt động vì nước vì dân, được nhà nước ủng hộ và luôn luôn ủng hộ chủ trương ích quốc lợi dân của nhà nước. Ba là Giáo hội đã thu đạt được những thành quả to lớn, xây dựng và phát triển Phật giáo Việt Nam và góp phần xây dựng đất nước. Bốn là Giáo hội kiên trì, nhẫn nại trong việc làm sáng tỏ đường lối, chủ trương của mình và tìm mọi cách để phá tan những mưu toan, những vu khống của các thế lực và phần tử xấu, nỗ lực kêu gọi sự đoàn kết, hợp lực của tất cả những cá nhân, đoàn thể, tổ chức vì Đạo Phật, vì đất nước và nhân dân.

Sở dĩ Giáo hội Phật giáo Việt Nam được nổi bật với 4 đặc điểm trên là do Giáo hội đã thấy đúng con đường lý tưởng của Phật giáo, thấy

đúng hoàn cảnh, nhân duyên; nói khác đi, chúng ta đã có chính kiến. Chính kiến là thấy đúng Tứ đế, chính kiến lại là chi phần đầu của Bát Chánh đạo tiến đến giải thoát, Niết bàn. Trong phẩm Chủng tử của Tăng Chi Bộ Kinh, Đức Phật có dạy: "Với người có chính kiến, này các Tỷ kheu, các pháp thiện chưa sinh khởi được sinh khởi và các pháp thiện đã sinh khởi được tăng trưởng, quảng đại". Ngài còn dạy: "Người có chính kiến làm cho đông người xa lìa phi pháp, an trú diệu pháp. Chính người này, này các Tỷ kheu khi xuất hiện ở đời đưa đến hạnh phúc cho số đông, an lạc cho số đông, lợi ích cho số đông, đưa đến hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người". Trong kinh Đại Câu-hy-la của Trung A-hàm, Tôn giả Xá-lợi-phất có hỏi Tôn giả Đại Câu-hy-la về nhân, về duyên sinh ra chính kiến. Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: "Có hai nhân, có hai duyên sinh ra chính kiến. Những gì là hai? Một là nghe từ người khác, hai là nội tâm tư duy". Chúng ta



ẢNH: XUÂN LOAN

cần học hỏi, cần nghe theo các bậc cao minh, thậm chí còn nghe cả dư luận, cả những phê phán. Kế đến, chúng ta phải tư duy trong nội tâm, chín chắn, sáng tạo, đúng hợp với chân lý và phù hợp với thực tế. Trong tinh thần đó, chúng ta vững vàng đón nhận những góp ý xây dựng, tỉnh táo trước những chê bai, thậm chí những vu khống, cũng như quyết tâm sửa đổi những thiếu sót trong khi làm Phật sự. Giáo hội chỉ mong sự thật được sáng tỏ chứ không muốn tranh cãi, phân biệt thị phi giữa các cực đoan. Đó cũng là ý nghĩa Trung đạo của chính kiến.

Chúng ta phân biệt rõ hữu tránh của phàm phu và vô tránh của bậc Thánh. Hữu tránh là có tranh chấp, mong cầu dục lạc hoặc mong cầu khổ hạnh, là chê bai, phân biệt thị phi, tất cả đưa đến khổ, phiền muộn, nhiệt não, ưu sầu. Vô tránh là Trung đạo, không tranh chấp thị phi, là sự tác thành nhân, tác thành trí tuệ tại, thành định đưa đến tuệ, đưa đến Giác ngộ và Niết bàn.

Các Phật sự và những thành tựu trong 25 năm qua của Giáo hội khiến chúng ta có thể an tâm vì Giáo hội đã thấy đúng và làm đúng. Hiện nay, hơn 35.000 Tăng Ni với hơn 15.000 tự viện, tịnh xá, tịnh thất trên cả nước cùng với quần chúng Phật tử đang chung sức xây dựng và phát triển Đạo Phật, tham gia các mặt hoạt động của đất nước. Giáo hội đang hợp tác hữu nghị với nhiều tổ chức Phật giáo bạn trên trường quốc tế, đóng góp việc truyền bá chính pháp, xây dựng và bảo vệ hòa bình thế giới. Giáo hội đã đẩy mạnh hoạt động của ngành

Giáo dục Tăng Ni với 3 Học viện Phật giáo và đang tiến hành xây dựng Học viện Phật giáo Nam tông Khmer, 30 trường trung cấp Phật học, nhiều trường tạm thời quản lý các lớp cao đẳng trong khi chờ đợi việc mở trường cao đẳng Phật học; đó là chưa kể các lớp sơ cấp Phật học được mở càng lúc càng nhiều ở các thành phố, quận huyện trên cả nước. Ngành Hoàng pháp được mở rộng, các khóa đào tạo, bồi dưỡng Giảng sư vẫn được tổ chức đều đặn, để từ đó Phật sự hoàng pháp được thể hiện khá đều đặn tại các tự viện, thậm chí ở các tự viện, niệm Phật đường tại vùng sâu, vùng xa. Viện và Phân viện nghiên cứu Phật học Việt Nam không ngừng tăng cường và mở rộng Phật sự nghiên cứu giáo lý, lịch sử, văn học nghệ thuật Phật giáo và tổ chức nhiều cuộc hội thảo, tọa đàm mang tính khoa học được sự tham gia của giới trí thức, các chuyên gia, các nhà Phật học, khoa học, xã hội... Ban Từ thiện xã hội hàng năm vẫn quyên góp cả trăm tỉ đồng để thực hiện công tác cứu trợ nạn nhân bị thiên tai, xoá đói giảm nghèo, xây dựng và phát triển mạng lưới y tế, nhà tình thương, nhà dưỡng lão... Bộ Đại tạng kinh Việt Nam đầu tiên đang được thực hiện, đến nay đã gần được 40 tập. Đồng thời, gần một trăm đầu kinh sách Phật giáo được in ấn phát hành hàng năm, cộng với các tạp chí, nội san, đặc san Phật giáo thường xuyên đến tay độc giả trong và ngoài nước.

Đây chỉ nêu những nét cơ bản minh hoặc phần nào những nỗ lực của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, các Ban Ngành Viện, tùy theo hoàn

cảnh đều đạt những thành tựu đáng ghi nhận. Đứng về mặt Giáo hội mà nói, nền tảng của Giáo hội chính là nhân dân, đặc biệt là toàn bộ quần chúng Tăng Ni Phật tử. Các cơ sở Giáo hội khởi từ các chùa làng, đến các Ban Đại diện quận huyện hội Phật giáo, các Ban Trị sự Tỉnh Thành hội, tạo sự ổn định và phát triển của Trung ương Giáo hội, từ đó mọi Phật sự được tiến hành tốt đẹp.

Nhân kỷ niệm 25 năm thành lập Giáo hội, người con Phật lại một lần nữa hun đúc quyết tâm tu tập, thực hiện lý tưởng Phật giáo. Trước hết là phải làm chủ tâm mình, khiến tâm thanh tịnh, không chao đảo trước khó khăn, không buông trôi theo dục lạc, danh lợi, thị phi... Đức Phật dạy: "Này các Tỷ kheo, Đa văn Thánh đệ tử không để tâm dẫn đi, không để tâm nhiễm trước, không để tâm tự tác. Đa văn Thánh đệ tử không đi theo tâm và khiến tâm đi theo Đa văn Thánh đệ tử". Lại nữa, Tăng Ni luôn luôn ghi nhớ lời Phật dạy: "Sa môn, Phạm chí, bậc Thánh, bậc Tịnh dục là những vị xa lìa, diệt trừ, gội rửa sạch các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế gốc rễ của Hữu trong tương lai, là sự phiền não, là mầm của khổ báo, của sinh, lão, bệnh tử".

Tâm hoan hỷ, thanh thân; tâm hiền từ, nhẫn nại; tâm tự tín, thành tín Tam Bảo; tâm vì đạo, vì đời sẽ khiến chúng ta tinh tiến, nỗ lực hoàn thành mọi Phật sự của chúng ta.

Ngưỡng cầu Tam Bảo gia hộ cho đất nước, cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam, cho chư liệt vị và cho toàn thể chúng sinh.

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. □

25 NĂM GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM:

ĐẠO PHÁP VÀ DÂN TỘC



ẢNH: XUÂN LOAN

Trong suốt chiều dài 2000 năm lịch sử Phật giáo Việt Nam, với tinh thần lục hoà cộng trụ, gắn bó với dân tộc, đoàn kết với dân tộc đã góp phần làm đẹp cho truyền thống đoàn kết yêu nước của dân tộc và cùng với dân tộc đạt được những kỳ tích vĩ đại. Đoàn kết thống nhất các hệ phái Phật giáo, thành lập một Giáo hội để xướng minh Phật pháp và phát triển dân tộc là nguyện vọng và tâm huyết của nhiều thế hệ tiến bối Phật giáo Việt Nam trong lịch sử.

Hoà Thượng THÍCH THANH TỨ

Phó Chủ tịch Thường trực HĐTS - GHPGVN

Kế thừa và tiếp nối xứng đáng truyền thống đó và cũng là đáp ứng tâm nguyện tha thiết và hoài bão lớn của các thế hệ Tăng Ni Phật tử Việt Nam, năm 1981, Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) được thành lập. Đây là một mốc son chói lọi trong lịch sử 2000 năm truyền bá giáo lý Phật Đà của lịch đại Tổ sư trên đất nước Việt Nam, là biểu tượng sáng ngời của tinh thần hòa hợp giữa những người con Phật. Lần đầu tiên, tất cả các tổ chức, giáo hội, hệ phái Phật giáo tự nguyện, dân chủ, lấy Tứ chúng đồng tu làm cơ sở để tham gia vào một giáo hội duy nhất - GHPGVN. Việc ra đời GHPGVN đã mở ra con đường phát triển mới của Phật giáo Việt Nam, đó là thống nhất tổ chức, thống nhất ý chí và hành động để hoằng pháp lợi sinh, đem ánh sáng đạo

lý vào trong đời sống xã hội, góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, tạo dựng cuộc sống hòa bình và an lạc.

Trải qua 25 năm phát triển với 5 nhiệm kỳ, có thể nói GHPGVN đã thành tựu rất nhiều Phật sự quan trọng, có tính chất quyết định đối với sự phát triển của Phật giáo Việt Nam trong hiện tại và tương lai. Trước hết, tổ chức của Giáo hội ngày càng hoàn thiện, ổn định, thống nhất và vận hành có hiệu quả với 10 ban, ngành, viện ở cấp Trung ương và gần 50 ban trị sự và ban đại diện cấp tỉnh, thành phố, chưa kể các ban đại diện cấp huyện, thị. Tăng Ni, Phật tử không ngừng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Tính đến nay đã có gần 40.000 Tăng Ni tu hành trong gần 15.000 tự viện trong cả nước.

Thành tựu nổi bật và rất có ý nghĩa là công tác giáo dục Tăng Ni được đổi mới cả về nội dung và phương pháp, hệ thống giáo dục Phật giáo với 30 trường Trung cấp Phật học, 3 Học viện Phật giáo (Đại học Phật giáo) ở ba miền, các lớp cao đẳng Phật học đã và đang đào tạo lớp Tăng sĩ kế thừa có đầy đủ Giới, Định, Tuệ, tu tập và hoằng pháp, là cột trụ cho Giáo hội sau này. Cơ sở vật chất các trường Phật học đã và đang được đầu tư xây dựng khang trang, đặc biệt là Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội vừa được khánh thành giai đoạn I với 3 khu ký túc xá, 1 khu giảng đường, phục vụ bước đầu cho 400 Tăng Ni sinh tu học. Hiện nay cả nước có trên 40 Tăng Ni sinh tốt nghiệp tiến sĩ Phật học đã về nước, 190 Tăng Ni

sinh đang du học theo các cấp đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ tại các nước Ấn Độ, Trung Quốc, Thái Lan, Myanmar, Sri Lanka, Nhật Bản, tại lãnh thổ Đài Loan, Hoa Kỳ... là những lực lượng Tăng Ni trẻ sẽ tham gia vào phát triển GHPGVN trong tương lai.

Công tác văn hóa, hoằng pháp của Giáo hội đạt được nhiều kết quả đáng chú ý. Nhiều chùa chiền, tự viện được sửa chữa, tu bổ, xây mới, nhất là những ngôi cổ tự gắn liền với lịch sử Phật giáo Việt Nam và trở thành những trung tâm tu tập và thuyết giảng giáo lý nhằm giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc. Hệ thống báo chí của Giáo hội như Tạp chí Nghiên cứu Phật học, Báo Giác Ngộ, Tạp chí Văn hóa Phật giáo... ngày càng có chỗ đứng vững chắc trong lòng độc giả, góp phần truyền thông hoạt động của Giáo hội và là diễn đàn thiết thực của Tăng Ni Phật tử khắp mọi miền đất nước. Hàng ngàn đầu kinh sách, ấn phẩm Phật giáo được phát hành, trong đó chỉ riêng Nhà xuất bản Tôn giáo đã xuất bản gần 1.000 đầu sách, hơn 200 đầu văn hóa phẩm với gần 3.000.000 ấn bản. Đặc biệt là GHPGVN đã thực hiện ước mơ của các bậc tiền nhân là biên dịch bộ Đại tạng kinh Việt Nam, ấn hành và tái bản nhiều lần tạo điều kiện cho Tăng Ni và đồng bào Phật tử dễ tu học, nghiên cứu.

Hoạt động Phật giáo quốc tế được mở rộng, đẩy mạnh và chủ động hơn. Giáo hội đã tham gia các đại lễ, hội nghị, hội thảo Phật giáo quốc tế tại Châu Âu, Thái Lan, Trung Quốc, Ấn Độ, Sri Lanka..., tiếp đón các phái

đoàn Phật giáo quốc tế tới thăm Việt Nam, đóng góp tích cực vào sự phát triển của Phật giáo khu vực và quốc tế, tăng cường tham gia đối thoại tôn giáo nhằm hợp tác bảo vệ hòa bình của nhân loại. Hình ảnh và uy tín của Phật giáo Việt Nam ngày càng được khẳng định trong cộng đồng Phật giáo thế giới. Đại diện của Giáo hội cũng tới thăm và hỗ trợ Phật sự cho kiều bào Phật tử ở nhiều nước như Pháp, Nga, Ucraina, Cộng hòa Séc...

Một thành tựu gắn liền với đời sống mấy chục triệu Phật tử Việt Nam không thể không nhắc tới ở đây là việc tu tập của Phật tử ngày càng thiết thực, khởi sắc, đi đúng chính pháp, theo lời Phật dạy. Các đạo tràng tu học Phật pháp nở rộ từ trong Nam ra ngoài Bắc. Phong trào tu học Phật pháp không chỉ diễn ra trong khuôn viên tự viện, hoặc gia đình mà đã lan rộng ra cộng đồng, trên các trang mạng internet. Chư tôn đức, quý Phật tử đã nhanh chóng ứng dụng công nghệ thông tin vào việc hoằng pháp, lưu trữ, cập nhật và chia sẻ thông tin, kinh nghiệm tu tập như Phòng thuyết pháp trực tuyến trên Paltalk Chuyển pháp luân (www.chuyenphapluan.com), trang Phật tử Việt Nam (www.phattuvn.org), chùa Vĩnh Nghiêm (www.vinhnghiemvn.com), băng đĩa ca nhạc Phật giáo.

Phong trào Gia đình Phật tử được củng cố với gần 800 đơn vị Gia đình Phật tử đã đăng ký sinh hoạt tại 16 tỉnh thành. Mạch sống Phật giáo đã thấm sâu trong tâm huyết của người dân Việt Nam hơn 2000 năm qua nay có cơ

duyên thuận lợi để phát triển. Các tầng lớp nhân dân đã và đang tìm thấy ở Phật giáo những giá trị hữu ích cho đời sống của bản thân, gia đình và xã hội. Điều đáng mừng là giới trẻ hiện nay đang đến với Phật giáo ngày càng nhiều.

Lý do cơ bản nhất và quan trọng nhất chính là ở tinh thần đoàn kết, lục hòa, thống nhất ý chí và hành động của các cấp Giáo hội, của đại bộ phận Tăng, Ni và Phật tử, đã tập hợp được trí tuệ, công sức, tinh tài của Tăng Ni Phật tử cả nước, cũng như ở nước ngoài trong quá trình thực hiện công tác Phật sự. Thành tựu đạt được là công đức chung của tất cả Tăng Ni, Phật tử Việt Nam. Ngoài ra, sự phát triển của GHPGVN nằm trong sự đổi mới và phát triển chung của đất nước, được sự giúp đỡ, quan tâm và ủng hộ của Nhà nước và Chính quyền các

cấp, đặc biệt sau khi Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo được ban hành, Tăng Ni Phật tử cả nước tin tưởng và hoan nghênh.

Hiện nay, đất nước đang trong quá trình hội nhập quốc tế mạnh mẽ. Giao lưu kinh tế, văn hóa, khoa học, giáo dục... mang lại những cơ hội và thách thức rất lớn cho đất nước nói chung và Phật giáo nói riêng. Phật giáo phải đóng vai trò tích cực trong việc giải quyết những vấn đề xã hội, góp phần tạo dựng sự an lạc trong vật chất, tinh thần và tâm linh, tôn vinh giá trị đạo đức cao đẹp, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Trước những đòi hỏi của thời đại, GHPGVN sẽ tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, hòa hợp, Tăng Ni trau dồi Giới, Định, Tuệ, trường dưỡng đạo tâm... Giáo hội sẽ tiếp tục kiện toàn tổ chức và nhân sự, trao nhiều trọng

trách cho các Tăng, Ni, Phật tử trẻ có đạo hạnh, có trình độ. Hệ thống giáo dục Phật giáo sẽ tiếp tục được ưu tiên đổi mới và phát triển, mở rộng đào tạo cho Phật tử, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các công tác của Giáo hội, đặc biệt là công tác quản lý hành chính, truyền thông và hoằng pháp. Giáo hội sẽ có các hình thức, chương trình tu học Phật pháp phong phú, phù hợp với từng đối tượng Phật tử, có những chương trình sinh hoạt văn hóa lớn trong những ngày lễ lớn của Phật giáo...

Cuối cùng, cũng là mục tiêu xuyên suốt trong hoạt động của GHPGVN: Đạo Pháp - Dân Tộc - CNXH. Gắn đạo với đời, phát huy truyền thống yêu nước và đại đoàn kết dân tộc, đồng hành cùng sự phát triển của đất nước hướng tới xây dựng cuộc sống giàu đẹp, văn minh, hiện đại. □



ẢNH: LƯU VĂN TOÀN



Đoàn đại biểu Tôn giáo Việt Nam tại Diễn đàn Phật giáo thế giới lần thứ Nhất tại Trung Quốc

25 năm công tác quan hệ quốc tế của Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Thượng tọa THÍCH GIA QUANG

*Ủy viên Thư ký HĐTS,
Phó trưởng ban Phật giáo quốc tế - GHPGVN*

I. Khái quát tính hình chung về bối cảnh Việt Nam và thế giới :

Hai mươi lăm năm qua, hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) đã có rất nhiều những thuận lợi bởi nền kinh tế nước ta không ngừng tăng trưởng. Hệ an toàn

chính trị của nước ta cũng thuộc loại ổn định nhất trên thế giới. Đảng và nhà nước ta thực hiện chính sách tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào của người dân nên Giáo hội ta ngày càng phát triển. Giáo hội có điều kiện tu sửa, mở mang chùa cảnh, trường lớp và tổ chức nhiều hoạt động Phật sự ở khắp các nơi. Các hoạt động của Giáo hội cũng đã thu hút sự quan tâm của tín đồ, Phật tử và nhiều tầng lớp nhân dân. Giáo lý đạo Phật khá tương đồng với nhiều phong tục tập quán tốt đẹp của người dân Việt Nam, vì vậy đạo Phật dễ dàng đi vào lòng người và thực hiện được sứ mệnh đoàn kết



Đoàn Giáo hội Phật giáo VN hội đàm với Bộ Lễ nghi Tôn giáo Campuchia

dân tộc. Người dân Việt nói chung khá mộ đạo Phật. Những năm gần đây, Việt Nam phát triển quan hệ ngoại giao với hầu hết các nước, các tổ chức quốc tế lớn. Nhiều quốc gia, tổ chức trên thế giới biết đến Việt Nam không chỉ qua nền kinh tế phát triển năng động, con người Việt Nam cần cù hiếu khách mà cũng bởi Việt Nam có một nền văn hoá phong phú trong đó có sự đóng góp tích cực của văn hoá Phật giáo. Chính những điều đó là những mặt thuận lợi cho công tác quan hệ quốc tế của Giáo hội Phật giáo nói riêng và phát triển Phật giáo Việt Nam nói chung.

Cộng đồng người Việt Nam chúng ta sinh sống ở nước ngoài khá đông. Theo Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài cho biết: tính đến nay có khoảng 3 triệu Việt kiều ở hải ngoại, trong đó số Việt kiều tại Mỹ là đông nhất khoảng gần 1,5 triệu, chiếm 1/2 số Việt kiều đang sinh sống ở các nước trên thế giới. Tiếp theo là Pháp, Úc, Nga, Canada, Đông Âu và Tây Âu... Trong số Việt kiều đang sinh sống ở hải ngoại thì phần lớn là người theo đạo Phật.

Do nhu cầu tín ngưỡng và tâm linh, một số cộng đồng người Việt ở nước ngoài xây chùa thờ Phật, sinh hoạt Phật giáo theo truyền thống đạo Phật Việt Nam.

Khoa học kỹ thuật phát triển vượt bậc đem đến cho con người một cuộc sống vật chất đầy đủ hơn, song đồng thời lại làm cho hố ngăn cách giữa giàu và nghèo trên thế giới ngày một lớn. Hố ngăn cách giàu nghèo hiện nay sẽ ngày càng gia tăng mà chưa hề có giải pháp nào để san lấp. Bên cạnh đó cũng có sự ngăn cách giữa các thế hệ trong từng gia đình ngày một rõ ràng hơn. Quan hệ giữa các cá thể trong xã hội mang tính độc lập hơn, ít quan tâm chia sẻ với nhau hơn. Trong nhiều gia đình có sự xung khắc giữa các thế hệ: xung khắc từ quan điểm sống, xu hướng phát triển bản thân và nghề nghiệp cho đến nhu cầu giải trí.

Chưa bao giờ tệ nạn xã hội và nạn ô nhiễm môi trường lại ở trong tình trạng báo động khẩn cấp như hiện nay, dẫn đến việc mất cân bằng hệ sinh thái và hậu quả sẽ là những thảm hoạ thiên tai giáng xuống chúng ta ở

bất cứ nơi đâu và bất cứ lúc nào. Vấn đề môi trường đã trở thành một vấn đề nghị sự cấp bách mang tính toàn cầu.

Bên cạnh đó, mặc cho những ước muốn tốt đẹp của chúng ta, thế giới vẫn tiếp tục xung đột và hận thù ngày càng gia tăng mà chưa thấy hồi kết thúc. Thậm chí trong thời điểm này máu vẫn đang chảy và cuộc sống quý báu của nhân loại bị cướp đi một cách vô cố.

Chính những điều trên đây đó dẫn đến một nhu cầu bức xúc đối với quảng đại dân chúng về đời sống tâm linh. Họ đang tìm đến Phật giáo như một niềm an ủi mạnh mẽ về mặt tinh thần. Do đó các hoạt động Phật sự của Giáo hội trong đó có sự hợp tác quốc tế đem đến hoà bình an lạc, phát triển Văn hoá tâm linh là rất cần thiết cho nhân loại hiện nay.

II. Thực trạng công tác Phật giáo quốc tế trong 25 năm qua

Trong 25 năm qua, Giáo hội Phật giáo Việt Nam không ngừng mở rộng quan hệ hợp tác giao lưu quốc tế, nhằm thắt chặt tình hữu nghị giữa Giáo hội Phật giáo Việt Nam với các tổ chức Phật giáo trong khu vực và trên thế giới. Sự quan tâm đến công tác đối ngoại của Giáo hội đã được chứng minh qua Hiến chương của Giáo hội có Ban Phật giáo Quốc tế đồng hành với 9 Ban ngành khác của Giáo hội. Trong 25 năm qua, chúng ta đã cử nhiều phái đoàn ra nước ngoài tham dự các hội nghị, hội thảo và đối thoại về tôn giáo cũng như có nhiều văn thư, tài liệu học thuật trao đổi với các tổ chức



Tiếp đoàn Can dự toàn cầu Mỹ tại Trụ sở Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.
 ẢNH: XUÂN LOAN

Phật giáo, các Viện Phật học, Viện Nghiên cứu của các nước. Tiếp đón các phái đoàn khách Quốc tế của các tổ chức Phật giáo vào thăm Giáo hội ta, cũng như các chính giới của các nước, các tổ chức đến thăm và tìm hiểu tình hình tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam. Hiện nay, Giáo hội PGVN đã có quan hệ với Giáo hội Phật giáo nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là khu vực Châu Á Thái Bình Dương như Giáo hội Phật giáo Ấn Độ, Trung Quốc, Thái Lan, Mianma, Nhật Bản, Silanka, Lào, Campuchia... Hàng năm Giáo hội đã có các đoàn sang thăm viếng, tham dự các hội nghị, hội thảo do Giáo hội các nước này tổ chức. Nhiều Hội nghị quốc tế về tôn giáo, nhất là Phật giáo được các Giáo hội bạn hay các tổ chức quốc tế tổ chức thì GHPGVN đều tham gia tích cực và đóng góp những tiếng nói vào thành công của các Hội nghị đó như các Hội nghị thượng đỉnh các tôn giáo ở Mỹ, Nhật, Thái Lan, Campuchia.... Giáo hội đã cử các đoàn đi dự các đại hội ABCP quốc tế tại Mông Cổ, Lào..., dự Hội nghị về Bức thông điệp vĩnh hằng của

Đức Phật Tổ tại Srilanka, dự Hội nghị quốc tế toàn cầu hoá ở Berlin, dự Hội nghị đối thoại tôn giáo về hòa bình ở Indonesia, Philipin, Tây Ban Nha, dự Hội thảo quốc tế về nguồn gốc Phật giáo Thái Lan và các nước lân cận trong khu vực tại Bangkok, dự Hội thảo giáo dục Phật giáo thế kỷ 21 tại Giang Tô - Trung Quốc, dự Hội thảo, tọa đàm về Phật giáo và Giáo hội Phật giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ. Tham gia Diễn đàn Phật giáo thế giới với chủ đề xây dựng một thế giới hài hoà, hữu nghị hãy bắt đầu từ tâm thức của bạn do Hiệp hội Phật giáo Trung Quốc tổ chức tại Hàng Châu. Giáo hội cũng đã cử các phái đoàn sang thăm hữu nghị các nước Lào, Campuchia, Mianma, Srilanka và Trung Quốc. Những năm qua hoạt động hợp tác quốc tế của GHPGVN cũng khá rộng mở về những hoạt động văn hoá, giáo dục, trao đổi tìm hiểu lẫn nhau diễn ra thường xuyên. Đặc biệt trong công tác giáo dục, hàng năm số Tăng Ni sinh đi du học không chỉ tăng về số lượng mà tăng cả về ngành học. Hiện nay Giáo hội có khoảng trên 200 Tăng Ni

sinh du học nước ngoài trong đó có 20 vị đã đỗ Tiến sĩ, trên 20 vị đỗ thạc sĩ còn lại đang theo học chương trình tiến sĩ, thạc sĩ tại các nước và vùng lãnh thổ như Ấn Độ, Mianma, Trung Quốc, Nhật Bản, Pháp, Úc, Đài Loan... Công tác quan hệ quốc tế cũng được thể hiện ở việc các Giáo hội, đoàn thể, các chính khách hay các tổ chức quốc tế, các đoàn ngoại giao như Nghị Viện Châu Âu, Ủy ban tự do tôn giáo quốc tế Hoa Kỳ, Đại sứ lưu động Mỹ... đến thăm viếng trao đổi, tìm hiểu Phật giáo Việt Nam với Giáo hội làm cho bạn hiểu rõ hơn và trung thực hơn về tình hình tôn giáo tại Việt Nam cũng như sự phát triển tốt đẹp của GHPGVN. Năm 2005, 2006, Giáo hội đã có những phái đoàn sang Ba Lan, Cộng hoà Séc và Ucraina... làm lễ khởi công động thổ xây chùa, khánh thành chùa và tổ chức lễ Phật đản cho bà con Việt kiều tại các nước này. Đây là điểm lành thể hiện cho sự thịnh vượng của Phật giáo chúng ta.

Như vậy Giáo hội ta thực hiện được 4 loại hình hoạt động Phật giáo quốc tế. Bốn loại hình đó là: 1.Các hoạt động Phật giáo vì hòa bình; 2.Các hoạt động Phật giáo quốc tế trên lĩnh vực văn hoá, giáo dục; 3.Các hoạt động Phật giáo quốc tế về tình hữu nghị giữa các dân tộc; 4.Các hoạt động Phật giáo quốc tế đối với Phật tử Việt kiều tại hải ngoại.

Đặc biệt đầu năm 2005 vừa qua và đầu năm 2007 tới đây, GHPGVN đã đón tiếp thiền sư Thích Nhất Hạnh và Phật giáo Tăng thân Làng Mai nước Pháp về thăm Việt Nam, điều đó đã thể hiện tình



cảm” Đồng bào cùng là con Lạc cháu Hồng” của người Việt Nam, “cùng là người con Phật tử trên khắp năm châu bốn biển”. Đồng thời để cho thấy được sự đổi mới và phát triển của Phật giáo Việt Nam, thấy được vai trò và vị trí của GHPGVN trong cộng đồng xã hội Việt Nam.

Bên cạnh nhiều mặt đã làm được trong công tác Hợp tác quốc tế của GHPGVN, chúng ta cũng phải khách

quan nhìn nhận một thực tế là: những cố gắng về những điểm đã đạt được chưa tương xứng với tiềm năng của Giáo hội chúng ta và đặc biệt với yêu cầu của thời đại. Trong những năm qua các hoạt động Phật giáo quốc tế của chúng ta đa phần là thụ động. Chúng ta mới chỉ cử các phái đoàn đi tham dự các Hội nghị, Hội thảo về tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng mà rất ít khi đứng ra tổ chức

được các Hội nghị, Hội thảo mang tầm vóc quốc tế để tạo cơ hội giới thiệu đến thế giới một GHPGVN lớn mạnh và không ngừng phát triển. Tại các Hội nghị mà chúng ta tham dự, cho dù đã có tiếng nói nhất định song chừng đó là chưa đủ, chưa xứng với tầm vóc của Giáo hội chúng ta. Tại các tổ chức Phật giáo lớn chúng ta chưa giữ được những vị trí tương xứng. Chính việc thụ động chưa mạnh dạn trong việc đăng cai hoặc có những sáng kiến tổ chức những sự kiện Phật giáo lớn trong khu vực đôi khi khiến cho Giáo hội chúng ta không được nhìn nhận một cách chân thực. Ngoài việc tham dự các Hội nghị, Hội thảo, chúng ta cũng chưa chủ động trong công tác quan hệ quốc tế ở chỗ chưa mạnh dạn tự mời, hoặc liên hệ với các Giáo hội bạn, các tổ chức Phật giáo quốc tế đến thăm quan, để được giới thiệu về Giáo hội chúng ta.

Trong công tác quan hệ quốc tế 25 năm qua, chúng ta thiếu hẳn một kênh thông tin chính thống cực kỳ quan trọng đó là mảng tuyên truyền. Hiện nay chúng ta chưa có một website chính thức của Giáo hội để Tăng Ni, Phật tử và đồng bào trong và ngoài nước có thể theo dõi, nắm bắt tất cả hoạt động Phật sự của Giáo hội, chứ chưa nói gì đến phiên bản tiếng Anh cho Phật tử hải ngoại và bè bạn quốc tế biết đến. Đây cũng chính là điều làm cho công tác quan hệ quốc tế của chúng ta cũng có những hạn chế trong thời gian qua. Hiện chúng ta chưa có một ấn bản nào của Giáo hội bằng tiếng nước ngoài phục vụ cho công tác quan hệ quốc tế.

Chính yếu kém và những hạn chế trên đây đang đặt ra những yêu cầu mà những người làm công tác quan hệ quốc tế phải trăn trở tìm hướng đi trong thời gian tới.

III. Công tác quan hệ quốc tế -con đường đi tới:

Thế kỷ XXI được một số nhà khoa học trên thế giới dự báo là thế kỷ của khoa học công nghệ và tâm linh tôn giáo. Điều đó được thể hiện qua sự phát triển mạnh của các tôn giáo nói chung và Phật giáo Việt Nam nói riêng trong suốt thời gian qua. Những tiến bộ khoa học vẫn chưa thể giải quyết được những đau khổ cho nhân loại và cũng chưa làm cho con người được hạnh phúc. Điều đó đã thôi thúc nhiều người,

nhất là Phương Tây ngay cả giới trí thức cũng đang tìm đến sự an ủi của tôn giáo đối với đời sống tâm linh Phật giáo như là một nhu cầu bức xúc đặt ra trong thế kỷ 21 của nhân loại.

Một xu hướng đang hình thành khá rõ là việc hướng về Phương Đông với nền văn hoá Phật giáo để được sống trong thế giới tâm linh chính Pháp, để được hưởng sự an lạc và hạnh phúc. Đời sống vật chất của nhân loại càng phát triển thì nhu cầu về đời sống tâm linh ngày càng cao, mà có lẽ Phật giáo chính là tâm điểm của đời sống tâm linh ấy. Chỉ có làm theo lời Đức Phật dạy thì chúng ta mới có được thế giới đại đồng, mọi người được hưởng an lạc và thương yêu nhau hơn.

Tháng 4 năm 1998, khi

Hội nghị thượng đỉnh Phật giáo lần thứ nhất được tổ chức tại Kyoto - Nhật Bản, một số chức sắc cao cấp đã cùng thảo luận chủ đề "Ai là người chịu trách nhiệm trong sự suy yếu xuống mức như hiện nay của Phật giáo trên thế giới?" Và tất cả mọi người đều nhất trí kết luận rằng: "Trách nhiệm nằm ở hàng ngũ chức sắc".

Chính những điều đó đang đặt ra những nhiệm vụ hết sức lớn lao cho công tác hợp tác quốc tế của GHPGVN. Nói một cách hình ảnh thì công tác quan hệ Phật giáo quốc tế chính là con đường đi tới, là xu thế tất yếu của thời đại đặt ra với chúng ta. Hơn lúc nào hết, trong thời gian trước mắt, GHPGVN cần tiếp tục thực hiện 4 nhóm nội dung trong công tác quan hệ quốc tế: 1.Các hoạt động Phật giáo



Các nhà sư Ấn Độ thăm chùa Quán Sứ

ẢNH: PHÙNG ANH TUẤN

vì hòa bình. 2. Các hoạt động Phật giáo quốc tế trên lĩnh vực văn hoá, giáo dục. 3. Các hoạt động Phật giáo quốc tế về tình hữu nghị giữa các dân tộc. 4. Các hoạt động Phật giáo quốc tế đối với Phật tử Việt kiều tại hải ngoại.

Trong thế giới chúng ta đang sống, khi mà toàn cầu hoá đang trở thành xu hướng tất yếu thì quan hệ quốc tế trong tất cả các lĩnh vực đều trở thành đòi hỏi có tính khách quan. Trong hợp tác quốc tế chúng ta không chỉ đơn thuần là các hoạt động thăm viếng xã giao, mà chủ động trong tất cả 4 nhóm hoạt động trên. Chúng ta phải chủ động xây dựng các chương trình hợp tác, quan hệ quốc tế, chủ động thực hiện các hoạt động đó, không nên thụ động trông chờ ý lại vào bạn và Nhà nước. Không những chúng ta chủ động đến với bạn bè trong quá trình giao lưu hợp tác mà cần phải đa dạng các hình thức giao lưu hợp tác. Ngày nay với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật ứng dụng trong các loại hình thông tin liên lạc, chính điều này đã làm cho công tác quan hệ hợp tác Phật giáo quốc tế trở nên cực kỳ thuận lợi và đòi hỏi chúng ta phải tranh thủ một cách tối đa.

Công việc đầu tiên đó chính là chúng ta cần xây dựng một website chính thức của Giáo hội chúng ta để Tăng Ni Phật tử trong và ngoài nước có thể nắm bắt được bề dày, sự lớn mạnh không ngừng của GHPGVN, theo dõi nắm bắt một cách kịp thời các hoạt động Phật sự. Đặc biệt các sự kiện mà Giáo hội dự định sẽ tổ chức trong năm sẽ được lên chương trình sớm để không

chỉ Tăng Ni Phật tử trong nước mà Tăng Ni Phật tử hải ngoại, những nhà nghiên cứu quốc tế có thể đến với chúng ta. Đây có lẽ chính là kênh thông tin đặc sắc, là nhịp cầu nối liền GHPGVN với thế giới.

Chúng ta tiếp tục tham gia một cách tích cực vào các hoạt động Phật giáo cao cả vì hoà bình, nhân đạo với các tổ chức Phật giáo quốc tế, các giáo hội bạn và các phong trào tiến bộ. Không những tham gia mà chúng ta nên tính đến việc khởi xướng một phong trào nào đó với những Hội nghị mang tầm vóc quốc tế như Hội nghị thượng đỉnh Phật giáo thế giới hay Diễn đàn Phật giáo thế giới... Trong thời gian tới chúng ta nên nghiên cứu để đăng cai những sự kiện đó. Khi đăng cai tổ chức được thì chắc chắn một điều là không những hình ảnh của GHPGVN thêm phần tốt đẹp trong con mắt bạn bè mà cả hình ảnh đất nước Việt Nam, con người Việt Nam cũng tăng thêm phần tốt đẹp.

Trong thời gian tới, chúng ta không chỉ thụ động tiếp các đoàn nghiên cứu, khảo sát quốc tế, các chính khách đến tìm hiểu về đời sống Phật giáo nước nhà mà hàng năm chúng ta nên tổ chức các sự kiện để giới thiệu về đời sống Phật giáo tại VN và hải ngoại.

Tất cả các hoạt động của các ban ngành trong Giáo hội đều không nằm ngoài mục đích là phục vụ cho sự lớn mạnh không ngừng của GHPGVN. Tuy nhiên, chúng ta phải suy nghĩ một thực tế là chúng ta đang thiếu điều kiện tiên quyết cần thiết cho việc thực hiện tốt đẹp các sứ

mệnh trên. Đó là "Trung tâm Phật giáo Việt Nam", nơi tất cả các tín đồ Phật giáo của đất nước và cả ở hải ngoại có thể dựa vào đó như là một nơi gửi gắm tinh thần. Đó cũng là nơi mà tất cả các tín đồ Phật giáo có thể chung tay, thống nhất là một để vượt qua mọi khác biệt về truyền thống Phật giáo. Một biểu tượng cho Phật giáo Việt Nam, nơi mà tất cả các tín đồ đều hướng đến như là tinh hoa của nền Phật giáo nước nhà. Đây sẽ là nơi trưng bày giới thiệu về Phật giáo từ khi du nhập vào VN cho đến ngày nay. Làm được điều này tôi nghĩ rằng nó sẽ hỗ trợ rất nhiều cho tất cả các công tác của Giáo hội chúng ta. Bạn bè quốc tế sẽ đến với chúng ta nhiều hơn, và đây chính là nơi họ có thể hiểu một cách chính xác về Phật giáo Việt Nam.

Đức Phật đã ban cho chúng ta một khuôn mẫu sinh hoạt và cả một kho tàng chính Pháp làm lợi lạc quần sinh, nhưng nó chỉ có thể có tác dụng hữu hiệu thông qua sự củng cố tổ chức, giới luật Tăng già để làm cho mọi người tôn kính và đi theo. Từ đó hướng dẫn đời sống tâm linh cho Phật tử. Lịch sử đã chứng minh, chỉ với Phật giáo các nhà lãnh đạo các quốc gia mới có được sức mạnh liên kết nhân tâm, tạo ra một sự đoàn kết mạnh mẽ toàn dân tộc, lòng người cùng hướng về một chỗ. Chỉ khi đó, hoà bình an lạc mới thực sự hiện hữu và trường tồn cùng với chúng ta. Để làm được những điều cao cả đó, công tác quan hệ hợp tác Phật giáo quốc tế chính là con đường đi tới của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. □

NHỚ LẠI CUỘC GIÁO HỘI PHẬT

Đạo Phật đã du nhập vào Việt Nam gần 2000 năm - Với bản chất Từ bi, trí tuệ, vô ngã, vị tha, yêu hoà bình, tôn trọng sự sống, đạo Phật đã hoà đồng cùng với nhân dân Việt Nam, gắn bó với vận mệnh thịnh - suy của dân tộc Việt Nam.



MINH NGÀ

Ban Tôn giáo Chính phủ

Trải qua các triều đại phong kiến, từ thời Đinh - Tiền Lê rồi đến thời nhà Lý, nhà Trần, Phật giáo luôn có một vai trò rất quan trọng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Thời đại nào cũng có những nhà sư đồng thời cũng là những nhà văn

hoá, chính trị, quân sự, ngoại giao xuất sắc có vai trò trong công cuộc hộ quốc an dân như: Thiền sư Ngô Chân Lưu, thiền sư Vạn Hạnh, thiền sư Đa Bảo... và đặc biệt đến thời nhà Trần, các thiền sư, hoàng đế đã lập nên Thiền phái Trúc Lâm - một hệ tư tưởng mang đậm tính nhân văn và là một phái Thiền mang nét riêng của Phật giáo Việt Nam tồn tại và phát triển cho đến ngày nay.

VẬN ĐỘNG THÀNH LẬP GIÁO VIỆT NAM



ẢNH: LÊ KHANH

Trong 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, những người con Phật đã tự nguyện tạm thời rời bỏ thiền môn lên đường tòng quân đánh giặc, cứu nước. Phần lớn các chùa trên khắp mọi miền của Tổ quốc đã trở thành cơ sở nuôi giấu cán bộ, là hậu phương vững chắc cho cách mạng. Sự đóng góp của Phật giáo đối với dân tộc đã được lịch sử Việt Nam ghi

nhận. Nhiều vị cao Tăng Phật giáo đã được Đảng, Nhà nước trao tặng những danh hiệu cao quý: Hoà thượng Thích Đức Nhuận, Hoà thượng Thích Thiện Hào... được trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh; Hoà thượng Thích Trí Tịnh, Hoà thượng Thích Thuận Đức... được trao tặng Huân chương Độc lập Hạng Nhất và còn có rất nhiều các vị cao Tăng khác được Đảng và Nhà nước trao tặng

Huân, Huy chương cao quý.

Đầu năm 1980 các vị giáo phẩm đại diện cho các tổ chức, hệ phái lớn của Phật giáo Việt Nam đã họp tại thành phố Hồ Chí Minh và đi đến thống nhất thành lập một "Ban vận động thống nhất Phật giáo" để vận động thống nhất Phật giáo trong phạm vi cả nước.

Rút kinh nghiệm từ các cuộc vận động thống nhất Phật giáo năm 1951, năm 1957 - 1958 và 1963, tuy đã thành lập ra được các tổ chức Phật giáo nhưng vẫn chỉ mang ý nghĩa thống nhất của một số tổ chức, hệ phái, đại diện của một miền hay một vùng bị tạm chiếm, "Ban vận động thống nhất Phật giáo" đã quy tụ được 33 thành viên thuộc 9 tổ chức, hệ phái Phật giáo trong nước lúc đó, là:

- Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam
- GHPGVN Thống nhất
- Ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước (Tp Hồ Chí Minh)
- Giáo hội Phật giáo Cổ truyền Việt Nam
- Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước Tây Nam bộ
- Giáo hội Tăng già Khất sĩ Việt Nam
- Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam
- Giáo hội Thiên Thai giáo Quán tông
- Hội Phật học Nam Việt.

Sau gần 2 năm vận động, ngày 04 - 07/11/1981 với 165 đại biểu đại diện cho 9 tổ chức, hệ phái nói trên đã về họp tại chùa Quán Sứ, thủ đô Hà Nội. Đại hội đồng lòng thống nhất thành lập một tổ chức chung cho Phật giáo cả nước lấy tên là "Giáo hội Phật giáo Việt Nam" (GHPGVN), hoạt động theo Hiến chương được Đại hội thông qua. Đây là lần đầu tiên Phật giáo Việt Nam có sự thống nhất trọn vẹn. Sự thống nhất Phật giáo Việt Nam đặt trên nguyên tắc: "Thống nhất ý chí và hành động, thống nhất lãnh đạo và tổ chức, tuy nhiên các truyền thống hệ phái cũng như các pháp môn và phương tiện tu hành đúng chính pháp đều được tôn trọng, duy trì".

Tại Đại hội này cũng đã xác định rõ: GHPGVN là tổ chức Phật giáo duy nhất đại diện cho Phật giáo Việt Nam về mọi mặt quan hệ ở trong nước và nước ngoài.

Về tổ chức, GHPGVN có 2 Hội đồng, 6 Ban chuyên môn và 2 Văn phòng giúp việc cho hoạt động của Giáo hội.

2 Hội đồng của Giáo hội là:

- Hội đồng Chứng minh: chủ trì những hoạt động tín ngưỡng, đạo pháp của Giáo



hội, hướng dẫn những vấn đề thuộc về Phật pháp, giới luật, lễ nghi trong Giáo hội, làm cố vấn chứng minh, giám sát các hoạt động của Hội đồng Trị sự.

- Hội đồng Trị sự: là cơ quan lãnh đạo cao nhất về mặt hoạt động của Giáo hội giữa hai kỳ Đại hội đại biểu GHPGVN. Hội đồng Trị sự ấn định chương trình hoạt động hàng năm của Giáo hội theo đúng Nghị quyết của Đại hội, đôn đốc và kiểm soát việc thực hiện chương trình đó.

6 Ban chuyên môn hoạt động theo Nội quy riêng là:

- Ban Tăng Sự
- Ban Giáo dục Tăng Ni
- Ban Hướng dẫn nam nữ Cư sĩ Phật tử
- Ban Hoằng pháp
- Ban Nghi lễ
- Ban Văn hoá.

Đại hội đã suy tôn 50 vị Hoà thượng vào Hội đồng Chứng minh Trung ương GHPGVN do Hoà thượng Thích Đức Nhuận làm Pháp chủ và suy cử 49 vị tham gia vào Hội đồng Trị sự GHPGVN do Hoà thượng Thích Trí Thủ là chủ tịch. □

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA HỆ PHÁI PHẬT GIÁO NAM TÔNG

* Tổ chức Hội nghị Phật giáo Nam

tông Khmer: Thực hiện chương trình hoạt động Phật sự nhiệm kỳ V của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tạo điều kiện cho Phật giáo Nam tông Khmer phát triển đồng bộ theo chương trình hoạt động của GHPGVN, năm 2004 Trung ương Giáo hội đã tổ chức Hội nghị chuyên đề Phật giáo Nam tông Khmer tại thị xã Sóc Trăng đạt kết quả tốt đẹp. Vào tháng 11/2004, Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức Hội nghị chuyên đề Phật giáo Nam tông Khmer lần thứ hai tại TP. Cần Thơ vào ngày 21, 22//2006 đã thành công viên mãn, góp phần hoạt động hữu hiệu cho Phật giáo Nam tông Khmer trong ngôi nhà chung Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

* Giáo dục Phật giáo Nam tông

Khmer: Hệ phái Nam tông đã tổ chức được các lớp Sơ cấp, Trung cấp, Cao cấp Phật học Pali tại Sóc Trăng, Trà Vinh và Kiên Giang, có hơn 4.500 chư Tăng Khmer theo học, đang hoạt động có nề nếp và đạt hiệu quả khả quan, góp phần thành công tốt đẹp trong chương trình giáo dục Tăng Ni của Giáo hội. Cụ thể: Trung cấp Pali: 323 TS tốt nghiệp và 447 TS đang học; 1.500 TS tốt nghiệp Sơ cấp Pali Vini và 2.756 TS tốt nghiệp Cao đẳng Phật học; 15 TS đang theo học tại các nước

* Thành lập Học viện Phật giáo Nam

tông Khmer: Do nhu cầu tạo nguồn nhân lực có trình độ cao cho Phật giáo Nam tông Khmer, được sự quan tâm giúp đỡ của Chính phủ, Ban Tôn giáo Chính phủ và các cơ quan chức năng của Tp.Cần Thơ, Ban Thường trực Hội đồng Trị sự đã tiến hành các thủ tục xin phép thành lập Học viện Phật giáo Nam tông Khmer tại quận Ô Môn, TP.Cần Thơ. Hoà thượng Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN đã ký Quyết định số 473/QĐ/HĐS ngày 19/9/2006 V/v chuẩn y thành phần Hội đồng Điều hành Học viện Phật giáo Nam tông Khmer tại Tp.Cần Thơ, gồm 09 thành viên do Hoà thượng Danh Nhưỡng làm Viện trưởng.

* **Hiện nay cả nước có:** 39.371

Tăng Ni gồm: Bắc tông 28.598, Nam tông 8.419, Khất sĩ 2.354. Trong đó có 10.161 Tỷ khiêu, 9.817 Tỷ khiêu ni, 4.143 Thức xoa, 5.956 Sa di, 5.146 Sa di Ni, 3.920 Điều chúng. Có 13.775 Tự viện gồm: 11.432 Bắc tông, trong đó có 76 Tự viện Phật giáo người Hoa; 517 Nam tông; 361 Tịnh xá; 467 Tịnh thất; 998 Niệm Phật đường.

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM QUA CÁC KỲ ĐẠI HỘI

Nhiệm kỳ I: Với 50 thành viên HĐCM, 50 thành viên HĐTS, đã thành lập được 27 Ban Trị sự Phật giáo các tỉnh, thành hội trong cả nước, có 6 ban ngành hoạt động, ban ở trung ương có 9 thành viên, ở địa phương có 25 thành viên;

-Nhiệm kỳ II: diễn ra trong 2 ngày 28, 29/10/1987 với sự tham dự của 217 đại biểu chính thức. Thành lập được thêm 4 Ban Trị sự Phật giáo địa phương và thêm 2 Ban, ngành hoạt động, đó là: Ban Kinh tế nhà chùa và Từ thiện xã hội, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam. Hội đồng trị sự và Hội đồng chứng minh đều có 60 thành viên.

- Nhiệm kỳ III: được tổ chức từ ngày 3-4/11/1992 với sự tham dự của 227 đại biểu chính thức. Hội đồng trị sự và Hội đồng chứng minh đều có 70 thành viên. Giáo hội đã thành lập được 10 Ban ngành, viện; có 39 đơn vị trị sự Phật giáo ở tỉnh, thành hội. Các ban ở trung ương có 25 thành viên, ở địa phương có 37 thành viên.

- Nhiệm kỳ IV: diễn ra trong 2 ngày 22,23/11/1997 với sự tham gia của 278 đại biểu chính thức. Hội đồng chứng minh có 65 thành viên, Hội đồng trị sự có 95 thành viên; các ban ở trung ương có 30 thành viên.

- Nhiệm kỳ V: diễn ra trong 2 ngày 4,5/12/2002 với sự tham dự của 527 đại biểu chính thức. Với 85 thành viên Hội đồng chứng minh, 95 thành viên Hội đồng trị sự chính thức và 24 thành viên dự khuyết; Thành lập 53 đơn vị trị sự ở tỉnh, thành hội Phật giáo. Các ban ở Trung ương có 40 thành viên, ở địa phương có 45 thành viên.□

25 năm trưởng thành và phát triển của Phật giáo Thủ đô

(TRÍCH BÁO CÁO THAM LUẬN CỦA
PHẬT GIÁO HÀ NỘI
NHÂN KỶ NIỆM 25 NĂM
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM)

Phật giáo du nhập vào Việt Nam đã hơn 2 thiên niên kỷ, hơn 2000 năm ấy Phật giáo đã hoà nhập cùng dòng chảy của dân tộc Việt Nam. Đặc biệt từ khi vua Lý Thái Tổ rời đô về Thành Thăng Long thì Phật giáo Thủ đô cũng được chọn làm trung tâm hoàng dương Phật pháp cho đến nay đã gần một nghìn năm, đất nước có lúc thịnh lúc suy, Kinh thành đã từng lúc hưng lúc phế, nhưng Phật giáo Thủ đô vẫn luôn luôn đồng hành cùng nhân dân cả nước nói chung, nhân dân Thủ đô nói riêng gìn giữ và xây dựng một Thủ đô giàu đẹp, hoà bình, xứng đáng là trung tâm văn hoá, trái tim của Tổ quốc.

1- Công tác xây dựng và củng cố Ban Trị sự:

Từ khi được thành lập năm 1981 đến nay, qua 5 nhiệm kỳ, Ban Trị sự Thành hội luôn được hoàn thiện cả về số lượng và chất lượng để đáp ứng nhu cầu chung của xã hội cũng như trong Phật giáo. Với 37 thành viên Ban Trị sự trong đó 11 vị trong Ban Thường trực, với tinh thần đoàn kết hoà hợp, tinh tiến nỗ lực, toàn Ban Trị sự đã hoàn thành tốt các Nghị quyết mà Trung ương Giáo hội cũng như Ban Trị sự đề ra. Văn phòng Ban Trị sự cũng ngày một củng cố và hoàn thiện cả về nhân sự cũng như cơ sở vật chất.

Để đáp ứng nhu cầu phát triển của Thủ



đô, hiện nay toàn thành phố có 14 quận huyện thì đều có Ban Đại diện Phật giáo với đầy đủ nhân sự, là đơn vị quản lý trực tiếp các hoạt động Phật giáo địa phương, các Ban Đại diện cũng đã toàn tâm toàn ý cùng Ban Trị sự hoàn thành tốt những nghị quyết của Thành hội Phật giáo để ra, cũng như tham gia tích cực các hoạt động xã hội của địa phương.

2- Công tác Tăng sự:

"Tiếp chúng độ nhân báo Phật ân đức" là trách nhiệm của người xuất gia, là trọng trách của Giáo hội và Ban Trị sự bởi "Pháp do nhân hoàng". Ban Trị sự nhận thức rõ trách nhiệm đó, do vậy hàng năm chuẩn bị kết thúc mùa An cư, kiết hạ, Ban Trị sự đều tổ chức Đại giới đàn, chính nhờ đó mà khi mới thành lập năm 1981, số lượng Tăng Ni trong toàn thành phố chỉ có khoảng 60 thành viên nhưng đến nay sau 25 năm trưởng thành và phát triển số lượng thành viên đã lên tới gần 800 vị.

Đặc biệt để đáp ứng nhu cầu tâm linh cho bà con Phật tử, công tác bổ nhiệm trụ trì, kiêm nhiệm cũng như trông coi các tự viện cũng được Ban Trị sự rất quan tâm. Hiện nay trên địa bàn Hà Nội có gần 600 ngôi chùa. Với sự nỗ lực của mỗi thành viên và sự giúp đỡ của các cấp chính quyền, Tăng Ni là thành viên Ban Trị sự cũng đã được bổ nhiệm gần khắp.

3 -Việc An cư kiết hạ

Hai nhiệm kỳ đầu, số lượng Tăng Ni còn ít, do vậy Ban Trị sự hàng năm chỉ tổ chức một địa điểm An cư tại trụ sở của Thành hội. Nhưng từ nhiệm kỳ 3 trở lại đây số lượng Tăng Ni ngày một đông, đến nay toàn thành phố đã phải tổ chức 5 địa điểm An cư và được phân bổ theo khu vực, tạo điều kiện thuận lợi cho Tăng Ni vừa bảo đảm được quyền lợi nghĩa vụ "An cư Tỷ Khiêu chi yếu vụ" mà vẫn duy trì được tín ngưỡng cho địa phương. Hàng năm số lượng Tăng Ni đăng ký An cư kiết hạ theo cấp độ, cho đến mùa An cư năm Bính Tuất, toàn Thành phố đã có hơn 500 vị đăng ký An cư kết hạ.

Đặc biệt từ mùa An cư năm 2004, Ban Trị sự đã quyết định cho Tăng Ni an cư nhất bộ, đây là việc làm phù hợp với giới luật cũng như giúp cho Tăng Ni có điều kiện tự sách tiến chính bản thân mình.

3- Công tác giáo dục Tăng Ni:

Công tác giáo dục luôn luôn được Ban Trị sự hết sức quan tâm, đây là trách nhiệm đào tạo Tăng tài, bởi người tu hành không chỉ lo phần đức mà còn phải bồi bổ phần tuệ vì, "Tu không học là tu mù, học không tu là học giả" cũng có nghĩa một vị xuất gia phải có đủ tài và đức để đảm trách hoàng dương Phật Pháp. Khi Học viện Phật giáo Việt Nam chiêu sinh Khoá V thì Thành hội Phật giáo đã có trên 200 Tăng Ni sinh tốt nghiệp Học viện và Cao đẳng Phật học. Đặc biệt việc đào tạo Tăng tài ở nước ngoài cũng được Ban Trị sự rất quan tâm, luôn tạo điều kiện thuận lợi cho Tăng Ni có đủ điều kiện đi du học. Bên cạnh đó việc đào tạo tại chỗ cũng được Ban Trị sự rất chú trọng, sau 25 năm thành lập Thành hội Phật giáo đã tổ chức được 5 khoá Trung cấp, 4 khoá đã tốt



ngiệp với gần 400 Tăng Ni sinh, khoá V đang được đào tạo năm thứ nhất với gần 100 Tăng Ni sinh.

Ban Trị sự còn kết hợp với Trường Trung học Nguyễn Văn Tố để bồi dưỡng văn hoá cho những thiện nam tín nữ có thiện tâm xuất gia nhưng chưa hoàn tất chương trình phổ thông. Thành hội Phật giáo Hà Nội còn kết hợp với Hội Đông Y Hà Nội tổ chức lớp bồi dưỡng Đông y cho Tăng Ni sinh.

4- Công tác hoàng pháp:

Công tác hoàng dương chính pháp, lợi lạc quần sinh của Thành hội Phật giáo Hà Nội trong suốt 25 qua phát triển rất rõ rệt, đặc biệt trong nhiệm kỳ V các Giảng đường ngày một đông, các chốn trụ xứ đã đăng ký lịch giảng hàng tháng với Thành hội. Chương trình giảng dạy cũng rất phong phú. Ban hoàng pháp đã phân công các uỷ viên

trong Ban đảm nhiệm chuyên trách từng bộ môn, khiến cho các buổi giảng ngày một có chiều sâu và chất lượng.

Trong nhiệm kỳ IV và V, Ban Trị sự đã kết hợp với Trung ương Giáo hội và Ban Hoằng pháp Trung ương tổ chức được 2 lớp bồi dưỡng giảng sư cho các tỉnh thành phía Bắc, số lượng Tăng Ni tham dự hàng trăm vị, đây là lực lượng trẻ kế cận có năng lực và sức khoẻ để duy trì mạng mạch "Như lai Sứ Giả".

Đặc biệt năm 2005 Ban Hoằng pháp Thành hội đã kết hợp với Ban Hoằng pháp Trung ương tổ chức thi giáo lý cho cư sĩ, Phật tử các tỉnh thành phía Bắc thường xuyên, đây là một nỗ lực của Ban Hoằng pháp để động viên khích lệ và giúp cho các Phật tử tinh tiến tu học Phật pháp tốt hơn.

5- Hoạt động văn hoá:

Với hai nghìn năm du nhập vào Việt Nam, Phật giáo đã hoà đồng cùng dân tộc như nước với sữa. Phật giáo đã không chỉ tham gia vào công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước mà còn hoà hợp với văn hoá dân tộc tạo dựng nên một nền văn hoá đặc sắc Việt Nam đầy tính nhân bản.

Để thực hiện đường lối chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước là "giữ gìn và phát huy đậm đà bản sắc văn hoá dân tộc" do vậy, những ngày lễ trọng đại của Đất

nước cũng như của Phật giáo, Thành hội đã tổ chức nghi lễ đúng với tinh thần Phật giáo và nghi thức truyền thống của dân tộc, phát huy chính tín, bài trừ mê tín dị đoan.

Với sự nỗ lực của mình, hàng năm chuẩn bị cho dịp Tết Nguyên đán, Ban Văn hoá của Thành hội đã in lịch Phật giáo. Thành hội cũng đã góp phần ra được cuốn "Hà Nội Danh lam Cổ tự" do Thượng toạ Thích Bảo Nghiêm chủ biên.

Thành hội cũng rất quan tâm đến việc trùng tu tôn tạo các tự viện, chùa cảnh nên đã cổ vũ động viên, hướng dẫn các vị trụ trì trùng tu tôn tạo lại những ngôi chùa đã bị xuống cấp nhưng không làm mất đi những kiến trúc văn hoá truyền thống Phật giáo đã làm tăng thêm vẻ đẹp cho thủ đô.

6- Hoạt động hướng dẫn Phật tử:

Vấn đề đạo đức quả thật không phải giành riêng cho ai, việc bỏ ác làm lành cần phải được tuyên truyền cho toàn xã hội. Do vậy, trong những năm qua Thành hội và Ban hướng dẫn nam nữ Phật tử chưa thành lập được gia đình Phật tử, nhưng toàn thể thành viên Ban Trị sự đều nhận rõ được vai trò của gia đình Phật tử nên các chùa trực thuộc Thành hội cũng đã lồng ghép vào những buổi giảng giáo lý cho Phật tử về những vấn đề ứng xử trong giao tiếp và xã hội, đưa giáo lý Đức Phật vào cuộc sống sinh hoạt của



mỗi thành viên trong các gia đình Phật tử, tạo ra một cuộc sống thực sự an lạc hạnh phúc cho gia đình và xã hội, giúp cho nam nữ Phật tử nhận thức rõ trách nhiệm của Phật tử đối với đạo pháp và dân tộc.

7- Công tác từ thiện xã hội:

Xuất phát từ lòng từ bi với vòng tay nhân ái của đạo Phật cũng như truyền thống "Lá lành đùm lá rách" của dân tộc Việt Nam, 25 năm qua Thành hội Phật giáo Hà Nội đã cùng toàn dân thực hiện tinh thần "tương thân tương ái", hưởng ứng và tham gia các phong trào đền ơn đáp nghĩa, giúp đỡ hỗ trợ cùng các tổ chức từ thiện xã hội hàng tỷ đồng; thăm hỏi và tặng quà cho các gia đình chính sách, người già cô đơn vào những dịp 27/7 hàng năm và xây dựng nhà tình nghĩa.

Đặc biệt vào những dịp Vu Lan (Rằm tháng bảy) Thành hội cũng như các chùa trên toàn Thành phố đều tổ chức Lễ cầu siêu cho các Anh hùng liệt sĩ, những người tử nạn do chiến tranh và do các tai nạn khác.

Vấn đề tệ nạn xã hội cũng được Thành hội rất quan tâm không chỉ đưa những vấn đề tệ nạn xã hội vào những buổi thuyết pháp mà còn phối hợp kết hợp với những tổ chức Quốc tế như UNICEP và FHI thành lập những Trung tâm tư vấn và giúp đỡ người nhiễm HIV giúp họ tự tin vượt qua mặc cảm để hoà nhập cùng cộng đồng.

8- Về Phật giáo Quốc tế:

Từ khi nhà nước thực hiện chính sách mở cửa thì đây cũng là một thuận duyên cho công tác quan hệ quốc tế của Phật giáo. Thành hội Phật giáo đã kết hợp với Ban Phật giáo quốc tế Trung ương tổ chức đón tiếp, giao lưu với nhiều tổ chức Phật giáo quốc tế như Trung Quốc, Lào, Campuchia, Myanma, Thái Lan, Ấn Độ, Nhật Bản, Đài Loan. Đặc biệt, Thường trực Thành hội cũng đã phái cử các Thượng toạ, Đại đức đi tham dự nhiều hội nghị quốc tế của Phật giáo. Những hội nghị và giao lưu này đã khiến cho khoảng cách quan hệ giữa các nước được xích lại gần hơn và hiểu biết nhau hơn, qua đó các nước trên thế giới càng hiểu rõ hơn đường lối, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước.

Song song với những quan hệ quốc tế tốt đẹp đó, năm 2004, 2005, 2006 được sự quan tâm giúp đỡ của Ban Tôn giáo Chính phủ,

Đại sứ quán Việt Nam tại các nước Ucraina, Ba Lan và Cộng hoà Séc, Thành hội cũng đã phái cử các Thượng toạ, Đại đức sang giúp đỡ xây dựng chùa Việt, tổ chức Đại lễ Phật Đản cho Việt kiều. Đây là một hướng đi đúng và là công tác cần thiết trong công cuộc hoàng dương chính pháp.

9- Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Tăng Ni Phật tử Thủ đô đã làm tốt các phong trào ích nước lợi dân, Bảo vệ an ninh Tổ quốc, Bảo vệ môi trường, Xây dựng nếp sống văn hóa trên địa bàn dân cư, góp sức xây dựng chính quyền vững mạnh. Một số Tăng Ni còn trực tiếp tham gia Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp, tham gia các tổ chức xã hội như Hội Thanh niên, Hội chữ thập đỏ, Hội phụ nữ... với nỗ lực đóng góp cho Đạo pháp và Dân tộc. Thành hội đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng Ba và nhiều bằng khen khác. Đặc biệt, Hòa thượng Thích Tâm Tịch được Nhà nước tặng Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huy chương Vì sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân, Huy hiệu Vì sự nghiệp xây dựng Thủ đô. Hòa thượng Thích Thanh Chính được Nhà nước tặng Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì, Huy chương Vì sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân. Hòa thượng Thích Thanh Thành được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất, Kỷ niệm chương chiến sĩ cách mạng bị địch bắt và tù đầy và nhiều phần thưởng cao quý khác.

10- Kết luận:

Thành hội Phật giáo Hà Nội 25 năm qua dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Trung ương Giáo hội, đã từng bước xây dựng và phát triển cả về số lượng cũng như chất lượng, được như vậy chính nhờ vào tinh thần đoàn kết hoà hợp, chung sức chung lòng của toàn thể Tăng Ni Phật tử Thủ đô, tất cả đã thấm nhuần giáo lý của Đức Phật đó là Từ Bi Hỷ Xả - Vô Ngã Vị Tha, lấy đây làm sợi chỉ xuyên suốt quá trình phát triển của Thành hội. Đồng thời với "Khế lý khế cơ" toàn thể Tăng Ni Phật tử thủ đô cũng đã thực hiện tốt chủ trương của Giáo hội "Đạo pháp-Dân tộc-Chủ nghĩa xã hội". Do đó, 25 năm qua Thành hội Phật giáo cùng nhân dân Phật tử đã và đang xây dựng một thủ đô giàu đẹp và hoà bình thịnh vượng. □



Triết học và nghệ thuật Việt Nam
trong quá trình tiếp thu

tư tưởng Phật giáo

1. Tôi chấp tay cảm ơn Phật tổ Như Lai cách đây chừng 1800 năm đã run rủi các tầng sĩ Ấn Độ, đem học thuyết của Ngài đến đất nước chúng tôi.

Phật giáo đến Việt Nam khi nước này đã mất đi nền độc lập được tạo dựng từ ngàn năm và nhân dân đang quần quai đau thương dưới ách thống trị của tầng lớp cầm quyền Trung Quốc.

Đối với một dân tộc phải thường xuyên chống thiên tai, lại chịu thêm sự áp bức của nước ngoài, nguy cơ diệt vong luôn luôn đè nặng lên tâm tư của mỗi người. Điều kiện duy nhất để tồn tại là toàn thể dân tộc phải thương yêu nhau, phải gắn bó với nhau, phải cùng nhau chiến đấu: vừa mưu trí, vừa dũng cảm. Tình yêu thương đối với tất cả mọi người, đó là sức mạnh để dân tộc ta vượt qua mọi khó khăn và trở ngại trên con đường phát triển.

Dũng cảm và mưu trí không phải là phẩm chất vốn có của Việt Nam. Những đức tính ấy trước hết là sản phẩm từ tình yêu thương cao cả nói trên.

Tình yêu thương ấy, tính từ bi hỷ xả ấy, tinh thần minh mẫn và vô úy ấy là điều kiện tồn tại và phát triển ấy của dân tộc, đồng thời là miếng đất như được chuẩn bị sẵn để tiếp thu Phật giáo. Quả nhiên, hạt giống Phật giáo được gieo xuống đây đã nhanh chóng nảy mầm, nhanh chóng sinh hoa và kết trái.

Nhân dân Việt Nam theo đạo Phật, đốt hương và thờ cúng Đức Phật mà thời ấy gọi là ông Bụt. Ông Bụt đầy tình yêu thương và sẵn sàng cứu giúp mọi người trong hoạn nạn, khổ đau. Noi gương ông Bụt, mọi người càng yêu thương gắn bó với nhau hơn nữa, càng quyết tâm giành lại Tổ quốc, càng sẵn sàng xả thân vì sự tồn tại của cả cộng đồng. Có thể nói Phật giáo đã hòa nhập với đặc điểm dân tộc Việt Nam, góp phần đáng kể trong việc phát huy và nâng cao truyền thống từ bi hỷ xả của chính dân tộc Việt Nam.

Phật giáo vào Việt Nam cũng tác động mạnh đến quá trình phát triển của tư tưởng triết học và sinh hoạt nghệ thuật.

Về mặt Triết học, tư tưởng Phật giáo đã củng cố hơn nữa truyền thống vị tha của

người Việt Nam. Cụ thể là tinh cộng đồng càng được nâng cao thêm, trở thành chủ nghĩa yêu nước sâu sắc trong phạm vi dân tộc, lòng bác ái bao la với toàn thể nhân loại và mọi sinh linh trên trái đất.

Về mặt nghệ thuật, tư tưởng yêu nước và nhân đạo trở thành cơ sở cho mọi xúc cảm thẩm mỹ ở cả nội dung sáng tác và hình thức thể hiện. Những thành tựu nghệ thuật và kinh nghiệm sáng tác có thể được tiếp nhận từ nước ngoài qua giao lưu văn hóa, từ đó làm phong phú thêm nghệ thuật, chính là tâm hồn Việt Nam, là sự kết hợp giữa tư tưởng Việt Nam với tinh hoa Phật giáo trong cả sáng tạo nghệ thuật và thưởng thức nghệ thuật.

Chúng ta sắp sửa kỉ niệm ngàn năm Thăng Long, cái ngày mà Lý Thái Tổ rời đô từ Hoa Lư ra mảnh đất của Hà Nội hôm nay và từ đây đã đặt nền móng đầu tiên cho sự phát triển rực rỡ của nền văn minh Đại Việt. Có thể nói, Lý Công Uẩn, một người yêu nước, xuất thân từ trong nhà Phật đã tạo bước ngoặt lớn nhất cho sự phát triển của cả triết học và nghệ thuật Việt Nam. Lần đầu tiên chủ nghĩa yêu nước được thể hiện cả trong hành động và tư duy, ở cả sản phẩm vật chất và tinh thần của văn hiến Việt Nam.

2. Đầu óc tự cường của dân tộc bắt đầu từ thuở Lý Bôn tự xưng là Nam Đế, rồi nổi lên ở vị hoàng đế đầu tiên là Đinh Bộ Lĩnh. Tiếp sau đó là các đời Lê, Lý, Trần, Lê cho tới sau này đã không thẹn với lời tuyên bố của Lý Thường Kiệt: Nam quốc sơn hà Nam đế cư.

Tư tưởng Phật giáo trong thế đi lên của dân tộc cũng tràn ngập trong nghệ thuật thi ca, thể hiện ý chí mãnh liệt ở những vị thiền sư và những Phật tử anh hùng. Đó là khí phách của thiền sư Không Lộ qua hai câu thơ:

Có lúc lên thẳng đỉnh cao trên núi
Kêu lên một tiếng cho lạnh cả bầu trời!
Hữu thời trực thượng cô phong đỉnh
Trường khiếu nhất thanh hàn thái hư
Đó cũng là thiền sư Quảng Nghiêm thể hiện chí khí xung thiên của Phật tử Việt Nam: làm trai phải có một chí khí chọc trời,



không nhất thiết phải đi theo con đường mà Như Lai đã đi:

Nam nhi tự hữu xung thiên chí
Hữu tướng Như Lai hành xử hành

Trần Thái Tông, Trần Nhân Tông, những ông vua đã đánh tan quân giặc khủng khiếp nhất của toàn nhân loại là quân Nguyên, lại là những Phật tử chân chính và rất uyên thâm. Những ông vua ấy bất đắc dĩ phải làm vua để cứu nước và phục vụ nhân dân, nhưng sẵn sàng "từ bỏ ngai vàng của mình như vứt đi chiếc dép rách" (Trần Thái Tông).

Trần Nhân Tông, vị hoàng đế anh hùng bậc nhất lại chính là người thân hành sang nước Chiêm nhỏ bé để gặp gỡ vua Chiêm xây dựng tình hữu nghị lâu dài giữa hai nước anh em.

Giết người là điều cấm kị của Phật giáo, nhưng với tinh thần hại một người cứu muôn người (Nguyễn Du), những Phật tử đời Trần khắc chữ "sát thát" trên vai để giết giặc cứu nước.

Từ thời Hai Bà Trưng khi xưa cho đến các triều đại anh hùng về sau, nhân dân ta đều coi giết giặc chỉ là một điều bất đắc dĩ. Đối xử nhân đạo với tù binh, tha chết cho hàng chục vạn con người và tạo điều kiện cho họ trở về nước: đó là truyền thống trước sau như một của dân tộc Việt Nam qua mỗi lần chiến thắng đánh đuổi ngoại xâm.

Nguyễn Trãi trong "Quân trung từ mệnh tập" luôn luôn bày tỏ lòng xót thương đối với sự chết chóc của binh sĩ nhà Minh và sự đau khổ của gia đình họ. Hồ Chí Minh nghe báo cáo về một trận thắng của ta đã gây tử vong cho rất nhiều quân Pháp thì Người đã buồn mà nói rằng: máu của quân Pháp cũng là

máu của con người. Trong những trường hợp ấy thì lòng yêu nước đã gắn liền với tình cảm bao la đối với toàn thể nhân loại.

Chúng ta buộc phải tiến hành đấu tranh nhưng lòng chúng ta luôn hướng về hữu nghị và hòa bình. Cảm ơn thế giới đã tặng Hồ Chí Minh danh hiệu: Con người của hòa bình và Hà Nội: thành phố của hòa bình, bởi Hồ Chí Minh đã suốt đời chiến đấu cho độc lập của dân tộc và hạnh phúc của nhân loại, Hà Nội đã bao lần quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh trên mảnh đất luôn luôn chìm trong máu lửa.

3. Những điểm đã nổi bật lên trong tư tưởng triết học càng rõ nét thêm trong lĩnh vực văn học nghệ thuật.

Từ nhà Lý trở đi, nhân dân ta đã xây dựng ở khắp nơi những chùa Phật cùng với những đền thờ anh hùng dân tộc. Các nhà kiến trúc sẽ có những nhận xét về tinh Phật giáo và tinh dân tộc trong những công trình xây dựng ấy. Các nhà nghiên cứu âm nhạc, vũ đạo, hội họa cũng sẽ phát biểu ý kiến về ý nghĩa nói trên. Ở đây, tôi chỉ xin nêu lên một vài nét thể hiện tư tưởng Phật giáo và đặc trưng dân tộc trong những nghệ thuật thơ văn mà thôi.

Qua hàng vạn trang thơ ca thời Lý Trần mà tôi có trách nhiệm đọc duyệt, có thể kết luận rằng, tác phẩm của những người biết kết hợp yếu tố dân tộc và yếu tố Phật giáo trong sáng tác đã thành công hơn rất nhiều so với những tác giả thiếu cả hai hoặc một trong hai điều đó.

Thơ của những vị thiền sư và những Phật tử nổi tiếng không những sâu sắc về tư



tưởng triết học mà còn rất nhuần nhuyễn trong biểu đạt nghệ thuật. Thơ của Vạn Hạnh, của Pháp Thuận, của Mãn Giác, của Trần Nhân Tông mãi mãi là những viên ngọc bích trong kho tàng văn học Việt Nam. Các nhà Nho về sau, cả trong Hội Tao Đàn của Lê Thánh Tông cũng ít bài được hay như thế.

"Hịch tướng sĩ" của Trần Hưng Đạo, "Đại cáo bình ngô" của Nguyễn Trãi là những bản anh hùng ca thể hiện khí phách hào hùng của dân tộc dưới cái nhìn rộng lớn của tư tưởng Phật giáo Lý Trần.

"Cung oán ngâm khúc" của Nguyễn Gia Thiều không chỉ xót thương những nàng cung nữ mà chính là tiếng khóc đối với cả nhân loại trong cuộc sống mong manh và bất hạnh trên cõi thế gian này.

Nhà thơ lớn nhất của dân tộc là Nguyễn Du cũng chịu ảnh hưởng khá nhiều của tư tưởng Phật giáo không chỉ ở bài "Văn chiêu hồn" mà còn cả trong tác phẩm "Truyện Kiều" bất hủ của ông.

Có thể kết luận rằng, sự kết hợp giữa tư tưởng dân tộc và tư tưởng Phật giáo đã tạo nên những nét đặc sắc trong cả triết học Việt Nam và nghệ thuật Việt Nam.

4. Ngày nay, cùng với dân tộc và nhân loại hàng ngày, hàng giờ chứng kiến những đổi thay lớn lao, càng chứng minh sâu sắc hơn nữa tư tưởng vô thường của Phật giáo.

Thiên nhiên có bao giờ hung dữ như thế này không? Hàng ngày, trên thế giới đang diễn ra những sự kiện khủng khiếp về sóng thần, về động đất, về núi lửa, về dịch bệnh, về những trận bão lụt tàn phá cửa nhà, hủy diệt hàng vạn, hàng triệu sinh linh. Trong khi đó, trên lĩnh vực xã hội thì ngay trong ngày hôm nay, trong lúc chúng ta đang ngồi đây, chiến tranh hủy diệt hàng vạn, hàng triệu

những con người vô tội. Bom đạn đang dội xuống đầu nhân dân Liban, Palestine. Sự bất công và bất bình đẳng đang diễn ra ở khắp mọi nơi, giữa nước giàu và nước nghèo, giữa nước mạnh và nước yếu, giữa những người cực kỳ giàu sang và nhân dân khổ khổ trong đói rét.

Tại Việt Nam, chúng ta đang trải qua những ngày đầy gian nan thử thách. Lịch sử đang đặt nhân dân ta trước hai chiều hướng: hoặc là ngày một lùi lại đằng sau, không ngẩng đầu dậy được nữa hoặc là khai thác những tiềm năng vô tận của đất nước và con người, để nhanh chóng vươn lên hàng đầu của nhân loại.

Những người có tâm huyết đang day dứt ngày đêm trước vận mệnh của Tổ quốc. Còn có những kẻ vẫn nhờn nhợt và hãnh diện trong việc làm giàu bất chính. Sự tổn tại dai dẳng của tệ tham nhũng đang là sự chế giễu đối với những người dân đau khổ và những người sống quang minh chính đại.

Đã đến lúc cần rung một hồi chuông cảnh tỉnh trước những kẻ u mê đang chìm đắm trong luân hồi bể khổ. Không tự thức tỉnh được trước sự hư ảo của cuộc sống giàu sang và cả sự hư ảo của ngay cái trần thế này thì người ta ngày càng dần sâu xuống vực thẳm của tham, sân, si.

Quy luật phát triển của xã hội và sức mạnh dân tộc đang đòi hỏi mỗi dân tộc, mỗi doanh nghiệp, mỗi gia đình cũng như mỗi cá nhân muốn phát triển bền vững phải thống nhất được cả hai mặt: cá nhân và cộng đồng, kinh tế và văn hóa, kinh doanh và từ thiện, đạo đức và tài năng.

Cá nhân sẽ trở thành bất hạnh nếu như tách khỏi cộng đồng và đi ngược lại lợi ích cộng đồng bởi hạnh phúc chân chính xuất phát từ cuộc sống cộng đồng chứ không phải từ cuộc sống cá nhân.

Kinh tế và văn hóa phải quan hệ mật thiết với nhau, phải cùng là nền tảng vật chất và tinh thần cho mọi sự phát triển bền vững.

Tôi hoan nghênh các nhà doanh nghiệp Việt Nam đang quan tâm tới việc làm từ thiện. Từ thiện hiện nay đang trở thành những sự việc hàng ngày ở khắp mọi nơi. Đó là những việc làm còn đang nhỏ nhưng rất

cần thiết. Tuy nhiên, mọi người cần phải dồn sức để thực hiện một sự từ thiện lớn lao và cấp thiết gấp trăm lần. Đó là sự từ thiện đối với cả dân tộc, là việc làm của tất cả mọi người nhằm đưa đất nước vượt qua mọi khó khăn để nhanh chóng trở thành giàu mạnh.

Đất nước ta là một đất nước đời này qua đời khác đã tạo ra những anh hùng hào kiệt. Những người này đã thành công rực rỡ bởi họ đã gắn tài năng với đạo đức. Có đức mà không có tài thì chỉ là một cục đất vô công, vô tội chẳng để làm gì. Nhưng có tài mà không có đức thì sẽ không chỉ phá hoại đất nước mà còn hủy diệt cả hạnh phúc hôm nay và ngày mai của gia đình mình và của chính bản thân mình.

Tôi ước mong hồi chuông cảnh tỉnh sẽ ngày một vang cao, vang xa để mọi người con Việt Nam phát huy được của sức mạnh vô tận của tình thương: tình thương sâu sắc với dân tộc, tình thương bao la đối với cả nhân loại và đối với mỗi con người.

Tôi nghĩ rằng đó sự tiếp thu sáng suốt tư tưởng Phật giáo vào cả trong triết học và nghệ thuật Việt Nam.

Đó cũng là cuộc sống có ý nghĩa của mỗi người chúng ta trong cõi thế gian còn đầy tội ác và đau thương này. □



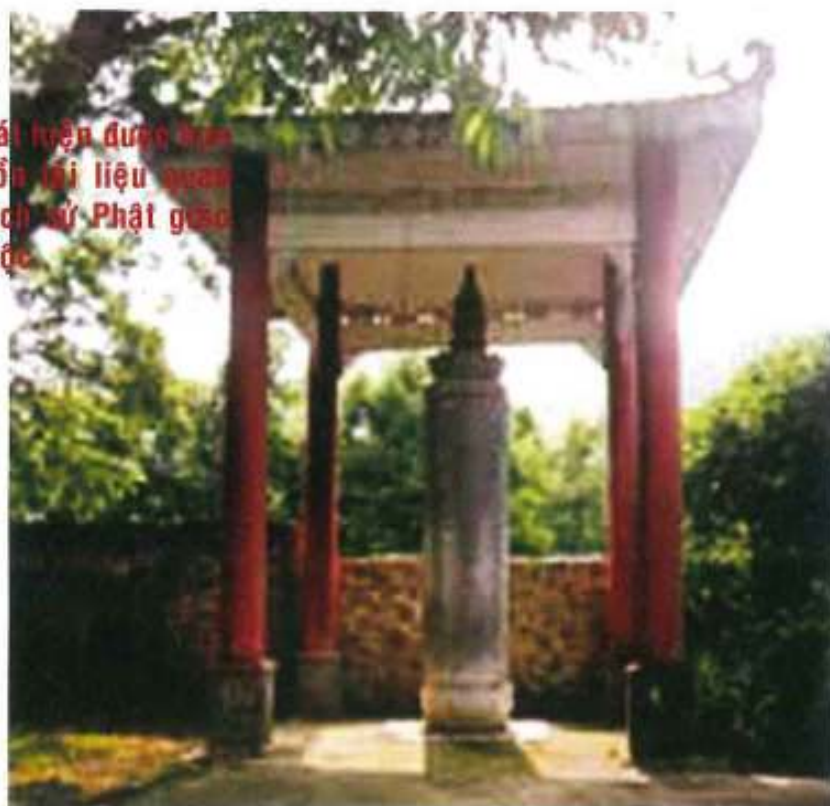
Các cột kinh ở Hoa Lư

GS. HÀ VĂN TẤN

Cho đến nay, ở Hoa Lư đã phát hiện được hơn 20 cột kinh. Đó là một nguồn tài liệu quan trọng không những đối với lịch sử Phật giáo mà còn đối với lịch sử dân tộc.

Cột kinh thứ nhất phát hiện năm 1963. Đó là một cột đá có 8 mặt, cao 65cm, trên có khắc bài Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni (Us'nisa Vijaya dhāraṇi) bằng chữ Hán phiên âm tiếng Phạn. Tôi đã dịch tiếng Phạn ra tiếng Việt như sau:

"Nam mô Thế Tôn, đấng Thế Tôn Đại giác Đại cao cả của Tam giới, như vậy, om! Thanh tịnh, thanh tịnh tỏa sáng khắp nơi, thanh tịnh của tự nhiên tràn đầy rừng rậm. Hãy rưới nước Pháp cho tôi, hỡi đấng Thiện Thệ tối cao! Hãy rưới cho tôi nước cam lồ bất tử! Hãy ban cho tôi, ban cho tôi tuổi thọ! Thanh tịnh, thanh tịnh, cái thanh tịnh hư không. Thanh tịnh của Phật Đỉnh Tôn Thắng với nghìn ánh sáng làm con người kinh động mà giác ngộ. Thần lực của các đấng Như Lai nắm giữ đại ấn. Kim Cương bao phủ, con người thanh tịnh. Thanh tịnh khi mọi trở ngại và nghiệp chướng tiêu tan. Thanh tịnh tuổi thọ tăng. Thế nguyện giữ gìn bảo pháp. Cõi chân như tràn đầy muôn ngàn thanh tịnh. Thanh tịnh, tri giác hiện rõ. Tối thắng, tối thắng, tối thắng; Tưởng niệm, tưởng niệm. Tất cả chư Phật nắm giữ thanh tịnh. Hỡi đấng Kim Cương Tạng Tôi (người viết và dựng kinh tràng này), cầu



Một cột kinh ở Hoa Lư

nguyện đạt đến Kim Cương. Tất cả chúng sinh thanh tịnh; Tất cả định mệnh thanh tịnh; Tất cả các đấng Như Lai an ủi, khiến được Giác ngộ. Giác ngộ, giác ngộ. Thanh tịnh khắp nơi. Thần lực của tất cả các đấng Như Lai nắm giữ đại ấn. Svāhā !"⁽¹⁾

Cuối cột kinh ghi rõ là Đinh Liễn, con trai vua Đinh Tiên Hoàng đã làm 100 cột kinh như thế vào năm Quý Dậu (963). Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni là bài chú trích trong kinh Phật Đỉnh Tôn Thắng. Kinh kể rằng có một vị vua tên là Thiện Trú, sống xa xỉ hưởng lạc, một đêm nọ nghe có tiếng nói trong không trung báo cho biết bấy ngày nữa ông ta sẽ chết sau đó sẽ hóa kiếp bấy lần thành các thú vật (lợn, chó, cáo, khỉ, rắn

độc, chim thú, quạ) rồi phải chịu khổ hình ở địa ngục, có thành người cũng mù hai mắt. Thiện Trú hoảng sợ, cầu cứu với Đế Thích (Indra). Đế Thích đến kêu xin với Đức Phật bấy giờ đang ở thành Xá Vệ. Sau khi tỏa hào quang, Phật mỉm cười, nói cho Đế Thích biết rằng có một bài Thần chú, gọi là Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni, có thể trừ mọi khổ não sinh tử, mọi ác nghiệp tiền kiếp và mọi khổ hình địa ngục niệm bài chú này còn được tăng tuổi thọ, được các thiên thần bảo vệ và các Bồ tát phù hộ. Sau đó Phật đã đọc bài chú cho Đế Thích, để ông truyền cho Thiện Trú và phổ biến cho chúng sinh.

Năm 1964 ở Hoa Lư lại phát hiện được cột kinh thứ

hai. Cột kinh này cũng có 8 mặt, mỗi mặt rộng 10,50cm. Điều đáng tiếc là 2 mặt đã bị mài mòn không còn đọc được chữ nữa, chỉ còn lại 6 mặt, khắc bài chú Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni. Và trước bài chú còn có bài tán bằng chữ Hán. Đó là điểm khác với cột kinh thứ nhất và hấp dẫn đối với người nghiên cứu. Bài tán đó như sau: (những chỗ mất chúng tôi thay bằng ô ()):

() () () Liên Hoa điện
Kim Cương tọa thượng Tôn
Thắng Vương

Quảng trường Thiệt tướng
biển tam thiên

Hằng sa công đức () ()
Phật đỉnh gian trì diệu
chương cú

Cửu thập cửu ức Như Lai
truyền.

Kiểu Thi Ca vị Thiện Trú
thiên

Năng diệt thất phần bàng
sinh ()

() () tổng trì bí mật giáo
() phát viên minh quảng
đại tâm

Ngã kim cụ túc thị phạm
phu

Tán thán tổng trì tát bà
nã

Sở hữu phúc lợi tế quần
sinh

Thập phương sát thổ chư
Như Lai

Tha phương thế giới chư
Bồ-tát

() () () () () ()
Tán chí Đại tướng cập
Dược-xoa.

Minh ty địa chủ Diễm ma
la

Thiện ác bộ quan nhị đồng
tử

() () () () () ()
() văn khải thỉnh giai giáng
lâm

Ứng hộ Phật pháp sử
trường tồn

Các các cần hành Thế

Tôn giáo

Nhất văn Phật Đỉnh Tôn
Thắng Vương.

Xuẩn động hàm linh giai
thành Phật.

() () () () () ()
() () () () () ()

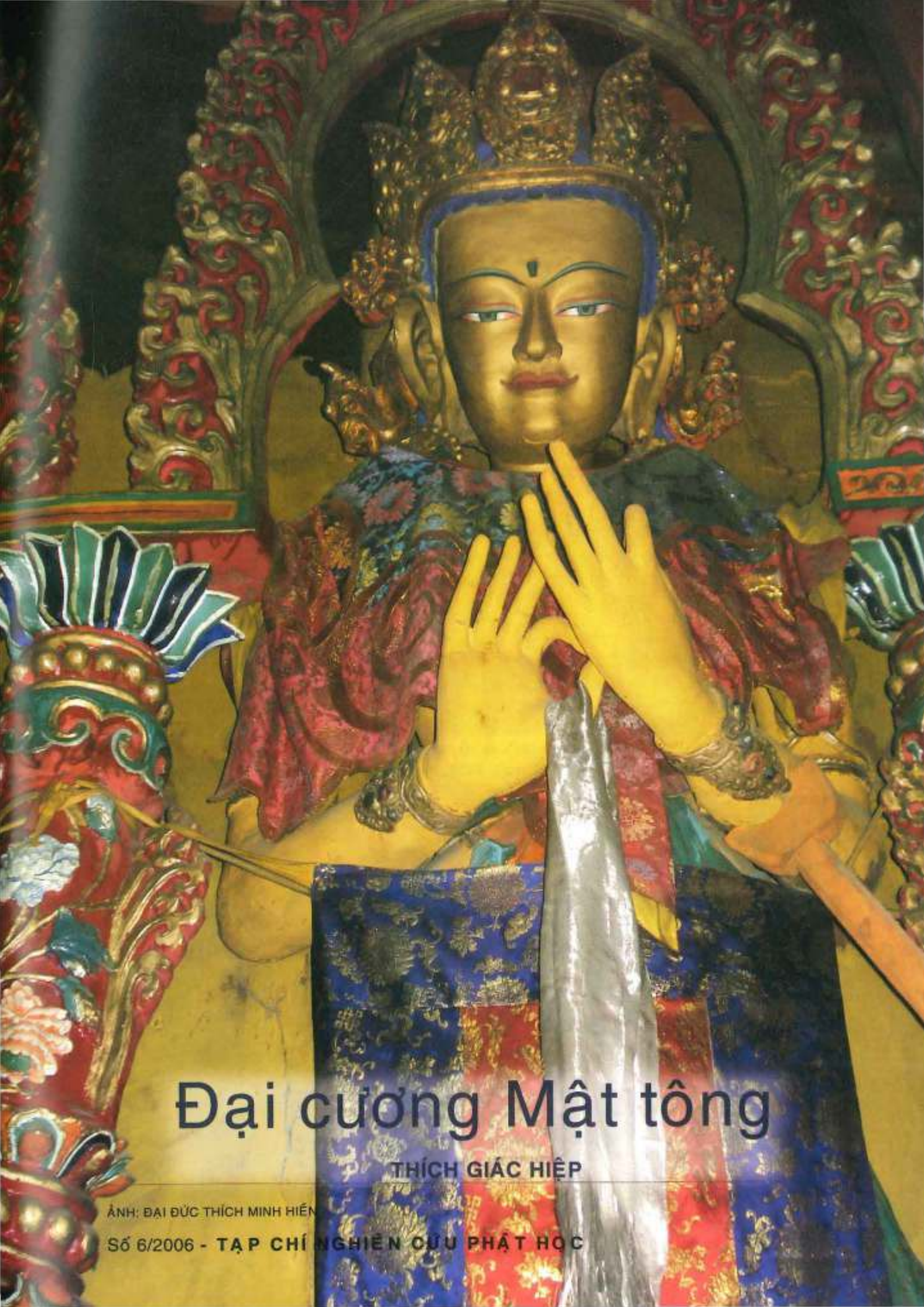
Có thể dịch ý bài tán như sau: "Trong điện hoa sen, Đức Phật Đỉnh Tôn Thắng Vương ngồi trên tòa Kim Cương. Tướng lười dài rộng khắp ba nghìn thế giới. Công đức Phật như cát sông Hằng v.v, những câu những đoạn tuyệt diệu trong đầu Đức Phật được chín mươi chín ức Như Lai truyền đi. Để Thích lại truyền cho Thiện Trú, và nhờ đó trừ được nghiệp chướng bảy lần thác sinh làm cảm thú. Nếu giữ được phép tổng trì của bí mật giáo thì sẽ nảy sinh tấm lòng quảng đại viên minh. Ta nay hoàn toàn là một kẻ phạm tục, chỉ biết ca tụng phép tổng trì nhất thiết trí. Có bao phúc lợi đem giúp quần sinh. Các Như Lai ở khắp mười phương, các Bồ-tát ở nhiều thế giới khác đại tướng Tấn Chí và lữ quỹ dạ xoa của ông, vị Diêm vương chúa đất cõi âm ty, hai đồng tử là bộ quan chủ việc thiện ác, khi nghe lời cầu xin đều giáng lâm, ủng hộ Phật pháp khiến trường tồn, khiến cho người người chuyên cần làm theo lời Phật dạy. Khi nghe tiếng Phật Đỉnh Tôn Thắng Vương, mọi vật sống đều rung động mà trở thành Phật...".

Năm 1987, ở Hoa Lư phát hiện được 18 cột kinh khác. Nhiều cột đã mờ hết chữ, chỉ còn 3 cột là còn tương đối nguyên vẹn có thể đọc được các dòng chữ. Trên các cột kinh này cũng có khắc bài Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni. Nhưng đặc biệt theo các cột này đều có dòng chữ ghi

rõ là Đinh Khuông Liễn đã giết em là Đinh Noa Tăng Noa vì không trung hiếu với cha và anh, ông đã tạo ra 100 cột kinh như vậy để cầu cho em được siêu sinh và cầu nguyện cho cha là Đại Thắng Minh hoàng đế (tức Đinh Tiên Hoàng) sống lâu, nước nhà được vững mạnh và cho bản thân mình được lộc vị bền vững.

Đinh Liễn giết em là Hạng Lang (Đỉnh Noa Tăng Noa) vào năm Kỷ Mão (979) nhưng vào tháng 10 năm đó thì Đinh Tiên Hoàng và Đinh Liễn bị Đỗ Thích giết. Như vậy 100 cột kinh này có niên đại là 979. Vậy là Đinh Tiên Hoàng đã xây dựng 200 cột kinh, 100 cột năm 973 và 100 cột năm 979. Các cột kinh này ở Hoa Lư là biểu hiện một tín ngưỡng của thời bấy giờ: tín ngưỡng cột Phật Đỉnh Tôn Thắng. Đây là một tín ngưỡng đã phát triển ở Trung Quốc thời Đường dưới ảnh hưởng của Mật giáo. Tín ngưỡng đó đã lan ra các nước xung quanh như Việt Nam, Triều Tiên. So sánh kiểu chữ Hán trên cột kinh Hoa Lư với chữ Hán ở Trung Quốc, thấy cách viết ở Hoa Lư rất giống với kiểu chữ thời Đường. So sánh các bản phiên âm, cũng thấy bài chú ở Hoa Lư gần với bản phiên âm của các nhà sư Mật tông thế kỷ 8 ở Trung Quốc.

Tóm lại, qua việc nghiên cứu các cột kinh ở Hoa Lư, ta thấy được nhiều khía cạnh văn hóa và lịch sử Việt Nam thế kỷ 10. Chẳng hạn, qua những dòng chữ ở cột kinh ta có thể bổ sung được nhiều sử liệu vào lịch sử dân tộc như số ruộng đất phong của Đinh Liễn, xác nhận những điều ghi chép trong chính sử về nhà Đinh. □



Đại cương Mật tông

THÍCH GIÁC HIỆP

ẢNH: ĐẠI ĐỨC THÍCH MINH HIẾN

Số 6/2006 - TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC

1. Giới thiệu

Nếu xét về mặt triết học, Mật tông là đỉnh cao của Trung luận và Du-già tông. Tantra của Phật giáo sử dụng thuật ngữ Phật giáo Đại thừa, đặc biệt là của Trung luận và Du-già tông hoặc đôi khi của văn chương A-tỳ-đàm. Mật tông chủ trương Niết bàn là tính không. Mật tông còn gọi là:

- Chân ngôn tông;
- Kim cương đỉnh tông;
- Tỳ Lô giá na tông;
- Bí mật thừa;
- Kim cương thừa với tên thông dụng là Mật giáo.

Tantra có nghĩa là sợi dây, còn có nghĩa là thu tóm tất cả mọi vật. Tantra còn chỉ cho cách thức thực hành thiền định và nghi lễ. Trung Quốc dịch có 2 nghĩa: 1) Bí mật: nói lên tính bí truyền của giáo lý này. Giáo lý không thể diễn đạt bằng ngôn từ bình thường. 2) Chân ngôn: dịch từ dharani hay matra.

Nhiều sách phương Tây thường cho rằng Mật tông

Phật giáo là một hình thức suy đồi đạo đức. Quan niệm này dựa trên sự diễn dịch một vài đoạn kinh, chú như trong tác phẩm Bí mật tập hội (Guhyasamaja-tantra). Nếu đọc giả có điều kiện đọc trọn bộ kinh, thì sẽ phát hiện ra rằng kết luận trên là hoàn toàn sai. Những kinh này chỉ liệt kê những nghi lễ. Mật tông chủ yếu là thực hành, mặc dù có đề cập một số giáo lý Đại thừa. Những tác phẩm này thường sử dụng ngôn ngữ rất chuyên biệt và giới thiệu những ý nghĩa khó hiểu. Do vậy, người thực hành không nên đọc hiểu sách và thực hành theo những gì nói trong đó. Một số học giả phương Tây tin rằng kiến thức, ngôn ngữ đủ để đọc và hiểu, thế nhưng truyền thống Mật giáo trái ngược với điều này. Do vậy, thật là sai lầm khi chỉ trích Tantra của Phật giáo dựa trên những sự thờ cúng mang tính suy đồi. Ngược lại, đây là những tác phẩm do các tổ sư chọn lọc hình thành một hình thức

đúng đắn, chính tế(1).

2. Lịch sử:

Ở Ấn Độ khi đề cập đến Mật tông ta phải hiểu rằng có 2 loại, một là của Ấn Độ giáo, hai là của Phật giáo. Tư tưởng Mật tông bắt nguồn từ thời cổ đại Ấn Độ. Như được biết, các câu thần chú, bùa phép được tìm thấy trong Athrva-veda, một trong 4 bộ Vệ-đà. Sau đó, bùa chú ngày càng phát triển trong Bà-la-môn. Trước khi Phật giáo ra đời, nó đã trở thành hình thức tôn giáo và chiếm vị trí quan trọng trong xã hội Ấn Độ cổ. Khi nó kết hợp vào Phật giáo, nó đạt được sự phát triển hoàn thiện.

2.1 Mật giáo của Ấn Độ giáo:

Tantrism bắt nguồn từ ảo thuật thời nguyên thủy. Người Ấn Độ thời nguyên thủy, cũng giống như tất cả chủng tộc du cư nguyên thủy trên thế giới, họ có những thực hành ảo thuật vận dụng bùa, yêu thuật để tự bảo vệ chống thú



ẢNH: ĐẠI ĐỨC THÍCH MINH HIẾN

dữ. Các thuật sĩ cho họ bùa thuốc chống lại bệnh, rắn cắn, họ phát hiện nhiều loại thuốc từ những cây, lá và khoáng chất. Đó là những thứ mà người nguyên thủy thì dùng để chống lại kẻ thù thiên nhiên và siêu nhiên(2).

Khi dân Ấn Độ thời nguyên thủy phát triển các bùa, thuật trên thành một hệ thống chủ thuật thì họ bắt đầu tiếp xúc với dân Aryan đến từ phương Tây. Dân Aryan có nhiều mặt phát triển hơn dân nguyên thủy Ấn Độ vì họ khoẻ mạnh, thông minh và đến từ một nền văn minh. Nền văn minh của họ sau này được xem là 4 loại Vệ-đà (Veda). Càng ngày dân Aryan di cư đến càng đông và chinh phục dân Ấn nguyên thủy và đẩy họ xuống giai cấp nô lệ. Dân Aryan tận dụng tài nguyên và sức lực của thổ dân và hình thành hệ thống chính quyền, hệ thống 4 giai cấp. Dân Aryan đem theo họ một hệ thống tế lễ, tụng Vệ-đà. Trong tế lễ đôi khi chỉ có vài tu sĩ, nhưng có lúc lên đến một số lượng lớn. Các tu sĩ thực hành chủ thuật, tụng Vệ-đà mantras theo hình thức phát âm rất khó. Người thường không bao giờ có thể phát âm đúng được. Giới tu sĩ hình thành giai cấp thượng đẳng, Brahmanas. Giai cấp này đã ảnh hưởng nhiều lên cộng đồng Hindu trong thời cổ xưa và cho đến ngày nay. Như vậy, họ tiếp tục thực hành các buổi tế lễ huyền bí, tụng Vệ-đà mantras, lưu truyền quan điểm triết học và hệ thống tổ chức xã hội của họ.

2.2 Mật giáo Phật giáo:

Một trong những điểm ưu việt của Tantra Phật giáo là



ẢNH: ĐẠI DỨC THÍCH MINH HIẾN

sự tổng hợp các yếu tố đa dạng của văn hoá Ấn Độ. Bất cứ một phong trào tôn giáo nào ở Ấn Độ, Mật tông cũng rút ra được một vài điểm có giá trị. Chúng ta có thể thấy các yếu tố tôn giáo sau đây trong Mật tông: nghi lễ và tantra của Vệ-đà, lý thuyết siêu hình của Upanisad, hatth-yoga (các tư thế tập yoga).

Phương pháp của Mật tông là truyền thụ trực tiếp từ thầy sang trò. Việc truyền thụ khác với các tông khác như thế, còn về quan niệm giáo lý tông này cũng có một vài điểm dị biệt đối với Phật giáo Đại thừa. Người thầy đóng một vai trò quan trọng trong việc giáo huấn. Người thầy mới có đủ tư cách truyền

khẩu, giải thích trình tự và ấn chứng cho học trò. Người Thầy giống như một vị Phật(3). Do vậy, Mật tông khẳng định tầm quan trọng của khẩu truyền từ thầy cho trò(4). Các tông phái Phật giáo khác cho rằng nhiệm ô là chướng ngại chính đối với Bồ-đề, và chúng ta phải hoàn toàn chế ngự chúng. Ngược lại, Mật tông Phật giáo tuyên bố rằng nhiệm ô có cùng bản tính với Bồ-đề. Muốn đạt được Bồ đề cần có nhiệm. Giống như một thầy thuốc lấy một vài phương thuốc trị liệu từ những chất độc nhất. Rất nguy hiểm khi đưa cho đứa bé một thanh kiếm để trần cho nó chơi đùa, cũng vậy, trình bày tư tưởng bí mật cho người không có khả năng

hiểu nó, sẽ đưa họ đến sai lầm và tổn hại cho họ.

Thật khó có thể tìm được chính xác sự bắt nguồn của Mật tông, Tantras và mantras được thực hành từ thời đức Phật, nhưng không may là chúng ta không có sử liệu về các sự kiện này. Đến bây giờ chúng ta có một vài dữ liệu về thái độ của đức Phật đối với việc thực hành Tantras, chỉ có một vài điều được đề cập trong văn chương Pali, cho nên chúng ta không biết thời gian chúng được giới thiệu vào Phật giáo. Chúng ta chỉ biết một số tác phẩm nói về Daranis ắt hẳn tồn tại đầu kỷ nguyên Tây lịch(5). Trong Phật giáo chúng ta biết đức Phật cấm việc thực hành Daranis và bùa. Thế nhưng trong một số tác phẩm Đại thừa, mantras và daranis được nói đến, như kinh Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Bát-Nhã. Trong một số kinh khác chúng được đề cập với số lượng lớn. Điều này cho thấy rằng tư tưởng Mật tông luôn tồn tại trong các dòng tư tưởng Phật giáo. Chính khi Phật giáo Đại thừa phát triển, Bà-la-môn giáo chuyển hoá thành Hindu giáo. Tại thời điểm này Phật giáo chịu sự ảnh hưởng của Hindu, một sự xáo trộn tư tưởng làm Phật giáo thay đổi nhiều(6).

Vào khoảng giữa thế kỷ thứ 7, Mật giáo đã trở thành dòng truyền chính của Phật giáo Ấn Độ. Trong giai đoạn đại đế Pala (thế kỷ thứ 8 đến thế kỷ 12 TL.), Tantra Phật giáo phát triển mạnh, đến khi Hồi giáo xâm lăng trong thế kỷ 12, chúng đã tiêu diệt tông này. Mật tông phát triển sang Đông Nam Á và Tây Tạng(7).

Tantra phát triển khi triết học, tư tưởng của Phật giáo

Đại thừa đang trong giai đoạn cực thịnh. Các hình thức tu viện đại học phát triển chuyên về tu học, thiền định. Giai đoạn này Phật giáo Đại thừa ảnh hưởng trong giới chính trị và tạo nhiều uy tín. Do vậy, tu viện Phật giáo có được nhiều sự ủng hộ và trở nên giàu có. Thậm chí, một số tu sĩ thành đạt trong đường học vấn sẽ được đất đai, người hầu, gia súc, nhà cửa, vàng bạc và mọi ưu đãi khác(8).

Tantra Phật giáo phát triển bên ngoài tu viện Phật giáo. Ban đầu nó là một phong trào phản kháng, chủ yếu thuộc giới tại gia. Với ước muốn phục hồi lại Đại thừa thời sơ kỳ, các nhà cải cách Tantra chống đối những hình thức đặc quyền và triết học kinh viện khô khan của Tăng đoàn. Họ tìm kiếm một hệ thống tôn giáo có thể phổ biến cho mọi người hơn. Người theo Mật tông tin rằng sự tự chủ phải được kiếm nghiệm trong cuộc sống gia đình, chốn náo thị, nghĩa địa, hoặc những nơi hoang vắng xa cách xóm làng. Hình thức Tantra Phật giáo mới này chủ trương rằng các ước muốn, khoái lạc nên bao gồm trong phương cách tu tập.

Nói tóm lại, Tantra Phật giáo và Hinduism ảnh hưởng lẫn nhau. Thật sự, Tantra Phật giáo bao gồm một số tư tưởng tiêu biểu của Branmanism, trong Upanisad, và một số lễ nghi của Vệ-đà. Nói cách khác, Tantra Phật giáo kết hợp một số lượng lớn tư tưởng và thực hành huyền bí từ thời Ấn Độ cổ đại(9).

Giới Phật giáo thường phân biệt 2 loại Mật tông trong Phật giáo: (1) Thuần Mật (); Thuần Mật là Mật tông theo lời dạy trong pháp thân

của Đại Nhật Phật và trong kinh Đại Nhật (Mahavairocana-sutra) và kinh Kim Cang Đỉnh (Tattvasamgraha) (2) Tạp Mật (); Là Mật tông trộn lẫn những trường phái Mật giáo với nhau(10). (Còn nữa)

Chú thích:

- 1.A.Wayman, The Buddhist Tantras: Light on Indo- Tibetan Esotericism (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers, 1996), 3f.
- 2.B.Bhattacharyya, An Introduction to Buddhist Esotericism (Delhi: Motilal Baalsidass Publishers, 1989), 1f.
- 3.T.Yoshinori, (ed.) Buddhist Spirituality: Indian, Southeast Asian, Tibetan, Early Chinese (Delhi: Motilal Baalsidass, 1995) 219f.
- 4.A.Wayman & R. Tajima, The Enlightenment of Vairocana (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers, 1998), 119f.
- 5.B.Bhattacharyya, An Introduction to Buddhist Esotericism (Delhi: Motilal Baalsidass Publishers, 1989) 49
- 6.Wayman, Alex & R. Tajima, The Enlightenment of Vairocana (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers, 1998) 215.
- 7.A. & D. Matsunaga, Foundation of Japanese Buddhism (Vol, Tokyo: Kenkyusha Printing Co., 1974) 178.
- 8.M.Shaw, Pasionate Enlightenment: Women in Tantric Buddhism (New Delhi: Munshiram Manoharlal Publishers, 1994), 20.
- 9.A.Wayman, Yoga of the Guhyasamajatantra: The Arcane Lore of Forty Verses (Delhi: Motilal Baalsidass Publishers, 1999), 52.
- 10.A.Wayman & R. Tajima, The Enlightenment of Vairocana (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers, 1998) 219.



Tây Tạng-nơi khởi nguồn của con sông nổi tiếng Trung Quốc với những đỉnh núi bốn mùa băng tuyết, đã trở thành trung tâm học phái Mật Tông huyền bí của Phật giáo. Giữa một màn đêm mênh mông đầy cường quyền thống trị về đồng bạc trắng và nha phiến của những vị thổ ty người dân Tây Tạng tôn thờ các đấng "Phật sống" với cuộc sống lung linh đầy huyền bí. Sự thật về lịch sử hình thành, bản chất của học phái Mật Tông-Tây Tạng như thế nào đang đặt ra những câu hỏi triết học hóc búa vẫn còn nguyên giá trị đối với các nhà nghiên cứu từ trước đến nay.

BÙI ĐĂNG KHOA

Hé mở bức màn
Mật Tông Tây Tạng
thần bí

1. Nguồn gốc Mật tông

Văn hoá Mật Tông - Tây Tạng là sản phẩm của sự kết hợp giữa Phật giáo Đại Thừa truyền thống thời kỳ cuối và văn hoá bản thổ địa phương vùng Tây Tạng. Theo tư liệu lịch sử thì quãng thời gian vùng Tây Tạng lần đầu tiên tiếp xúc với Phật giáo là vào khoảng năm 641 tương đương đời nhà Đường năm Trính Quán thứ 15. Thông qua quá trình tiếp thu và giáo hoá của Phật Giáo, giới quý tộc địa phương Tây Tạng đã tiếp thu tinh hoa của nền văn hoá Ấn Độ. Họ gửi con cái và người thân sang Ấn Độ du học Phật giáo, rồi trên cơ sở tiếng Phạn, họ đã sáng chế ra văn tự, biên dịch Kinh Phật rồi mời đại sư Mật Tông vùng Bắc Ấn Độ tên là Liên Hoa Sinh vào Tây Tạng để sáng lập ra một di sản văn hoá đặc sắc về Mật Tông ở Tây Tạng. Tuy nhiên mức độ ảnh hưởng khá lớn về văn hoá Trung nguyên Trung Quốc đối với Tây Tạng ta cũng không thể xem thường.

Thời kỳ đầu khi công chúa Văn Thành vào Tây Tạng đã có không ít nho sinh và đạo sĩ cùng đi theo. Ngoài ra đạo pháp tồn tại trong tôn giáo Tây Tạng đã vốn có sẵn các hoạt động thần bí như: yết chú, hoạ bùa, lập đàn tế v.v.. khá gần gũi với phái Nam Cung Chính Nhất của Đạo giáo. Hơn nữa cơ sở lập lịch pháp của vùng Tây Tạng cũng rất giống với thời cổ đại ở Trung nguyên Trung Quốc. Trước khi học phái Mật Tông của Ấn Độ du nhập vào Tây Tạng thì Tây Tạng đã tồn tại các dòng tôn giáo bản địa sơ khai và các dòng tôn giáo đó còn đến tận ngày nay.

Vào thế kỷ thứ 7 khi Phật giáo truyền nhập vào Tây Tạng cũng đúng vào lúc thiền sư Huyền Trang đời nhà Đường sang Tây Thiên thỉnh kinh. Dựa vào những ghi chép của thiền sư Huyền Trang, Phật giáo ở Ấn Độ lúc đó đang ở thời kỳ thịnh vượng nhất. Các dòng tư tưởng Duy Thức, Trung Quán, Nhân Minh ở nước Thiên Trúc - Ấn Độ đều lấy Di Lặc Bồ Tát làm cơ sở truyền giáo. Hai loại lập trường đó là: Bát Nhã rốt cuộc là Tính Không và Duy Thức suy cho cùng là Thực Hữu, đối lập nhau về cơ sở lý luận đã ảnh hưởng trực tiếp tới Phật giáo truyền thống vùng Tây Tạng. Học thuyết Nhân Minh vùng Tây Tạng (còn gọi là Lượng Luận) hẳn không nghi ngờ đã có quan hệ trực tiếp với Phật giáo truyền thống Ấn Độ và nếu so sánh với học thuyết Nhân Minh ở Trung nguyên Trung Quốc thì nó cũng chịu ảnh hưởng rất sâu sắc. Chính các nhân vật pháp sư và học giả Phật giáo Tây Tạng phải có hiểu biết uyên thâm về học thuyết Nhân Minh cho dù môn Logic học của họ lại có nhiều khác biệt với học vấn của các thiền sư Trung nguyên Trung Quốc. Kinh điển Phật giáo Tây Tạng phản ánh khá rõ về lý luận Phật Giáo - Ấn Độ thời kỳ thịnh vượng. Sự phát minh ra văn tự ở Tây Tạng cũng chịu nhiều ảnh hưởng của ngôn ngữ Phạn cho nên ngày nay ta có thể thấy cuốn Đại Tạng Kinh được biên dịch theo văn tự Tây Tạng vẫn còn nguyên bóng dáng ngôn ngữ Phạn. Trên giác độ chữ viết phồn thể thì Phật giáo ở vùng Tây Tạng và Trung nguyên Trung

Quốc đều thống nhất, nếu có khác nhau thì chỉ là cách hành xử trong thực tiễn mà thôi. Chính lối hành xử này đã đột xuất tạo ra đường lối truyền giáo bí mật về Phật giáo hay ta còn gọi bằng cái tên Mật Tông vùng Tây Tạng.

2. Tư tưởng Mật tông qua các triều đại

Tư tưởng của Mật Tông - Tây Tạng quá nửa là do đại sư Liên Hoa Sinh truyền dạy và nếu ta so sánh với ba nhà truyền giáo Mật Tông của Ấn Độ vào Trung Quốc thời kỳ Đường Huyền Tông là Thiệu Vô Úy, Kim Cương Trí và Bất Không Tam Tạng thì sẽ thấy có sự thống nhất. Phật giáo - Mật Tông của Trung Quốc kể từ đời nhà Đường cho đến giai đoạn cuối vương triều nhà Nguyên phát triển khá phổ biến thịnh. Kể từ vương triều nhà Minh về sau, giới thống trị đã giám sát chặt chẽ nhiều điều tệ hại của Mật Tông - Trung Quốc, đã ra lệnh ngăn cấm triệt để. Tuy nhiên Mật Tông ở Nhật Bản lại bắt đầu được phát triển trở lại. Tư tưởng Mật Tông thời kỳ nhà Đường từ Trung Quốc truyền nhập vào Nhật Bản còn được gọi bằng cái tên Đông Mật, còn nếu nó khởi nguồn ở Tây Tạng thì gọi là Tạng Mật. Đông Mật và Tạng Mật tuy không giống nhau nhưng nó đều tiếp thu đạo Bà La Môn Giáo ở Ấn Độ, thuật Du Già và các phương pháp tu thân khác. Cả hai học phái đều toát lên ý tưởng "hoá tinh thành khí và hoá khí thành thần" hay giới Mật Tông - Tây Tạng còn gọi bằng khái niệm "nhập vào yên tịch như lạc

biển tiêu diệt tội chướng". Ngoài ra Mật Tông - Tây Tạng còn có nhiều bí truyền về phương pháp điều chỉnh thân và tâm xuất phát từ thuật Du Già nhưng so với thuật tu thân của học phái Du Già bản gốc thì nó mang nhiều sắc thái lý luận hơn. Ta cũng có thể nói Mật Tông - Tây Tạng nhấn mạnh vào Thiền Học nhưng Thiền Học của nó cũng khác biệt với học phái Thiền Tông ở Trung nguyên Trung Quốc. Bởi vậy một số học giả Mật Tông - Tây Tạng đã cường điệu hoá lập trường nhận thức và coi đó là điều kiện tiên quyết của việc chuyển đổi nghiệp chướng. Thực sự họ đã đề cao vai trò lý luận "minh tâm kiến tính" mà thôi.

Mật Tông - Tây Tạng dựa rất nhiều vào các câu yết chú. Những lời yết chú trong câu tụng niệm của nó rất khó giải nghĩa nhưng lại mang hiệu quả rất thần kỳ. Phật giáo ở vùng Trung nguyên Trung Quốc cũng có lời yết chú nhưng quá nửa pha lẫn lời yết chú của Mật Tông - Phật giáo thời kỳ đầu và giữa quá trình phát triển hình thành nên. Về cơ bản những lời yết chú của Mật Tông - Tây Tạng được người tu luyện vận dụng thành thực và đã được lưu truyền khá rộng rãi. Ngoài ra Mật Tông - Tây Tạng còn có một đặc điểm là, người tu hành cần phải thoát tục hoàn toàn nhưng phương pháp thực hành của họ thì lại lấy thế gian làm điểm xuất phát. Điều này đã được Phật giáo phản ánh trực tiếp bằng nguyên lý "thực ảo - không, hữu không phải là hai mà cũng chẳng phải là một". Mật Tông - Tây Tạng tin tưởng vào các hoạt động sinh hoạt thường nhật của cơ thể con người, thậm chí thông qua việc điều chỉnh, dẫn đường, khống chế ham muốn là cách thức và con đường để con người trở thành Bồ Đề. Bởi vậy trong quá trình tu luyện theo Mật Tông - Tây Tạng có nội dung nam - nữ cùng tu luyện và thời xưa có không ít kẻ tội đồ đã lợi dụng nội dung tu luyện này làm hại dân lành và gây hoạ cho Phật Giáo. Sau cuộc cải cách của đại sư Tsong-kha-pa (1357-1419) của phái Hoàng giáo thì Mật Tông - Tây Tạng đã tăng cường được tính kỷ luật và duy trì được trật tự phát triển đồng thời khắc phục được điểm khiếm khuyết này.

Đời nhà Tống có vị đại sư Phật học ở Ấn Độ tên là A-đê-xia đã vào Tây Tạng để xướng học thuyết "chính trí, chính kiến" đồng thời truyền thụ phương pháp "trung quan, chính kiến". Ông đã viết tác phẩm "Bồ Đề đạo cự luận" có ảnh hưởng rất lớn đối với Phật giáo ở vùng Tây Tạng. Gần thời gian này có một số hoà thượng theo học phái Đại Thừa ở Trung nguyên Trung Quốc cũng vào Tây Tạng truyền giáo, truyền dạy về lý thuyết "thiền định tinh quan" nhưng dân cư Tây Tạng đã quá tin tưởng vào lý thuyết Phật giáo chính thống ở Ấn Độ nên họ đã



ẢNH: ĐẠI ĐỨC THÍCH MINH HIẾN

xua đuổi số hoà thượng theo học phái Đại Thừa. Thực ra tư tưởng "trung quan chính kiến" của phái Hoàng giáo - Mật Tông Tây Tạng so với tư tưởng Thiền Tông chính thống và so với tư tưởng "tĩnh quan định tuệ" của phái Thiên Thai tuy có chỗ khác biệt nhưng nó đều là sản phẩm của sự kết hợp giữa dòng văn hoá bản địa Trung Hoa và Phật giáo truyền thống Ấn Độ.

Năm Vĩnh Lạc nhà Minh, đại sư Tsong-kha-pa đã sáng lập ra Hoàng Giáo - Mật Tông Tây Tạng. Dựa vào tác phẩm "Bồ Đề đạo cự luận" của đại sư A-đê-xia và tác phẩm "Bồ Đề đạo thứ đệ quảng luận" cùng với tác phẩm "Lược luận" ta thấy ngũ thừa của đạo Bồ Đề gồm có: Nhân, Thiên, Thanh Văn, Duyên Giác đã quán xuyên: Giới, Định, Tuệ, Giải Thoát. Đồng thời qua tác phẩm "Mật thừa đạo thứ đệ luận" ta thấy có sự thống nhất lý luận về phép tu luyện theo Mật Tông. Việc nghiêm khắc tuân thủ theo giới luật, chuyên tu thanh tịnh và chú trọng phát huy Ngũ Luân Di Lạc đã trở thành những nội dung rất có giá trị của học phái Mật Tông - Tây Tạng.

Mật Tông - Tây Tạng kể từ đầu nhà Đường cho đến ngày nay tự phân chia thành bốn học phái lớn. 1/Phái Nyingma tục gọi là Hồng giáo về sau lại phân thành năm phái nhỏ. Hiện nay quá nửa học phái này định cư ở vùng biên cương Thanh Khang - Trung Quốc. 2/Phái Yejunin tục gọi là Bạch giáo về sau phân thành chín phái nhỏ. Hiện tại chủ yếu phái này định cư trên dãy núi Gong Ya ở quê hương Mìn Ya-Tây

Tạng. 3/Phái Sa-skya tục gọi là Hoa giáo, tính từ thời kỳ Bảo Đại Pháp Nguyên trở về sau đều lưu truyền trong nội bộ Tạng tộc và vùng biên cương Thanh Khang. Học phái này còn có mặt ở khu vực sông Kim Sa như Vân Nam, Nộ Giang, Ly Giang vv.. và là học phái uy tín lừng lẫy nhất của Mật Tông - Tây Tạng. 4/Phái cuối cùng Norye-Lu tên gọi là Hoàng giáo do đại sư Tsong-kha-pa sáng lập ra. Hiện nay các học phái Đạt Lai và Ban Thiền thậm chí cả đại sư Chương Hỷ vv.. của Mông Cổ đều là hậu duệ của Hoàng Giáo. Bốn đại môn phái của Mật Tông được đánh giá cao thấp khác nhau nhưng tựu chung đều tạo ra các ý kiến trái ngược từ phía những người nguyên cứu Phật học. Nếu ta đứng trên lập trường của phái Hoàng giáo ta sẽ thấy vấn đề "chính kiến Phật pháp" là như sau: "lấy tư tưởng trung lập và có chính kiến với pháp môn tĩnh quan là căn cứ lý luận để nguyên cứu chuyên sâu về nghĩa lý và triết học rồi tu luyện theo quy tắc Mật Tông từ thấp lên cao". Như vậy, theo phái Hoàng Giáo thì Mật Tông - Tây Tạng đã chú trọng phép tu Đại Uy Đức Kim Cương và Thời Luân Kim Cương. Ngày xưa nhiều vị tăng đời thứ chín của Hoàng giáo đã từng đến thành phố Bắc Kinh, Nam Kinh và nhiều nơi khác ở Trung Quốc thành lập hội tu luyện theo Thời Luân Kim Cương.

3. Giáo lý Mật tông trước thách thức mới

Những vị Lạt Ma - Tây Tạng muốn tu luyện Phật Pháp - Mật Tông suốt cả

cuộc đời mình thì họ phải tuân theo những quy phạm nghiêm khắc. Bất kỳ vị Lạt Ma nào muốn trở thành Đại Sư thì họ phải bắt đầu công việc tu dưỡng và học tập từ năm lên bảy hoặc tám tuổi. Để có thể đọc hết các kinh điển căn bản trong kho tàng kinh Phật đồ sộ thì cần phải mất ít ra hai mươi năm. Sau khi họ đã hội đủ kiến thức Phật pháp căn bản thì họ lại phải tiếp tục thi tuyển để được công nhận là Đại Sư rồi mới được tham gia công tác giảng dạy. Nếu ai muốn chuyên tu Mật Tông - Tây Tạng thì cần phải có một vị Đại Sư tiếp nhận làm đồ đệ rồi được truyền bí quyết chân truyền. Họ cũng cần chuyên tâm và biết cách tìm nơi tu luyện chốn hang sâu cùng cốc. Thường thường quãng thời gian để làm được điều này phải mất khoảng trên mười năm. Do vậy các quá trình như: Giáo-Lý-Hành-Quả đối với họ là các trình tự kỷ luật nghiêm khắc về học tập, suy ngẫm và biện luận. Hành có nghĩa là sự tu dưỡng về kỹ năng. Dựa vào đạo Đại Thừa Bồ Đề thì ta thấy công việc học tập của họ bao gồm năm mảng. 1/Thanh Minh học tức là bao gồm văn tự học và ngoài văn tự học. 2/Nhân Minh học bao gồm triết lý logic của Phật giáo và các tư tưởng triết học phổ thông khác. 3/Y Phương học bao gồm sử dụng dược thảo làm thuốc, kỹ năng chiêm bốc đoán mệnh.vv ngoài ra Hồng giáo của Mật Tông - Tây Tạng còn thêm vào mảng học này kiến thức về kiếm thuật, võ thuật... 4/Công Xảo học bao gồm hội họa, điêu khắc, và thêu thùa... 5/Nội Minh học bao gồm việc

tu dưỡng tâm tính theo Phật pháp để có thể đạt tới cảnh giới cao hơn. Rất nhiều tấm gương của những vị Lạt Ma đã trải qua trăm cay ngàn đắng trên con đường học tập đạt tới địa vị Đại Sư khiến người đời thán phục. Những vị Lạt Ma ngoài việc phải tuân thủ các giới luật Phật pháp phổ thông thì họ còn phải tuân thủ các giới luật biệt truyền của học phái Mật Tông - Tây Tạng.

Trên thực tế số Tăng nhân từ Hán vào Tây Tạng để theo học Mật Tông cũng không phải là ít. Cũng trong khoảng thời gian này có một vị Lạt Ma - Tây Tạng tên là Bạch Phổ Nhân Tôn Giả cùng với một số nhân vật kiệt xuất khác của Tây Tạng đã đến Bắc Kinh để giảng dạy về Mật Tông-Tây Tạng khiến mọi người một phen ngưỡng mộ vì lý thuyết "tăng-tục đồng nhất". Sau đó ít lâu vị pháp sư Đại Dũng ở đất Hán cũng theo vào Tây Tạng học Mật Tông. Pháp sư Đại Dũng tu luyện Mật Tông được 3 năm thì viên tịch ở miền Thanh Khang - Tây Tạng. Ông cũng là người khởi đầu

của phong trào theo học Mật Tông từ đất Hán hay đất Ba Thục sau khi có truyền thuyết ông hoá thân thành linh đồng sau khi vào Tây Tạng từ thời kháng chiến chống quân Nhật. Danh tiếng của Mật Tông - Tây Tạng cũng đạt tới cao trào ở thời kỳ đó.

Khi sức ảnh hưởng và phạm vi của Mật Tông - Tây Tạng ngày càng lan rộng thì âm thanh phản ngược về nó cũng ngày càng mãnh liệt hơn. Những năm gần đây liên tục có các vị pháp sư Mật Tông ở những địa phương nổi tiếng của Tây Tạng vào Trung nguyên giảng đạo càng khiến có thêm nhiều người chú ý. Chúng ta cần biết rằng Mật Tông tuy đã có căn gốc "nồng hậu" ở vùng Tây Tạng nhưng nó vẫn là sản phẩm của sự kết hợp giữa luồng văn hoá Hán - Tạng và Phật giáo Ấn Độ. Nó được sinh ra nhằm đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần của cộng đồng dân cư địa phương Tây Tạng. Người chuyên tu theo Phật giáo - Đại Thừa vẫn có thể tu luyện theo học phái Mật Tông - Tây Tạng nhưng họ cần phải có

thái độ nghiêm túc và chớ tưởng nó là con đường tắt để đi tới thành công. Chúng ta không phân biệt hoặc đánh giá về Phật giáo - Đại Thừa ở Trung Nguyên hay Mật Tông - Tây Tạng đâu là ưu điểm và đâu là khuyết điểm để tránh những cách nhìn phiến diện thiếu hụt giá trị lịch sử vốn có của nó. Trên phương diện một người nguyên cứu Phật giáo ta cũng thấy rằng những nỗ lực không mệt mỏi cộng với niềm tin mới là chìa khoá của thành công chứ ta không thể "một bước lên trời" như ai đó vọng tưởng. Quả thật nếu ai đó vẫn còn ý tưởng cần phải có một pháp sư mật truyền yết chú, hoặc tham dự một buổi lễ giảng kinh thông tuệ hay nhập thiền lạc cảnh giới để vươn tới một vị Bồ Đề chân chính thì họ đã tự làm u mê chính bản thân mình. Bởi lẽ học phái Mật Tông - Tây Tạng tuy nhấn mạnh ý tưởng "tự thân thành Phật" nhưng điều đó đòi hỏi cả một quá trình tu luyện gian khổ theo từng bước từ thấp lên cao chứ không phải câu chuyện "cá chép hoá rồng trong một ngày".□



Một số cải cách về nơi thờ tự của Hội Phật giáo Bắc kỳ



Gian thờ các liệt sĩ trong chùa Quán Sứ

ẢNH: MINH HẢI

LÊ TÂM ĐẮC

Viện Nghiên cứu Tôn giáo

1. Sau khi Hội Phật giáo Bắc kỳ được thành lập năm 1934, cùng với những cải cách về tổ chức Tăng già, về giáo dục tăng ni, về nghi thức Phật giáo... ngọn gió chấn hưng Phật giáo ở Bắc Kỳ còn thổi vào lĩnh vực nơi thờ tự.

Ngày 15 tháng 7 năm 1938, Báo Đuốc Tuệ đã nêu ra 5 vấn đề cần cải cách để thập phương tăng giới và cư sĩ đóng góp ý kiến giúp các nhà cải cách tiến hành công cuộc chấn hưng Phật giáo đạt kết quả tốt. Cụ thể năm nội dung cần cải cách là:



1. Chương trình giáo dục Tăng Ni và nam nữ cư sĩ nên đổi lại thế nào?

2. Nội dung tự viện nên cải đi thế nào?

3. Chỗ thờ tự, lễ bái cầu cúng và tượng pháp nên chỉnh đốn thế nào?

4. Phục sức của Tăng Ni và lễ phục của cư sĩ nên chế ra thế nào?

5. Tăng Ni có nên làm những sinh nghiệp của xã hội không, hay nên làm những sinh nghiệp gì?

Như vậy, trong 5 nội dung cần cải cách, có 2 nội dung (mục 2 và mục 3) liên quan đến sự thờ tự và tự viện.

2. Như chúng ta đã biết, ngôi chùa Việt ở miền Bắc không những thờ các vị Phật, các vị hộ trì Phật pháp, mà còn thờ nhiều vị thần của các tôn giáo, tín ngưỡng khác. Tựu trung lại, có thể quy các đối tượng thờ ngoài Phật giáo vào mấy nhóm sau: Thần tự nhiên và nông nghiệp - tiêu biểu là hệ thống Tứ Pháp (Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện). Thần của các tôn giáo, tín ngưỡng khác như Nho giáo - tiêu biểu là

Khổng Tử và các Á thánh; Đạo giáo - tiêu biểu là bộ ba vị thần Ngọc Hoàng - Nam Tào - Bắc Đẩu; Thần linh người Chăm - với thần Po Riyak, thần Po Yan Dari và tượng Phổng. Thần linh trong hệ thống tín ngưỡng thờ Mẫu hay còn được gọi là thờ Chư vị - Tam Phủ, Tứ Phủ, các ông Hoàng, bà Chúa. Những vị nhân thần có công với đất nước. Thờ Hậu Phật và những người có công xây dựng hay tôn tạo chùa,...

Nguyên nhân của hiện tượng này là khá đa dạng. Tuy nhiên, theo chúng tôi do mấy nguyên nhân chủ yếu sau đây: Thứ nhất, người Việt xưa - với tâm thức đa/phiếm thần điển hình của những cư dân nông nghiệp trồng lúa nước - thường tin vào nhiều vị thần, trong đó chủ yếu là các nhân thần và nhiên thần. Các vị Phật khác nhau, trong con mắt của người dân Việt, cũng là những vị thần. Thứ hai, Đạo thờ cúng Tổ tiên hay Đạo thờ Tổ (3 cấp: Nước - Làng - Dòng họ, hay 4 cấp: Nước - Làng - Dòng họ - Gia đình)

có thể nói là đạo gốc trong hệ thống tín ngưỡng tôn giáo người Việt. Các tôn giáo ngoại sinh hay nội sinh, muốn tồn tại và phát triển ở Việt Nam, có thể nói, đều phải kết hợp với hình thức tín ngưỡng này. Thứ ba, Phật giáo có tính thích ứng rất cao. Khi du nhập vào đất nước nào thì Phật giáo - trên tinh thần khế lý khế cơ, tùy duyên hoàng pháp - dễ dàng hội nhập vào nền văn hóa, và đời sống của dân tộc ấy như một bộ phận cấu thành không thể tách rời. Thứ tư, Phật giáo Việt ở miền Bắc căn bản là Phật giáo Đại Thừa, với sự kết hợp của ba yếu tố Thiền - Tịnh - Mật, trong đó yếu tố Tịnh và Mật nổi trội hơn cả. Thứ năm, đặc trưng của chùa Việt ở miền Bắc căn bản là các ngôi chùa làng. Đại đa số chùa Việt do nhân dân các làng xã đóng góp sức người, sức của xây dựng để phục vụ nhu cầu tâm linh của họ. Tục ngữ Việt có câu "Đất vua, chùa làng, phong cảnh Bụt" là để chỉ hiện tượng này. Các nhà sư chỉ mượn cảnh chùa để tu hành. Để đáp ứng nhu cầu tâm linh đa dạng của nhiều đối tượng tín đồ và nhân dân, trong nhiều trường hợp, các nhà sư trụ trì đã chấp nhận đối tượng thờ của nhiều tôn giáo, tín ngưỡng khác trong khuôn viên ngôi chùa.

3. Về mặt lý luận, vấn đề chấn chỉnh nơi thờ tự và tự viện mà Hội Phật giáo Bắc kỳ đặt ra đã nhận được sự đồng tình của nhiều nhà cải cách Phật giáo.

Tuy nhiên, theo thời gian, sự thờ cúng trong chùa bị "hồ đồ bác tạp" do người trong Tăng già hiểu không

rõ và hay lạm dụng hai chữ "phương tiện" nên đã có nhiều sự sai lầm, do hai nguyên nhân sau: Các samôn không có mối thống nhất và sự học đạo không được uyên thâm, việc gì cũng tùy tiện; Đạo Phật được cho là đạo viên dung, cốt có thờ Phật, thờ thánh, còn sự thờ phụng thêm bớt và cách bài trí bề ngoài, dù có một đôi chỗ sai lầm cũng không quan ngại, lâu dần hóa quen và không muốn thay đổi. Theo Trần Trọng Kim, Trưởng Ban Nghiên cứu Phật học của Hội Phật giáo Bắc kỳ, "đó là những chỗ khuyết điểm trong sự thờ phụng của đạo Phật ở nước ta, ta nên biết mà sửa đổi lại cho thích hợp với cái đạo tôn nghiêm của Phật giáo".

Về vấn đề này, nhà sư Thích Thanh Đặc cho rằng, trong các ngôi chùa, việc thờ tự nên đơn sơ và giản dị nhưng vẫn phải bảo đảm tính trang nghiêm và thanh khiết. Không nên đặt nhiều ban thờ, thờ nhiều Phật tượng. Các khu nhà phụ trong khuôn viên ngôi chùa nên dành làm trường học, thư viện, hoặc tiểu công nghệ,... Trần Trọng Kim - trong tác phẩm Phật lục và cư sĩ Hồng Liên Phạm Gia Tuân - trong tác phẩm Phật chùa nhà - thống nhất đề nghị loại bỏ những vị thần linh không liên quan đến Phật giáo trên Phật điện và những nơi thờ khác trong khuôn viên ngôi chùa.

Nhận thức được sự cần thiết của vấn đề, trên thực tế, Hội Phật giáo Bắc kỳ đã tiến hành một số cải cách bỏ nơi thờ tự của Hội - chủ yếu trong các ngôi chùa hội quán được xây mới hay xây dựng



Sư hòa thượng Thích Chân Quán Sư

PHẬT GIÁO HÀ

lại trong thời kỳ chấn hưng - và đạt được những kết quả cụ thể sau đây:

Thứ nhất, cách bài trí đối tượng thờ trên Phật điện và Nhà Tổ một số chùa hội quán của chùa Phật giáo Bắc kỳ điển hình như chùa Quán Sứ và nhất là chùa Nam Hải (thường được gọi là Hội Phật giáo Hải Phòng) toát lên sự đơn giản, với số lượng tượng Phật không nhiều, nhưng vẫn bảo đảm tính tôn nghiêm của một ngôi chùa Việt truyền thống. Tượng thờ được bài trí gọn gàng với mục đích dành nhiều khoảng trống trong ngôi chính điện để phục vụ tốt hơn cho việc làm lễ và thuyết pháp.

Thứ hai, về cơ bản, đối tượng thờ tự trong một số chùa hội quán chủ yếu là các nhân vật của Phật giáo (nhân vật có thực hay nhân vật huyền thoại). Nếu so với những ngôi chùa Việt truyền thống, đối tượng thờ sau này rõ ràng đã được "thanh lọc" khá nhiều thần thánh của một số tôn giáo. Tiêu biểu là bộ tượng Ngọc Hoàng, Nam Tào, Bắc Đẩu của Đạo giáo - và tín ngưỡng bản địa khác, tiêu biểu là đạo Mẫu, một sản phẩm xuất hiện phổ biến trong hầu hết các ngôi chùa Việt Bắc bộ thời Nguyễn.

Thứ ba, một số câu đối và đại tự ở các ngôi chùa được tu sửa hay tân tạo trong thời kỳ chấn hưng Phật giáo ở miền Bắc, chẳng hạn như chùa Quán Sứ, chùa Bồ Đề (Hà Nội), chùa Đồng Quang (Hà Đông), chùa Nam Hải, chùa Phả Chiếu (Hải Phòng), bên cạnh chữ Hán còn được thể hiện khá phổ biến dưới dạng chữ Quốc ngữ. Từ cuối thập kỷ 1920 và

rõ nhất là từ đầu thập kỷ 1930, với mục đích để nhân dân, Phật tử tại gia, thậm chí cả Tăng Ni hiểu rõ hơn, chân xác hơn giáo lý và tư tưởng của đạo Phật, các nhà cải cách Phật giáo ở Bắc kỳ đã vận động và tiến hành một phong trào dịch kinh sách và những văn bản khác của Phật giáo chủ yếu từ chữ Hán ra chữ Quốc ngữ. Đồng thời với quá trình dịch thuật, họ còn tích cực vận động và khuyến khích nhân dân và Phật tử đọc tụng kinh sách hoặc nói viết những kinh sách hay văn bản khác có liên quan đến Phật giáo đều bằng chữ Quốc ngữ. Các câu đối và đại tự chữ Quốc ngữ ở một số ngôi chùa miền Bắc xuất hiện chính trong hoàn cảnh đó.

Thứ tư, tiếp nối chủ trương xóa bỏ hủ tục vàng mã do Hội Phật giáo Bắc Kỳ đề ra, một hoạt động được xác định là mê tín và không liên quan gì đến Phật giáo. Nhiều chùa đã không xây dựng nơi hóa vàng mã trong khuôn viên. Hiện nay, trong sân chùa Quán Sứ hiện có 2 nơi hóa vàng mã, được xây theo hình ngôi tháp mộ bốn cạnh, kích thước 0,7 m x 0,7 m. Theo chúng tôi, 2 nơi hoá vàng mã này được xây dựng những năm gần đây để đáp ứng nhu cầu tâm linh của tín đồ và Phật tử trong thời kỳ kinh tế thị trường.

4. Tuy đã đạt được một số kết quả nhất định, nhưng có thể nhận thấy, vấn đề cải cách nơi thờ tự ở Hội Phật giáo Bắc Kỳ chưa thực sự sâu sắc. Và do vậy, trên thực tế, kết quả của sự cải cách này rõ ràng là chưa cao, nhiều khi chưa thực sự rõ ràng. Điều này do hai

nguyên nhân chính sau đây:

Thứ nhất, chủ trương của Hội Phật giáo Bắc Kỳ là sử dụng ngay những ngôi chùa đã có để làm chùa hội quán cho các chi hội. Những ngôi chùa này thường đã khá ổn định về kiến trúc cảnh quan, cũng như không gian và đối tượng thờ tự. Cho nên, việc đưa thêm vào hay bớt đi ban thờ và đối tượng thờ là điều khá khó khăn.

Thứ hai, theo tư liệu mà chúng tôi có được, cũng giống như nhiều cải cách khác, việc cải cách nơi thờ tự ở Hội Phật giáo Bắc kỳ thường chỉ mang tính chất vận động. Điều này là rất khác nếu so sánh với Hội Phật học An Nam, nơi mà hầu hết nội dung các chủ trương cải cách đều được thể hiện một cách rõ ràng và chính thức bằng văn bản từ Trung ương Hội. Xin được dẫn một ví dụ. Ngày 16 tháng 10 năm 1940, ông Nguyễn Đình Hòe - Hội trưởng Hội Phật học An Nam - đã ra "Định" số 18 nói về cách thờ tự và việc đọc kinh ở các chùa hội quán. Từ đó, những thần linh không phải của Phật giáo như Ngọc Hoàng, Nam Tào, Bắc Đẩu, Thánh Mẫu đều bị dẹp bỏ.

Những chùa hội quán ở xứ Huế, do được xây mới hoàn toàn và có chủ trương rõ ràng từ trung ương Hội Phật học An Nam, nên đều học tập không những từ kiến trúc cảnh quan mà còn nhất là sự thờ phụng trên Phật điện rất giản dị và mạnh tính cải cách triệt để từ mô hình chùa Từ Đàm - chùa hội quán trung ương: chỉ thờ độc tôn một pho tượng Thích Ca Mâu Ni ngồi trong tư thế kiết già trên đài sen. □



Vài nét về

ẢNH: LƯU VĂN TOÀN

văn học Phật giáo Việt Nam thời “Bắc thuộc”

Tiến sĩ NGUYỄN PHẠM HÙNG

Khái niệm thời “Bắc thuộc” là để chỉ một thời kỳ lịch sử kéo dài trên một nghìn năm, nước Việt Nam bị phụ thuộc vào các triều đại phong kiến phương Bắc, mà thực chất là bị các triều đại phong kiến Trung Quốc đô hộ, thống trị, kéo dài từ đầu thế kỷ II trước Công nguyên đến đầu thế kỷ X sau Công nguyên. Khi đó, nước ta bị biến thành châu quận của Trung Quốc. Vì thế, cho đến nay, những sáng tác văn học của người Việt Nam thời “Bắc thuộc” vẫn chưa được giới nghiên cứu công nhận là thuộc về văn học viết của dân tộc Việt Nam. Điều này có ảnh hưởng lớn tới việc nhìn nhận tính toàn vẹn của lịch sử văn học. Bởi vì, các tiêu chí mà các nhà nghiên cứu đưa ra để xác định diện mạo của nền văn học dân tộc như: đất nước độc lập, dân tộc tự do, cương giới xác định, văn hoá có bản sắc riêng, đội ngũ trí thức trưởng thành, nhu cầu sáng tạo và tiếp nhận của người Việt xuất hiện, ngôn ngữ và thể loại văn học đã được tiếp thu và sáng tạo có hệ thống... chỉ phù hợp với việc hình dung một nền văn học của nước Việt Nam thời kỳ độc lập, tự chủ sau này. Nhưng khi đất nước chưa độc lập, tự chủ thì phải chăng chúng ta không có văn học?



Điều đó có hợp lý hay không, có khách quan và khoa học hay không? Nếu như chúng ta đặt văn học của người Việt Nam thời "Bắc thuộc" trong bối cảnh chung của văn hoá Việt Nam thời "Bắc thuộc", thì câu trả lời là, điều nêu trên đây dứt khoát không hợp lý, không khách quan và khoa học. Bởi vì, chúng ta sẽ phải đối mặt với hàng loạt vấn đề đang được đặt ra đòi hỏi phải nghiêm túc trả lời: Tại sao văn học viết của người Việt Nam thời "Bắc thuộc" (với tư cách là một thành tố của văn hoá) lại không được công nhận là văn học của Việt Nam, trong khi các lĩnh vực văn hoá khác như tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán, lễ hội, trang phục, kiến trúc, điêu khắc, mỹ thuật..., thậm chí ngay cả ngôn ngữ, "yếu tố thứ nhất của văn học", hay "văn học dân gian" - người "anh em" của văn học viết, lại được công nhận là thuộc về văn hoá của Việt Nam, là những bộ phận không chia cắt về lịch sử trong quá trình phát triển văn hoá của người Việt từ cổ xưa đến bây giờ?

Theo chúng tôi, cần phải khôi phục lại toàn bộ văn học của người Việt Nam thời "Bắc thuộc" và cần phải xem đây là văn học thuộc

về lịch sử văn học dân tộc, dù đó chỉ là những mầm mống văn học ban đầu của nước Việt Nam khi chưa giành lại được quyền tự chủ và độc lập.

Tuy nhiên, ở đây sẽ đụng chạm tới vấn đề thế nào là "người Việt" thời Bắc thuộc? Khái niệm "người Việt Nam" thời "Bắc thuộc" hiện có nhiều cách hiểu rất khác nhau. Vì ngoài những người Việt "chính gốc" còn có một bộ phận đông đảo người Việt khác được hình thành trong một quá trình lâu dài tới cả nghìn năm hỗn dung nhân chủng và văn hoá với phương Bắc hay phương Nam. Nếu coi Triệu Đà (và con cái cùng các cận thần, quan lại của ông ta) sau khi "giết trưởng lại nhà Tần, giữ lấy đất Lĩnh Nam, xưng đế, đối địch với nhà Hán, hưởng nước giữ ngôi 100 năm mới mất, cũng là bậc vua anh hùng"⁽¹⁾ của nước Việt, như đánh giá của sử gia Ngô Sĩ Liên, hay "tự làm đế trong nước, đối ngang hàng với nhà Hán,... là người mở đầu cơ nghiệp đế vương cho nước Việt ta"⁽²⁾, như đánh giá của sử gia Lê Văn Hưu, [tất nhiên trong đó có cả việc thôn tính nước Âu Lạc của An Dương Vương để lập nên nước Nam Việt rộng lớn bao gồm cả Giao Chỉ, Cửu Chân và vùng Lương Quảng], rồi lấy vợ Việt, sống theo phong tục tập quán Việt (búi tóc, ngồi xõm...), sinh sống tới năm đời ở đất Việt, sau bị nhà Hán tiêu diệt và "nước Việt ta đã thuộc về nhà Hán"⁽³⁾ từ đấy, là người Việt Nam⁽⁴⁾, thì phải chăng lịch sử văn học viết của Việt Nam được bắt đầu từ đây? Hay nó chỉ có thể xuất hiện muộn hơn với những sáng tác của người Việt Nam "chính gốc"? Nhưng thế nào là người Việt "chính gốc" của thời kỳ hỗn dung nhân chủng và văn hoá này, vì điều này không thể xác định được ngay cả đối với người Việt thời kỳ tự chủ? Hay nó chỉ được bắt đầu khi đất nước được độc lập, tự chủ, như đã nêu? Theo chúng tôi, những vấn đề này cần được làm rõ, ngõ hầu mới có thể xác định được chính xác diện mạo cũng như thời điểm khởi đầu của lịch sử văn học dân tộc.

Nếu chúng ta công nhận các sáng tác của người Việt Nam thời "Bắc thuộc" là thuộc về lịch sử văn học Việt Nam, thì chúng ta sẽ có một cách nhìn đầy đủ hơn đối với văn học quá khứ. Lịch sử văn học của chúng ta có thể không phải chỉ có hơn 1000 năm, mà còn nhiều hơn thế, dù cho văn học trước thời kỳ tự chủ là thường xuyên đứt đoạn và rất mờ nhạt. Điều đó có lý do lịch sử của nó, nhưng cũng có thể vì hiện nay chúng ta chưa sưu

tầm hết được.

Trên thực tế, quá trình tiếp xúc với văn hoá và ngôn ngữ Trung Hoa, với Hán học, do cưỡng bức hay tự nguyện, được bắt đầu từ thế kỷ II trước Công nguyên. Cho đến cuối thế kỷ II sau Công nguyên, tức là sau khoảng 400 năm, Hán học ở nước ta đã khá phát triển, thậm chí có người cho rằng nó đã "trở nên rực rỡ"⁽⁶⁾, và bắt đầu có người Việt sáng tác văn học bằng chữ Hán, nhưng nay hầu như không còn. Từ khi tiếp xúc với Hán học, bắt đầu có người Việt Nam thi đỗ và làm quan cho nhà Hán như Lý Tiến, Trương Trọng, Lý Cầm...

Nhưng văn học Nho giáo không phải là bộ phận chủ yếu của thời kỳ này. Bộ phận chủ yếu của văn học thời kỳ này là văn học Phật giáo. Điều đó là phù hợp với thực tế lịch sử mà có người gọi đây là thời kỳ "Phật học độc thịnh". Đến thế kỷ III, Khương Tăng Hội người



gốc nước Khương Cư nhưng sinh ra ở Giao Chỉ, theo Nguyễn Lang, ông giỏi cả Phạn ngữ lẫn Hán tự. Trong các tác phẩm của ông ta thấy có tập "Nê hoàn phạm bối" là một tập thi ca về đề tài Niết Bàn tuyển dịch từ những bài thi tụng Phạn ngữ, "Lục độ tập kinh" của ông văn từ điển nhã, chứng tỏ Hán văn của ông không thua gì người Trung Hoa thời ấy. Cố nhiên là sinh trưởng tại Giao Chỉ ông phải nói rất thạo tiếng nước ta... Ông đã ở trên đất Trung Hoa 33 năm. Nhiều người cho rằng ông đã trước tác và dịch thuật tại đây, nhưng kỳ thực, một phần quan trọng của công việc này đã được ông làm tại Giao Chỉ⁽⁶⁾. Thế kỷ V, các thiền sư nổi tiếng người gốc Giao Chỉ cũng có trước tác kinh điển Phật giáo như Huệ Thắng, Đạo Thiện..., hay có làm thơ, như "chùm thơ trao đổi giữa hai cao tăng Thích Đạo Cao, Thích Pháp Minh ở Giao Châu và sứ quân Lý Diêu của Bắc triều"⁽⁷⁾. Đặc biệt đáng chú ý là bài phú chữ Hán "Bạch Vân Chiếu Xuân Hải" của Khương Công Phụ làm quan dưới thời nhà

Đường, thế kỷ VIII, từng được giới thiệu trong một số nghiên cứu về văn học sử của Việt Nam⁽⁸⁾.

Trong công trình sưu tầm và khảo luận tác phẩm chữ Hán của người Việt Nam trước thế kỷ X, Trần Nghĩa đã giới thiệu "trên 20 tác phẩm lớn nhỏ viết bằng chữ Hán của người Việt Nam từ thế kỷ X trở về trước"⁽⁹⁾. Những tác phẩm chữ Hán của người Việt Nam được sưu tầm và giới thiệu trong sách này chủ yếu là văn học Phật giáo, bao gồm:

Sáu bức thư tranh luận về đạo Phật của Đạo Cao, Pháp Minh với Lý Miểu "xuất hiện từ đời Đông Hán đến đời Lương" (khoảng từ năm 25 đến năm 543);

Bài văn bia Đại Tuỳ Cửu Chân quận Bảo An đạo tràng chi bi văn ở đảo trường Bảo An "do Nguyễn Nhân Khí soạn vào năm Tuỳ Đại Nghiệp 14" (năm 618);

Bài thơ Điều Pháp sư Đạo Hy của Đại Thừa Đẳng được chép trong sách Đại Đường Tây Vực cầu pháp cao tăng truyện của sư Nghĩa Tĩnh đời Đường.

Bài phú "Bạch Vân Chiếu Xuân Hải" và bài "Văn Sách Đối Trục Ngôn Cực Giác Sách" của Khương Công Phụ (thế kỷ VIII) được chép trong Toàn Đường văn.

Bài phán Đối Bình bộ thí xạ phán của Khương Công Phục, em ruột của Khương Công Phụ (thế kỷ VIII) được chép trong Toàn Đường văn.

Bài văn khắc trên chuông chùa Thanh Mai (thế kỷ VIII).

Bài ký và thơ của Liêu Hữu Phương (đầu thế kỷ IX) chép trong Toàn Đường thi và Toàn Đường văn.

Bài thơ khuyết danh "Tiễn Mã Thực" chép trong Toàn Đường thi thoại.

Bảy đoạn văn đối thoại trong giới Thiển học, sau này được chép lại trong Thiển Uyển Tập Anh Ngữ Lục.

Ngoài ra, cuốn sách cũng giới thiệu trong phần phụ lục một số tác phẩm Hán văn của những người xuất thân từ Trung Quốc, nhưng sinh sống, lập nghiệp và trước tác tại Việt Nam, như những bức thư của Triệu Đà gửi vua Hán, Lý hoặc Luận của Mâu Tử, một tác phẩm xuất sắc trong Thiển học Trung Quốc và Việt Nam, thơ của Thẩm Thuyên Kỳ, Giả Đào, Trương Tịch, Dương Cự Nguyên, Bi Nhật Hữu...

Phật giáo Việt Nam thời "Bắc thuộc" có vai trò hết sức to lớn trong đời sống xã hội. Vai trò đó còn tiếp tục phát huy mạnh mẽ trong giai

đoạn đầu của nền tự chủ, thế kỷ X - XII, dưới các triều đại Ngô - Đinh - Lê và Lý. Không phải ngẫu nhiên mà hình ảnh nhà sư "Trụ tích trấn vương kỳ" (Chống gậy tích trấn giữ kinh kỳ - Lý Nhân Tông: Truy tán Vạn Hạnh thiền sư) trở thành biểu tượng về quyền uy và vai trò của giới tu hành đối với triều chính lúc bấy giờ.

Văn học Phật giáo của người Việt Nam thời "Bắc thuộc", như ta thấy qua thống kê sơ lược trên, tuy rất nghèo nàn, nhưng lại là bộ phận văn học quan trọng nhất của "nghìn năm Bắc thuộc", vì các bộ phận văn học ảnh hưởng tư tưởng Nho giáo và Đạo giáo khiếm tốn hơn rất nhiều. Mặc dù các tác phẩm văn học Phật giáo của thời kỳ này bị thất lạc gần hết, nhưng theo ghi chép của các sách vở xưa thì số lượng tác gia văn học Phật giáo là khá đông đảo, với những tên tuổi lớn như Khâu Đà La (Ksudra), Ma Ha Kỳ Vực (Marajivaka), Chi Cương Lương Tiếp, Khương Tăng Hội, Mâu Tử, Thích Đạo Cao, Thích Pháp Minh, Pháp Hiển, Đại Thừa Đăng, Vạn Kỳ, Trí Hạnh, Tuệ Diễm, Định Không, Cảm Thành, Thiện Hội... Đây là lực lượng sáng tác chủ yếu của văn học thời Bắc thuộc.

Đóng góp quan trọng nhất của văn học Phật giáo thời Bắc thuộc vào sự phát triển của văn học viết dân tộc chủ yếu được thể hiện trên hai phương diện, thứ nhất là hình thành nên các hình thức nghệ thuật cho văn học Việt Nam thông qua việc tiếp thu những hình thức nghệ thuật của Trung Quốc, và thứ hai là hình thành nên những cảm hứng nghệ thuật Phật giáo dưới ảnh hưởng của văn học Phật giáo Trung Quốc. Quá trình "tập làm văn" đầu tiên của người Việt Nam chủ yếu là một quá trình "tập làm văn" Phật giáo. Văn học Phật giáo thời Bắc thuộc đã có công rất lớn khi du nhập những thể loại văn học Phật giáo chủ đạo của Trung Quốc như thơ Thiển, Ngũ lục Thiển tông, văn bia và tản văn triết học vào Việt Nam. Nó cũng mở ra những "truyền thống" đầu tiên trong cảm hứng nghệ thuật của văn học Phật giáo Việt Nam, như truyền thống triết luận về vũ trụ và nhân sinh, sự hội nhập với thế giới trần thế, hay biểu hiện tinh thần thực tiễn trong hành đạo. Đây cũng chính là những hình thức thể loại và những nội dung tư tưởng quan trọng nhất của văn học Phật giáo Việt Nam sau này.

Điều đó cho thấy, tuy chưa có được những thành tựu đặc biệt xuất sắc, nhưng văn học Phật giáo thời "Bắc thuộc" chính là bộ phận quan trọng nhất của văn học viết Việt Nam. Nó



ẢNH: TỊNH THUY

Tố Nữ, tranh Đông Hồ

chẳng những xây nền cho sự phát triển của văn học Phật giáo Việt Nam nói riêng, mà còn đắp móng cho lịch sử văn học viết Việt Nam nói chung. □

Chú thích:

- 1 Quốc sử quán triều Lê: Đại Việt Sử Ký toàn thư, T. I, NXB Khoa học xã hội, H. 1972, tr. 71.
- 2 Quốc sử quán triều Lê: Đại Việt Sử Ký toàn thư, T. I, Sđd, tr. 78.
- 3 Quốc sử quán triều Lê: Đại Việt Sử Ký toàn thư, T. I, Sđd, tr. 89.
- 4 Tuy nhiên quan điểm này cũng bị nhiều người phê phán, như Ngô Thì Sĩ trong Việt sử Tiểu Án, và nhiều sử gia cận hiện đại khác...
- 5 Nguyễn Lang. Việt Nam Phật giáo sử luận. T.I, NXB Văn học, H. 1994, tr. 72.
- 6 Nguyễn Lang. Việt Nam Phật giáo sử luận. T.I, Sđd, tr. 86.
- 7 Bùi Duy Tân. Khảo và luận một số tác gia-tác phẩm văn học trung đại Việt Nam. NXB Giáo dục, H. 1999, tr. 8.
- 8 Nguyễn Đổng Chi: Việt Nam cổ văn học sử. NXB Hàn Thuyên, H. 1942.
- 9 Trần Nghĩa: Sưu tầm và khảo luận tác phẩm chữ Hán của người Việt Nam trước thế kỷ X. NXB Thế giới, H. 2000, tr. 13.



Tư tưởng thiên của Nguyễn Trung Ngạn trong “Giới Hiền thi tập”

Đời Lý -Trần, Phật giáo phát triển rực rỡ và từng được coi là Quốc giáo của nước Đại Việt. Đó chính là nhân tố làm cho tư tưởng Thiển xuất hiện nhiều trong tác phẩm của các Nho sĩ khi ấy. Một trong những người mà tư tưởng Thiển thể hiện khá sâu sắc trong tác phẩm của mình, là danh nho Nguyễn Trung Ngạn.

NGUYỄN VĂN CHIẾN -

(Hưng Yên)

Nguyễn Trung Ngạn (1289-1370) trước tên là Cốt, hiệu Giới Hiền, tự Bang Trục, người làng Thổ Hoàng, huyện Thiên Thi (nay là làng Thổ Hoàng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên). Năm 16 tuổi, Nguyễn Trung Ngạn thi đậu Hoàng giáp. Sinh thời ông làm nhiều thơ, nhưng di cảo để lại chỉ còn “Giới Hiền thi tập” do hậu thế sưu tầm và chép lại.

Tư tưởng Thiển của ông thường được thể hiện qua sự cảm nhận thế giới huyền ảo, chân như và bộc lộ những vẻ đẹp của tâm hồn thánh thiện.

Trước những sự biến ảo của cuộc đời, Nguyễn Trung Ngạn thường tìm đến sự tiêu dao, sống tự tại, hoà mình vào thiên nhiên, trần thế. Ông muốn quên bể khổ, những phiền lụy để có được tâm hồn thanh thoi. Những mong muốn đó thường được ông thể nghiệm bằng sự siêu nghiệm.

Vật ngoại thiên nhiên chỉ nhất thân
Thử gian vinh nhục lưỡng vô văn.
Đã mai cốt cách nguyên phi tục,
Hải hạc phong tư tự bất quần...

Dịch:

Mình ông ở cõi trần ai,
Nhục vinh chẳng phải nghe hai tiếng này.
Mai hoang cốt cách vượt bay,
Phong tư hạc biển chẳng bày nào hơn.

(Tặng thi tặng Ngưu Sơn)

Tránh những chuyện thị phi, vinh nhục,



những vật luy ở đời để đạt được tư thế ung dung tự tại, thấu tỏ đạo Thiển, Nguyễn Trung Ngạn cũng như nhiều cao tăng thường nghĩ đến việc hoà mình cùng thiên nhiên cây cỏ, tìm kiếm trong chính bản thân mình cốt cách mai, hạc và tự hoàn thiện bản ngã bằng tâm hồn thư thái. Tư tưởng thoát tục để cầu tìm sự an nhàn của Nguyễn Trung Ngạn không chỉ được thể hiện một lần mà nó đã được lặp đi lặp lại nhiều lần trong thơ. Có khi ông thể hiện dưới một góc độ khác:

An đắc khinh thân trừ vật luy/
Tử tiêu phong đỉnh bạn vân nhân.

Dịch:

Sao cho thân nhẹ luy đời,
Đầu non nhàn với mây trời Tử Tiêu.

(*Yên Tử Sơn Động tự*)

Cái phong thái nhàn cùng vũ trụ, hoà mình vào thiên nhiên vô tận của Nguyễn Trung Ngạn dường như phẳng phất phong thái nhàn của Không Lộ thiền sư:

"Kiểu đất long xà chọn được nơi,

Tình quê nào chán suốt ngày ngồi,

Có khi đỉnh núi trèo lên thẳng,

Một tiếng kêu vang lạnh cả trời".

Nếu như tư thế trèo thẳng lên đỉnh núi của Dương

Không Lộ mong hoà mình vào thiên nhiên thì tư thế tự tại đứng trên đầu non của Nguyễn Trung Ngạn sau này lại một lần nữa được thể hiện và mở rộng thêm khái niệm "Nhàn" trong thơ thiền Việt Nam.

Nhiều lúc thiên nhiên trong thơ lại được Nguyễn Trung Ngạn cảm nhận dưới con mắt đầu trần tục, không bằng bất cứ một sự siêu nghiệm nào. Trên đường đi xứ, nỗi buồn vì phải xa quê hương những tưởng làm ông quên đi hết cảnh vật xung quanh, nhưng tâm hồn giao cảm của người xa xứ như ông đã hoà vào cảnh đẹp để khuấy đi nỗi hoài hương.

Trúc thạch du du Phật cảnh u/
Yết tiên tạm tác thượng phương du.

Trình cương bị mai hoa quân/
Bất phóng thiền tâm đắc tự do.

Dịch:

Tre đá miên man cảnh Phật u/
Núi cao bước tới chốn thanh tu.

Đường sứ hoa mai còn quyến rũ/
Chẳng thả lòng thiền cũng tự do.

(*Đăng Bàn Đá thẳng cảnh tự*)

Sự giác ngộ trong tiềm thức của những cao tăng trước còn được thể hiện ở việc tu hành theo giới luật nghiêm ngặt, đôi khi tầm chương, trích điển khổ hạnh, dần dần được thay bằng những việc tự nhiên của con người đầu sinh thú như: đói muốn ăn, buồn ngủ thì nằm ngủ, tùy duyên, tùy ngộ... làm cho con người được khoan khoái. Kết quả là con người kính nghiệm trở thành con người tâm linh. Thiền tông không phải một học thuyết phủ nhận thực tại, người theo Phật môn thường nói: "Sắc" là "Không", chứ không phải diệt Sắc để thành Không. Và điều đó cũng được Nguyễn Trung Ngạn thể hiện qua thơ ông:

Thắng địa liễu vô xa mã đáo,



Cư tăng trường khế thuỷ vân nhân.
Tông lai Phật bản vô danh tướng,
Để sự chân thân tại thế gian.

Dịch:

Cảnh đẹp ngựa xe đều không có,
Sư cùng mây nước hưởng tâm nhân.
Xưa nay Phật vốn không danh tướng,
Vấn để chân thân tại thế gian.

(*Du Tượng Sơn tự lễ vô lượng Phật Chân thân*)

Nguyễn Trung Ngạn đã thể hiện tư tưởng của mình, Phật vốn không danh tướng, ý niệm đó đã có từ xưa, ấy là cái "Không" của Đức Phật, nhưng trong cái "Không" ấy lại hiện cái "Sắc". Vì không mà hiện hữu có cũng chính là tư tưởng "Sắc" là "Không", "Không" là "Sắc" mà Thiền học quan niệm. Và quan niệm này đã không ít tác giả nhắc đến qua mối liên hệ Sắc - Không.

Những lạc thú ở đời khi đó với ông thường là trò phù phiếm, xa hoa, có lúc nó tựa như những giấc mộng mà người ta lại không thể sống mãi với mộng được.

Ca lâu vũ tạ bán hoang lương
Tiến nhật phồn hoa mộng nhất trường.

Dịch:

Lầu ca, đài múa nửa phần tro
Phồn hoa trước cũng mộng hờ.

(*Hải Triều hoài cổ*)

Và để thoát khỏi những cơn mộng mị của cảnh phồn hoa, Nguyễn Trung Ngạn đã tìm đến lòng Thiền bằng việc tìm cách thoát tục, vui với mây nước, thoát khỏi lụy đời. Chính đó đã kéo những suy tư của ông quay về với một không gian tĩnh mịch chỉ có tiếng gọi của sự an nhàn và cũng chỉ có tiếng gọi của sự thanh thân, ấy là tiếng chuông chùa vắng lặng: "Tiêu tự chung thanh tống tịch dương" (Cửa chùa vắng lặng chuông đưa bóng chiếu). Có thể nói, tìm cách thoát tục, tránh lụy đời chính là tư tưởng mà Nguyễn Trung Ngạn tiếp nhận được từ tư tưởng thiền học khá sâu sắc, chứ không phải hoàn toàn theo tư tưởng sống ẩn dật của những nhà Nho đương thời.

Tiếng chuông trong ánh chiếu tà, trong đêm tĩnh mịch như thế không chỉ còn là tiếng chuông bình thường, mà đó là sự vọng động trong tiếng lòng tĩnh mịch của Nguyễn Trung Ngạn đang hướng về chốn cửa Thiền. Nên chúng ta có thể thấy, hiểu được tiếng chuông

cũng là hiểu được tiếng lòng của nhà thơ khi ấy. "Tiếng chuông, tiếng lòng" như thế ta đã từng gặp trong "Hải Triều hoài cổ", bên cạnh đó chúng ta còn gặp lại trong "Đức Giang hoài cổ". Trong "Đức Giang hoài cổ" tiếng chuông nghe sâu lắng hơn, lặng lẽ hơn.

Cổ tự tăng chung sao lạc nguyệt

Đoạn khe ngư địch lộng tà huy.

(Chùa cổ chuông khua trăng đã lặn
Cuối khe sáo thổi nắng về tây)

(*Đức Giang hoài cổ*)

Bởi vậy, thơ Thiền có thể miêu tả cảnh sắc, thân, tịch diệt và sự ồn ào, nhưng trong đó vẫn luôn thể hiện một tâm hồn yên tĩnh. Cho nên nhà sư Hoài Tín từng nói: "Bảo núi không phải là núi, nước không phải là nước...". Chính là con đường dẫn nhập vào thế giới của Thiền chứ không phải là kết quả của sự quan sát. Bởi kết quả của sự quan sát là "thấy núi vẫn là núi, nước vẫn là nước". Nhưng dưới một con mắt không còn trần tục nữa, Nguyễn Trung Ngạn đã thể hiện khá tinh vi trong thơ ông. Vì thế, chúng ta mới gặp những cảnh trong "Giới Hiền thi tập" như:

Hương triệu hốt tàn tăng định bãi

Chung thanh bất động hạc miên từ.

(Hương cháy sập tàn tăng định nghỉ

Chuông không vang tiếng hạc li bì)

(*Đề Nhạc Lộc tự*)

Hay như: Mang lý bất tri xuân kỷ hỷ

Mãn đình long nhụy diều oanh để.

Dịch: Bận rộn xuân đà bao nhiêu nhĩ

Bên sân oanh hót nhụy hoa rơi.

(*Xuân Dạ Già tự*)

Tất cả đều là sự giao hoà thiên nhiên mang tính cá thể bằng việc thể hiện tâm linh hướng nội của cá nhân mỗi con người mà người ngoài không thể hiểu hết được, mặc dù chủ thể của nó có thể là "vong ngã".

Nói về giới sĩ phu đời Trần, Lê Quý Đôn đã viết trong Kiến Văn Tiểu Lục: "Các vị ấy phẩm hạnh và thanh giới cao khiết, có tư cách người trí thức quân tử như đời Tây Hán, không phải kẻ tầm thường sánh được. Bởi vì nhà Trần đãi kẻ sĩ một cách khoan dung, không hẹp hòi, hoà vị mà có lễ phép, cho nên nhân sĩ thời ấy ai cũng biết tự lập, anh hào tuấn vĩ vượt ra ngoài lưu tục, làm cho quang vinh cả sử sách, không thẹn với trời đất, há phải đời sau kịp được đâu". □

Đại sư Thái Hư với Phật giáo Việt Nam



Thái Hư Đại sư (THDS) sinh năm 1890, họ Cử, tên Cán Sấm, pháp danh Duy Tâm, quê Sùng Đức, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Ông xuất gia năm 16 tuổi, được Hòa thượng Ký Thiện ở chùa Thiên Đồng, Ninh Ba thụ Cụ túc giới cho, rồi nghiên cứu Phật học ở Trung tâm khắc kinh do cư sĩ Dương Văn Hội đứng đầu.

NGUYỄN ĐẠI ĐỒNG

Năm 1911, THDS đến Quảng Châu truyền bá Phật giáo. Năm 1912, Ngài sáng lập Trung Quốc Phật giáo Hiệp tiến hội. Năm 1913 trong lễ truy điệu Hòa thượng Ký Thiện, Ngài đề xuất cải cách giáo lý, giáo chế, giáo sản được gọi là "Tam đại cách mạng" cũng năm đó nhậm chức Tổng Biên tập Phật giáo nguyệt báo - tờ báo của Tổng hội Phật giáo Trung Hoa vừa thành lập. Năm 1918 cùng Chương Thái Viêm lập Giác Xã ở Thượng Hải, chủ biên

Giác Xã Tùng thư sau đổi tên Hải Triều Âm; năm 1922 lập Phật học viện tại Vũ Xương; 1927 làm Viện trưởng Mãn Nam Phật học viện và trụ trì chùa Nam Phổ Đà tại Hạ Môn;

Năm 1931, THDS thành lập Viện Giáo lý Hán-Tạng tại chùa Tấn Văn ở Trùng Khánh; 1939 làm ủy viên kế hoạch Hội Tổng động viên tinh thần quốc dân. Từ Năm 1943 tổ chức Hội Liên hiệp Phật giáo đồ Trung Hoa; năm 1944 Ngài thành lập Giáo hội Phật giáo Trung Quốc, giữ chức ủy viên Chính lý. Năm 1947 đang chuẩn bị đại hội Chính lý Phật giáo Trung Quốc thì Ngài phát

bệnh và mất.

THDS từng sang Nhật Bản để khảo sát tình hình Phật giáo Nhật Bản từ sau cuộc duy tân Minh Trị. Ngài đã du lịch qua Anh, Pháp, Đức, Bỉ để giảng truyền Phật học; tổ chức Vườn Phật học Thế giới tại Paris, tổ chức Hội Liên hiệp Phật học Thế giới tại Lư Sơn.

Pháp danh của THDS rất quen thuộc đối với Phật giáo Việt Nam: tháng 5 năm 1927 sau chuyển ra Hà Nội bàn việc thống nhất Phật giáo Việt Nam với sư ông Lai trụ trì chùa Tiên Lữ tục gọi chùa Hang (Đồng Bẩm, Đồng Hỷ, Thái Nguyên) không thành, Giáo

thụ Thiện Chiếu mang về Nam nhiều số báo Hải Triều Âm trong đó có những bài viết về Chấn hưng Phật giáo của THDS và chương trình của Tổng Hội Phật giáo Trung Hoa cho Hòa thượng Khánh Hòa và Hòa thượng Huệ Quang. Phải nói rằng Hải Triều Âm ảnh hưởng lớn tới phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam. Năm 1928 trong hành trình du lịch hoàng dương Phật pháp ở châu Âu, THDS có ghé thăm Sài Gòn chốc lát rồi lên đường ngay.

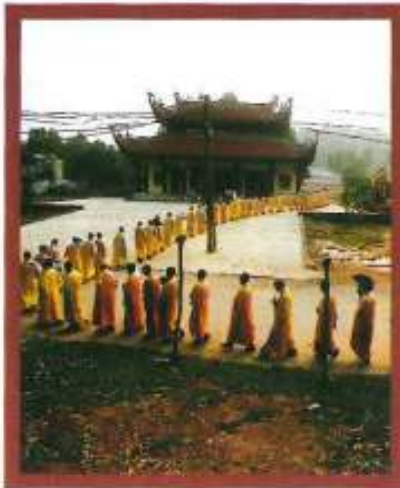
Tháng 2 âm lịch năm 1937, Thượng tọa Thích Trí Hải (Bắc) và Thượng tọa Thích Mật Thể (Trung) được cử sang du học ở Trung Quốc. Tháng 5 năm 1937, hai Thượng tọa gặp Thái Hư Đại sư ở chùa Tĩnh An, Thượng Hải. THDS nói: "Phật giáo Việt Nam với Trung Quốc vẫn là một, xưa kia vẫn đoàn kết mật thiết với nhau, song tiếc là gần đây vì hoàn cảnh không được thuận tiện nên chúng ta ít được gặp nhau. Nay các sư có chí lại được quý Hội phái sang đây học là quý lắm, nhưng chúng tôi cũng ở đây không đủ đáp ứng nhu cầu của các sư"⁽¹⁾.

Ngày 1/11/1939, từ Trùng Khánh, THDS vào Miamar, Ấn Độ, Sri Lanka ngót 5 tháng trời giao lưu với Hội Phật giáo các nước này, vận động hậu thuẫn chống Nhật xâm lược Trung Quốc. Ngài định sang Singapore song gặp trở ngại nên qua Sài Gòn để về nước.

Ngày 28/4/1940, THDS đến Sài Gòn cùng hai vị là Pháp sư Dĩ Phương, quê tỉnh Giang Tô, tốt nghiệp Viện Nghiên cứu Bá Lâm Bắc Kinh và Phật học viện Vũ Xương, hiện là Chủ nhiệm Viện Nghiên cứu Phật học Thế giới

gồm Hội Hán - Tạng Giáo lý và biên tập tạp chí Hải Triều Âm. Người thứ hai là Pháp sư Dĩ Từ, quê Sơn Đông, tốt nghiệp Tùng Nam Phật học viện, lưu học tại Thái Lan 24 năm. Ngài Lãnh sự Trầm Quân cùng hàng trăm Hoa Kiều ra bến Lăng Tô đón Ngài, về nghỉ tại một công ty Hoa Kiều bên Chợ Lớn.

Ngày 29/4, ngài Lãnh sự và các đại biểu đưa THDS đi viếng chùa ở Gia Định, viếng lăng Lê Văn Duyệt, sau đến chùa Giác Viên ở Phú Thọ lễ Phật. Trong buổi họp với Hoa Kiều tại Chợ Lớn chiều hôm đó THDS khuyên chư vị trí thức Hoa kiều nên tổ chức một Hội khảo cứu Phật học ở đây.



ẢNH: TUỆ QUANG

Ngài thân bút 4 chữ "Phật Quang Nam Chiếu" và có hàng chữ nhỏ "cung hạ" tặng Lương Xuyên Phật học Hội và đóng dấu "Hành khước tăng Thái Hư" rồi phái ông Lâm Tử Đoàn dâng cho Hội Lương Xuyên Phật học Trà Vinh.

10 giờ sáng ngày 30/4, THDS thuyết pháp tại Đại La Thiên tử lầu, rất đông người đến dự, Ngài mặc áo hậu bào còn hai Pháp sư Dĩ Từ, Dĩ Phương mặc cà sa vàng, thuyết pháp về Ngũ giới. Kết thúc bài giảng đã có 4 người hữu duyên ra thụ Tam quy

Ngũ giới.

Ra tới Hà Nội, Thái Hư Đại Sư đã đến thăm chùa Quán Sứ - hội quán Trung ương của Hội Phật giáo Bắc Kỳ. Ngài tặng Hội đôi câu đối hiện treo ở Tam bảo án ngoại chùa Quán Sứ:

Bên phải: *Pháp luân tự địa Đông Tây chuyển*

Bên trái: *Phật đạo phùng nguyên tử hữu thông.*

Dịch nghĩa:

Bánh xe Pháp giống như trái đất chuyển động từ Đông sang Tây

Đạo Phật trở về nguồn sẽ thông suốt cả bên trái cũng như bên phải

Cũng trong dịp này, cư sĩ Văn Quang Thùy, một trong những người sáng lập Hội Phật giáo Bắc Kỳ đã diện kiến Thái Hư Đại sư. Cư sĩ đã được THDS trao Bồ tát giới, ban pháp danh Tuệ Nhuận cho ông. Đại sư khuyên cư sĩ: "Tôi thấy Việt Nam toàn tu Tịnh Độ, cư sĩ nên vãng theo" và tặng cư sĩ Văn Quang Thùy hai câu thơ làm kỷ niệm:

Nhập Như Lai tạng, Văn tự Quang minh, Thùy vũ trụ

Phật ngôn Tuệ trạch, Nhuận sinh linh

(Thời tại Canh Thìn niên xuân, tam nguyệt nhị thập lục nhật (ngày 26/3 Canh Thìn)⁽²⁾.

Chuyến thăm Việt Nam lần thứ hai của Thái Hư Đại sư đã để lại ấn tượng tốt đẹp đối với Phật giáo nước ta. Báo Đuốc Tuệ (1935 - 1945) và Phương Tiện (1949 - 1954) đăng nhiều bài của THDS như bài Phát ngôn khuyên bảo các con quy; Thứ tự tu hành của các cư sĩ học Phật; Cội nguồn Phật học và cuộc vận động; Phật pháp xây dựng trên quả chứng; Ý nghĩa Phật học trong đời sống hiện tại và tương lai; Vấn đề tự do cho nhân sinh v.v...□

Thực tập sống HẠNH PHÚC

Thời đại ngày nay, kỹ thuật cùng các tiện nghi vật chất đang làm thỏa mãn các nhu cầu, tuy nhiên, những áp lực của cuộc sống luôn đè nặng lên tâm trí con người. Làm thế nào để bớt đi nỗi căng thẳng, đem đến cho con người niềm hạnh phúc? Đạo Phật - một tôn giáo thực tiễn có thể giải đáp một cách vi diệu những vấn đề trên.

TIẾN SĨ LÊ HỮU TUẤN

Trong tự nhiên, xã hội và tư duy, không có một sự vật hiện tượng nào lại có thể tồn tại một cách riêng biệt và độc lập với tất cả các sự vật và hiện tượng khác. Mỗi sự vật, hiện tượng tùy thuộc vào nhiều hiện tượng khác, do những điều kiện phối hợp với nhau mà thành. Một sự thật đơn giản là: "Cái này có cho nên cái kia có". Hễ có trái là có phải, hễ có phải là có trái. Phía phải và phía trái tương sinh, tương duyên, tương khởi, không thể loại bỏ một phía mà giữ phía kia được. Ví dụ mẹ và con, làm sao một người

được gọi là mẹ nếu người ấy không có con? Và làm sao người đó được gọi là con nếu không có mẹ? Mẹ và con cùng sinh với nhau một lần. Giờ phút này được làm mẹ thì người kia được làm con. Và đồng thời mẹ cũng là con, vì mẹ là con của bà ngoại. Như vậy, mẹ và con là cùng có mặt, nương vào nhau mà có mặt. Rất đơn giản mà có tinh thần khoa học "cái này có vì cái kia có, vạn vật nương nhau mà phát triển".

Cách nhìn cuộc sống như vậy là rất sâu sắc, rất màu nhiệm. Dùng cái thấy như trên soi và cuộc sống là ta có một ngọn đèn chiếu sáng cho ta tìm đường.

Trong cuộc sống thường nhật, chúng ta có nhiều mối vướng víu, nhiều chỗ bế tắc. Những cái kẹt và bế tắc ấy do tri giác sai lầm hoặc sự hiểu biết thiếu sót gây ra. Từ đó sinh ra những thành kiến, những ngộ nhận khiến tâm tư nặng nề. Đời sống chúng ta gặp nhiều đau khổ, đau khổ cho mình và đau khổ cho cả người xung quanh nữa.

Công nhận sự có mặt của khổ, trực tiếp tiếp xúc với đau khổ phải quán chiếu chúng thì mới tìm ra đường thoát. Chúng ta phải biết nhận diện được niềm đau, nỗi khổ của chúng ta. Nhận diện được cái khổ không phải là một việc làm dễ dàng và cũng không phải tự dưng mà nhận diện được. Phải có kiến thức, phải có kinh nghiệm, phải thực tập, phải lắng nghe, phải nhìn kỹ thì mới nhận diện được cái khổ của mình.

Nhận diện rồi phải tìm hiểu rõ hơn về cái khổ. Và từ đó hiểu được bản chất, hành tướng của niềm đau khổ. Cái khổ này là do những nguyên nhân nào gây ra? Phải nhận diện được các yếu tố hình thành khổ đau: Biết được nguyên nhân của khổ đau phải có quyết tâm diệt khổ. Ý muốn tiêu diệt mầm mống của đau khổ phải rất mạnh, phải

cương quyết chấm dứt. Diệt được khổ tức là xác nhận sự có mặt của an lạc, một trạng thái giải thoát, hạnh phúc. Nếu không nhận diện được nỗi khổ, thì ta không có năng lực diệt khổ. Người mắc bệnh nhức răng, biết xác nhận mình có đau răng, đó là một sự thật. Rồi xác nhận nguyên do vì sao mình bị nhức răng! và cũng xác nhận rằng có tình trạng không đau răng chính mình đã hưởng trong quá khứ và mình sẽ được hưởng trong tương lai nếu mình chịu chữa bệnh, xác nhận có những người không đau răng xung quanh mình, đó cũng là một sự thật. Sự an lạc này, sự thật về diệt này,

sự thật về diệt này, cần phải được chứng, cần phải được thực hiện. Tôi muốn trở lại trạng thái an lạc cũ, tôi muốn sống trong trạng thái an lạc như anh, vì anh đang không có căn bệnh như tôi. Và cuối cùng trạng thái diệt bệnh đã được chứng nghiệm. Đây tôi đã đạt tới an lạc rồi, tôi không còn đau răng nữa.

Xác nhận sự thật của đời sống là có khổ, nhưng đó không phải là sự thật duy nhất vì

ngoài nó ra còn có sự thật khác. Đó là niềm vui, an lạc, sự giải thoát và hạnh phúc. Như khi chúng ta được sinh ra thì cả gia đình, bạn bè đều mở tiệc ăn mừng, người ta thấy rằng mình là một hiện tượng rất màu nhiệm. Tất cả tùy tri giác của ta, nghĩa là vào nhận thức của chúng ta. Có những điều chúng ta cho là khổ nhưng người khác không coi là khổ. Có những điều chúng ta cho là vui nhưng người khác không cho là vui.

Trong đời sống, có những khuynh hướng chủ trương rằng: Cái này là khổ, đời là khổ. Cái nhìn như vậy đã tạo nên một hình ảnh bi quan về cuộc sống. Phải chăng nói cái thân này là khổ. Nói vậy thì khó hiểu lắm. Nếu thân này là khổ thì diệt thân này đi là hết khổ chẳng? Nghĩ như vậy thì rất nguy hiểm. Trong kinh Đại Bảo Tích có một đoạn: "Có



ẢNH: PHÙNG ANH TUẤN

một ông kia cầm cục đá ném con chó. Con chó đau quá, chạy theo cục đá mà sủa. Nó không biết rằng nguyên nhân làm nó đau là người ném đá, chứ không phải cục đá. Cũng vậy, những người mê tưởng thân là nguyên do của khổ, không biết nguyên nhân của khổ là nhận thức sai lầm về thân".

Một người phát tâm xuất gia là phải từ bỏ cả gia đình, cha mẹ và anh em của mình. Khi nhìn vào ta có thể coi đó là khổ. Nhưng có thể người đó thấy rằng xuất gia có nghĩa là sẽ có một cơ hội giúp bỏ để tâm của mình phát triển, do đó sau này mình sẽ mang lại hạnh phúc cho những người thân của mình. Với tâm niệm như vậy thì trong lòng không đau khổ, mà niềm hy vọng ngày càng lớn lên. Những người xuất gia đó đâu phải là người khổ. Cho nên, cái khổ tùy thuộc vào nhận thức và trí giác. Cũng vậy nguyên do cái đau khổ của con chó không phải là cục đá. Mà là người ném đá

Vậy chuyển hóa cái khổ như thế nào?

Quán chiếu thật sâu chúng ta thấy rằng sự vướng mắc, tham ái là nguyên do gây khổ. Si mê và giận dữ cũng là nguyên do gây khổ. Đi tìm nguyên do của khổ, chúng ta thấy có ái dục, sân hận, nghi ngờ, kiêu mạn, ác kiến (Tham, sân, si, mạn, nghi, kiến). Khổ do tri giác nhận thức sai lầm của chúng ta mà có. Nhận thức tri giác sai lầm là vọng tưởng, vô minh. Vì vô minh nên mới có sân hận, nghi ngờ, mới có ác kiến, có kiêu mạn và ái dục. Cho nên vô minh là gốc của khổ đau, gây ra những phiền não khác như tham, sân, mạn, nghi và ác kiến.

Cho nên trong cuộc sống, chúng ta không chỉ tiếp xúc với cái khổ, nhận thức cái khổ và chuyển hóa cái khổ, mà còn phải tiếp xúc với trạng thái không khổ, nuôi dưỡng cái không khổ và tự nuôi dưỡng mình bằng những trạng thái không khổ, hạnh phúc. Phải thực tập chuyển hóa khổ và thực tập sống hạnh phúc cùng lúc.

Cách thực tập cho mỗi người là làm thế nào để mỗi bước chân của mình được thành thoi, mỗi giây phút của đời sống hàng ngày có an lạc, hạnh phúc. Những mẫu nhiệm của sự sống đang được biểu hiện trước mắt ta trong mỗi phút giây. Chính bản thân ta là một mẫu nhiệm. Chính những người bên cạnh ta cũng là một mẫu nhiệm. Không có gì ngăn cản chúng ta tiếp xúc với sự sống trong những phút giây hiện tại để biến chúng ta

thành những trang huyền sử. Những thực tập này là đơn giản, ai cũng có thể làm được. Chúng ta có rất nhiều điều kiện để hạnh phúc.

Thời đại của chúng ta là thời đại trong đó mọi người có nhiều lo lắng và sợ hãi. Chúng ta đã được đào tạo và huấn luyện để sống trong lo lắng. Chúng ta lo lắng nhiều quá, nào là tìm kiếm vật chất, lo lắng cho tương lai, con cái học hành ra sao, công ăn việc làm có ổn định không? Đến nỗi đã mất đi khả năng sống hạnh phúc trong hiện tại. Chứng bệnh của thời đại là lo lắng, sợ hãi. Sợ dĩ lo lắng và sợ hãi nhiều quá cũng chỉ vì chúng ta quen sống phiêu lãng trong tương lai nhiều quá. Chúng ta cảm thấy bất an, đi không yên, đứng không yên và cả khi nằm ngủ lại sợ ngủ không được. Cái lo và cái sợ chấn ngự trong tâm ta.

Trở về an lạc trong phút giây hiện tại bạn sẽ thấy giây phút đó nuôi dưỡng và chuyển hóa bạn. Có những giây phút như vậy là có được an lạc, hạnh phúc. Đây là những phương thuốc đối trị chứng bệnh thời đại của chúng ta, bệnh lo sợ. Những chứng ưu uất (stress), những bệnh tâm thần của ta đều phát xuất từ áp lực của lo sợ. Và sự lo sợ của người khác lại thúc đẩy nỗi lo sợ của ta. Thấy người ta lo mình cũng lo, mình không thể thân nhiên được. Từ đó phát sinh ra một nỗi lo tập thể. Thế giới chúng ta đang bị thiêu đốt bởi ngọn lửa của lo sợ, bất an.

Phương thuốc rất mẫu nhiệm, để chữa lành những khổ đau, lo sợ là hãy buông bỏ hết cả những lo sợ ấy đi, dẫu là những lo lắng chính đáng. Hãy trở về tự nuôi dưỡng bằng sự sống trong giây phút hiện tại. Rồi bạn sẽ thấy bạn làm được gì để chuyển hóa tình trạng. Lo lắng suông dẫu có ích lợi gì mà chỉ làm băng hoại thêm tình trạng.

Tôi nghĩ rằng nếu chúng ta có một quan điểm tích cực trong tâm hồn thì cho dù đời sống gặp nhiều bất trắc, chúng ta cũng không hề mảy may sợ hãi. Ngược lại, nếu chúng ta có những cái nhìn sai lạc, luôn cảm thấy thất vọng, hoài nghi, sợ hãi hay căm ghét chính bản thân mình thì thậm chí được vây quanh mình những điều kiện của hạnh phúc, chúng ta cũng không hề cảm thấy có hạnh phúc. Vậy thì ý thức và quan điểm trong tâm hồn là rất quan trọng, nó tạo ra sự khác biệt hoàn toàn về trạng thái hạnh phúc của mỗi người. □

Quan Âm Thị Kính

trên tem Bưu chính Việt Nam



"Quan Âm Thị Kính" là câu chuyện cảm động về một phụ nữ gần nghìn kiếp duyên oan trải chung với kiếp làm nhân nhân, giữ trọn đạo hạnh để tu hành theo Phật giáo cho đến khi gặp đạo, và thành một vị Bồ Tát linh thiêng tuyệt nhiệm. Trước "Quan Âm Thị Kính", tác giả quyết định đi một lần trước trong các gian nhà ta bao đời, qua nhiều năm như như lịch, phim, tiếng chèo, kịch múa đương đại... và đặc biệt nhất là truyện văn dưới dạng truyện thơ lục bát để nhớ, để thuộc, nếu cần là thường đem làm lời ru em ả, là hương hồn vọng nữ cho hai nữ nghệ thuật khi đi vào giấc ngủ an lành.

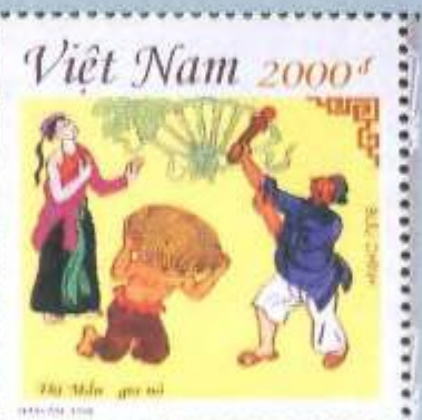
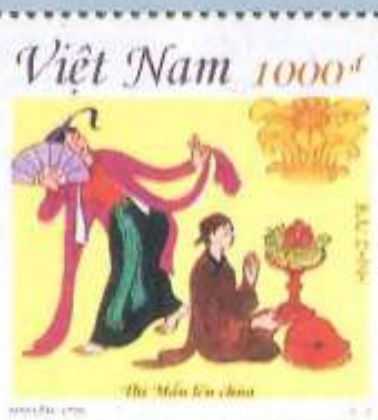
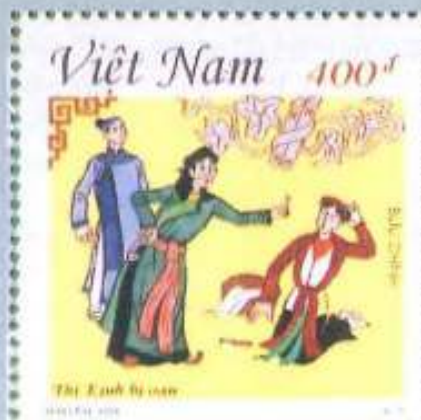
MÃN ĐƯỜNG HỒNG

Ngày 02 tháng 4 năm 1998, Bưu chính Việt Nam phát hành bộ tem "Quan Âm Thị Kính" dựa theo nghệ thuật chèo cổ. Đây là một bộ tem khối 6 mẫu liền lại với nhau, mang mã số bộ 774, do họa sĩ Ngô Mạnh Lân thiết kế-trình bày. Cả 6 mẫu tem đều có khuôn khổ (KK) 37 x 37, in ốp-xét nhiều màu, nối nhau thành hai hàng trên dưới, nằm giữa một khung màu xám được trang trí hoa văn trắng có KK 133x97. Theo thứ tự mã số mẫu (MSM), truyện "Quan Âm Thị Kính" được thể hiện lại như sau:

- Mẫu tem MSM 2892, giá mặt 400đ, mang tên "Thị Kính bị oan": thể hiện cảnh Thị Kính đang quỳ dưới đất, bà mẹ chồng đang vung tay múa chân, hung hăng chửi mắng cô con dâu hiền lành, đứng bên cạnh bà là Thiện Sĩ. Theo truyện, đó là đoạn từ câu 155 đến 161: "*Cô, còng ràng: "Bảo cho hay.../ Trộm hương, cắp phẩn cũng đẩy chạn chạn/ Mấy người một ngựa một an/ Nay Trương, mai Lý... thế gian hiểm gì?/ Ấy may mà tình ngay đi/ Đình đình đình nữa có khi còn đời/ Sự này chớ lấy làm chơi!"*

- Mẫu tem MSM 2893, giá mặt 1.000đ, mang tên "Thị Mầu lên chùa": cảnh Thị Mầu vào chùa gặp Kính Tâm đang ngồi gõ mõ tụng kinh. Theo truyện, đó là đoạn từ câu 389 đến 394: "*Nào rằng giữ nét khuê vi/ Ngày rằm mừng một cũng đi cùng dàng/ Nhác trông thấy tiểu đệ dàng/ Sóng thu xui khiến cho nàng khát khao/ Người đâu có dáng thanh tao/ Bóng trắng dưới nước, vẽ sao trên trời..."*

- Mẫu tem MSM 2894, giá mặt 2.000đ, mang tên "Thị Mầu-gia nô": cảnh Thị Mầu gặp gỡ rồi tư thông với thằng người ở trong nhà, để rồi kết quả là một bào thai. Theo truyện, đó là đoạn từ câu 411 đến 416: "*Trong nhà sẵn đứa*



thương đầu/ Quyển nghi một
chút để hầu ai hay/ Nào ngờ
gió thổi mưa bay/ Hạt kia
gieo xuống đợi ngày mà sinh/
Ba trắng coi đã khác mình/
Bữa cơm thì biếng, mùi
chanh thì thềm".

- Mẫu tem MSM 2895,
giá mặt 4000đ, mang tên
"Mẹ Đổp-xã trường": đây là
hai nhân vật của nghệ thuật
chèo tạo dựng nên cho
chiếu chèo thêm hài hước
sống động, trong truyện lưu
truyền không hề có, nhưng
chúng ta có thể hiểu đó là
các nhân vật tượng trưng
cho Làng-một thế lực ghê
gớm của chế độ phong kiến-
đã tra hỏi hạch tội Kinh Tâm.
Theo truyện, đó là đoạn từ
câu 497 đến 502: "Đến nơi
làng hỏi thực tình/ Tiểu kia đã
quyết tu hành đến đây/ Sóng
thu sao hãy còn lay/ Thị Mầu
kia đã trình bày phân minh/
Nói ngay thôi cũng thử tình/
Liệu tha chó có dối quanh
nữa đòn!".

- Mẫu tem MSM 2896,
giá mặt 6000đ, mang tên
"Thị Kính bị phạt vạ": vẽ lại
cảnh Kinh Tâm bị làng phạt
đòn đau đớn. Theo truyện,
đó là đoạn từ câu 527 đến
532: "Nói sao cũng cứ tri tri/
Túi rơi vỡ nọc tức thì truyền
mau/ Làm cho chín khúc
cùng đau/ Đào nhân nhỏ
mặt, liễu cau cơn mây/ Hải
đường gặp trận gió tây/ Lá rơi
rải rác, hoa bay tới bờ".

- Mẫu tem MSM 2897,
giá mặt 9.000đ, mang tên
"Thị Kính xin sữa": đây là
cảnh trích đoạn từ chèo cổ,
Kinh Tâm phải nhận con của
Thị Mầu để nuôi, không có
sữa cho con bú, phải đi xin
sữa khắp xóm làng để chịu
nghe lời đàm tiếu, chịu thấy
những cái nhìn khinh bỉ của
người đời. Tương ứng với

đoạn từ câu 625 đến 632
trong truyện: "Rõ là nước lã
mà lã/ Cũng đem giọt máu
tình thâm hòa vào/ Mẹ Vô thì
sữa khát khao/ Lo nuôi con
nhện làm sao cho tuyến?/
Nắng niu xiết nổi truân
chuyên/ Nhai cơm mớm sữa,
để nên thân người/ Đến đâu
ai cũng chê cười/ Tiểu kia tu
có trót đời được đâu...".

Theo kinh điển nhà Phật,
thì Quán Thế Âm (người đời
thường gọi tắt là Quan Âm,
do từ đời nhà Đường bên
Trung Hoa, người trong nước
kiêng kỵ dùng chữ Thế vì sợ
phạm húy tên vua Thái Tôn,
nên bỏ đi một chữ, lâu năm
thành quen) là một vị Đại Bồ
Tát có lòng Từ Bi, thường
hay cứu khổ cứu nạn cho
chúng sinh giữa bể khổ trần
gian. Quán Thế Âm Bồ Tát
còn có tên hiệu là Quán Tự
Tại Bồ Tát, đều do nghĩa
dịch từ tiếng Phạn là
Avalokitesvara Bodhisatva.
Đức Quán Thế Âm có nhiều
danh hiệu và sắc tướng khác
nhau, như: Quán Thế Âm Vô
úy, Thiên Thủ Thiên Nhân
Quán Thế Âm, Quán Thế
Âm Chuẩn Đề, Nhật Nguyệt
Quán Thế Âm...

Từ dân gian truyền khẩu,
nếu ở Trung Quốc có hình
tượng sống động của một
đức Quan Âm Diệu Thiện,
được thờ cúng nhiều nơi, thì
ở nước ta có hình bóng đức
Quan Âm Thị Kính cũng đã
đi vào trong tâm tưởng, thần
thức của bao thế hệ. Từ
truyện "Quan Âm Thị Kính",
nỗi oan của chú tiểu Kính
Tâm, cũng như tính lẳng
loàn trác nết của cô nàng
đồng danh Thị Mầu đã trở
nên điển hình và quen
thuộc, đến nỗi trong dân
gian lưu truyền những câu
nói ví von: "Oan như Thị



Tượng Quan Âm Bồ tát
chùa Dư Hàng- Hải Phòng

ẢNH: QUẢNG TÂM

Kính", hay "Lẳng lơ như Thị
Mầu".

Bộ tem khối "Quan Âm
Thị Kính" của Bưu Chính
Việt Nam là một bộ tem
được xếp vào hàng tem đẹp,
lạ, mang nhiều đề tài cho
người yêu tem đưa vào bộ
sưu tập: hội họa, truyện cổ
tích, nghệ thuật chèo cổ, và
Phật giáo. □

Ra mắt Ban đại diện Phật giáo thị xã Hoà Bình

Tại Cung Văn hoá thị xã Hoà Bình, Ban đại diện Phật giáo thị xã Hoà Bình vừa được ra mắt, với sự có mặt và chứng minh của Hoà thượng Thích Thanh Chính, Phó Thư ký Hội đồng chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Trưởng ban thường trực Thành hội Phật giáo Hà Nội; Hoà thượng Thích Thanh Sam, Phó Chủ tịch Ban thường trực Hội đồng trị sự Trung ương GHPG VN, Trưởng ban trị sự Tỉnh hội Phật giáo tỉnh Bắc Ninh; Thượng toạ Thích Thanh Nhiễu, Phó tổng thư ký, Chánh Văn phòng 1 Trung ương GHPG VN; Thượng toạ Thích Gia Quang, Ủy viên thư ký, Phó ban Phật giáo Quốc tế Trung ương GHPG VN và các thượng toạ, đại đức, Tăng Ni sinh, Phật tử thị xã Hoà Bình.

Sau khi được chính thức thành lập, Ban đại diện đã phân công phân nhiệm cụ thể, cùng với sự giúp đỡ của các ban, ngành chức năng đã tổ chức trang trọng Đại lễ mừng Phật đản sinh, lễ Phật thành đạo, lễ Vu lan báo hiếu tại đền Mẫu (đồi Ba Vành), phường Tân Thịnh, thị xã Hoà Bình. Chỉ trong

một thời gian ngắn, số lượng đạo hữu Phật tử quy y Tam Bảo sống theo chính pháp quy tụ về sinh hoạt ngày càng đông, riêng khu vực thị xã đã lên tới hàng ngàn người.

Theo Đại đức Thích Đức Nguyên, Trưởng ban Ban đại diện Phật giáo thị xã Hoà Bình, với đặc thù là tỉnh miền núi, có nhiều dân tộc cùng chung sống, chùa chiền bị hư hại nhiều, Tăng Ni tu sĩ thì chưa có trụ trì, đạo hữu Phật tử thì đông, nên sự hướng dẫn sinh hoạt văn hoá tâm linh cho đạo hữu Phật tử gặp nhiều khó khăn, hạn chế. Đại đức mong rằng, Trung ương Giáo hội, Ủy ban Nhân dân tỉnh và các cơ quan chức năng tỉnh, thị xã Hoà Bình quan tâm tạo điều kiện giúp đỡ, cấp đất, cho phép xây dựng chùa và xây dựng trụ sở trên địa bàn thị xã để nhân dân, Phật tử có nơi sinh hoạt tín ngưỡng tại địa phương, đồng thời bổ nhiệm sư trụ trì cho một số chùa trong tỉnh để Phật giáo Hoà Bình phát triển, đáp ứng nhu cầu cấp thiết trong công tác Phật sự, phụng sự đạo pháp và dân tộc. □

THANH HÀ



PHƯƠNG DANH CÚNG DÀNG

Tạp chí Nghiên cứu Phật học 2006

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Tĩnh tài
235	Ông Nguyễn Hữu Tựu	Tổ 13, phường Phan Thiết, thị xã Tuyên Quang.	50.000
236	Cô Thúy Nga	Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội	90.000
237	Ông Phó Đức Thắng	Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội.	50.000
238	Ông Nguyễn Quang Cử	Thư viện Phật học chùa Quán Sứ.	100.000
239	Bà Trần Thị Đông	82F-ngõ Thợ Nhuộm, Hoàn Kiếm, Hà Nội.	200.000
240	Phật tử vô danh	Hà Nội	1.000.000
241	Bà Phan Thị Quý	Số 1 Thanh Yên, Phúc Tân, Hoàn Kiếm, Hà Nội	100.000
242	Bà Phạm Thị Sen	Số 59, ngõ 381 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội	50.000
243	Phật tử Vũ Đình Thanh PD Thành Long	25 đường Thân Công Tài, P. Hoàng Văn Thụ, Thành phố Lạng Sơn.	200.000
244	PT. Vũ Thị Kim Thanh	Số 66 ngõ 145, đường Quan Nhân, Thanh Xuân	100.000
245	PT. Vũ Thị Hương	Số 1 ngách 20, ngõ 1 Nhân Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội.	50.000
246	PT. Nguyễn Thị Lân PD Đạo Nghiêm	281 phố Huế, Hà Nội	30.000
247	Lê Giang Nam	B7 - P7 Phương Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội.	50.000
248	Nguyễn Thị Mai Thủy PD Diệu Hòa	Số 6 hẻm 121/3/42 tổ 11A, ngõ Thanh Lương 1, phố Kim Ngưu Hai Bà Trưng, Hà Nội	100.000
249	Nguyễn Thị Thìn PD Diệu Liên	113 ngõ 295 Bạch Mai (T2 trường Đảng quận)	50.000
250	Khúc Thị Minh Duyến PD Minh Đức	97 ngõ 295 Bạch Mai (T2 trường Đảng quận)	50.000

Tạp chí xin chân thành cảm ơn Chư Tôn Đức Tăng Ni và Quý vị Phật tử đã hảo tâm ủng hộ hoạt động của Phân viện. Hoàng pháp lợi sinh là Phật sự trọng đại và lâu dài. Kính mong được sự giúp đỡ thường xuyên của Quý vị để Phân viện hoàn thành Phật sự.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát tác đại chứng minh.

PHÂN VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM

Toạ đàm "Tăng Ni trẻ với sự nghiệp xây dựng GHPGVN, xây dựng đất nước Việt Nam XHCN"

Ngày 31/10/2006 tại Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội (xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn) đã diễn ra buổi tọa đàm "Tăng Ni trẻ với sự nghiệp xây dựng GHPGVN, xây dựng đất nước Việt Nam XHCN" do Ban Tôn giáo Chính phủ phối hợp với Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội tổ chức.

Tới dự buổi tọa đàm có ông Nguyễn Thế Doanh - Phó Trưởng Ban thường trực Ban Tôn giáo Chính phủ; ông Bùi Hữu Dực - Vụ trưởng Vụ Phật giáo, Thượng tọa Thích Thanh Nhiễu - Phó Tổng Thư ký kiêm Chánh Văn phòng I; Thượng tọa Thích Gia Quang - Ủy viên thư ký kiêm Phó Ban Phật giáo Quốc tế; các Phó Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội: Thượng tọa Thích Thanh Duệ, Thượng tọa Thích

Bảo Nghiêm, Thượng tọa Thích Thanh Đạt, Đại đức Thích Thanh Quyết, các Quý vị trong Ban lãnh đạo và trên 200 Tăng Ni sinh đang theo học tại Học viện.

Ông Nguyễn Thế Doanh thay mặt cho Ban Tôn giáo Chính phủ đã đánh giá và chia sẻ với GHPGVN nói chung cũng như thế hệ Tăng Ni trẻ nói riêng những thành quả mà Giáo hội đã đạt được trong suốt thời gian qua, khẳng định vị thế của Giáo hội trong dòng chảy của dân tộc, đồng thời đánh giá cao vai trò cũng như xác định nhiệm vụ của Tăng Ni sinh trong sự nghiệp hoàng dương Phật pháp, xây dựng và bảo vệ đất nước theo như phương châm hoạt động của Giáo hội: "Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa Xã hội". □ **Minh Nga**

PHIẾU ĐĂNG KÝ ĐẶT MUA TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC NĂM 2007

Kính mời: Quý chư tôn đức Tăng Ni, Phật tử, độc giả đăng ký mua
Tạp chí Nghiên cứu Phật học năm 2007

Họ và tên:
Địa chỉ:
Số điện thoại:
Đăng ký xin mua:

- | | |
|---|--------------|
| <input type="checkbox"/> Tạp chí số Xuân 2007 (tháng 1+2) | = 15.000 VND |
| <input type="checkbox"/> Tạp chí số 2 (tháng 3+4) | = 10.000 VND |
| <input type="checkbox"/> Tạp chí số 3 mừng Phật Đản (tháng 5+6) | = 12.000 VND |
| <input type="checkbox"/> Tạp chí số 4 (tháng 7+8) | = 10.000 VND |
| <input type="checkbox"/> Tạp chí số 5 (tháng 9+10) | = 10.000 VND |
| <input type="checkbox"/> Tạp chí cả năm (6 số) | = 67.000 VND |

- Xin Quý độc giả vui lòng tích vào các ô trống theo nhu cầu đặt báo.
- Nếu Quý độc giả mua với số lượng nhiều xin liên hệ trực tiếp với Văn phòng Tạp chí Nghiên cứu Phật học.

- Thư từ, phiếu chuyển tiền xin gửi đến:

Tạp chí Nghiên cứu Phật học

Chùa Quán Sứ, 73 phố Quán Sứ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04.9423887 - 0914923656 (chị Trần Thị Thanh Hà)

Email: pvnpcphvn@yahoo.com



XUÂN CẦU

CÔNG TY TNHH XUÂN CẦU

NHÀ PHÂN PHỐI CHÍNH THỨC PIAGGIO TẠI VIỆT NAM



PIAGGIO

7 Đại Cồ Việt - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội * ĐT: 04. 6226011 / 12 * Fax: 04. 6226010
E.mail : xcc@hn.vnn.vn * Web site : www.xuancau.com.vn



HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

PIAGGIOSPACE

7 Đại Cồ Việt - Hà Nội
Tel: (04) 6226000

PIAGGIOSPACE

178 Nguyễn Thái Học - Q1 - TP. Hồ Chí Minh
Tel: (08) 8384199

PIAGGIOSPACE

124 Ba Triệu - Hà Nội
Tel: (04) 9454845

PIAGGIOSPACE

289 Nguyễn Văn Trỗi - Q.Phước Nhuận - TP. Hồ Chí Minh
Tel: (08) 8424748

PIAGGIOSPACE

52 Nguyễn Thái Học - Hà Nội
Tel: (04) 7340535



268 Lý Tự Trọng - Q.1 - TP. Hồ Chí Minh
Tel: (08) 9007148

PIAGGIOSPACE

209 Phố Huế - Hà Nội
Tel: (04) 9762615



74-76 Phan Chu Trinh - Q. Hải Châu - TP. Đà Nẵng
Tel: (511) 822887

PIAGGIOSPACE

14A Lê Lợi - TP. Vinh - Nghệ An
Tel: (038) 594666



THANH HOA PLAZA - 27-29 Lê Lợi - TP. Thanh Hoá
Tel: 091.208.4849

PIAGGIOSPACE

01 Lương Văn Thăng - TX Ninh Bình - Ninh Bình
Tel: (030) 885259

PIAGGIOSPACE

Show room ô tô xe máy Hạ Long -
Đường Bạch Đằng - TP. Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh
Tel: 0983.885.888



Cuộc sống hoàn hảo

Sang trọng, đẳng cấp và độc đáo là những tiêu chuẩn mà các dự án bất động sản như Khu du lịch và sinh thái Phú Quý ở Nha Trang do Công ty Cổ phần An Viên làm chủ đầu tư hướng đến để tạo ra một môi trường sống hoàn hảo!

